

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT TƯ – XĂNG DẦU
MATERIALS – PETROLEUM JOINT STOCK COMPANY
(COMECO)



BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN
NĂM 2021

(01/01/2021 – 31/12/2021)

Thành phố Hồ Chí Minh, tháng 3 năm 2022

GIÁ TRỊ CỐT LÕI CỦA COMECO

❖ **HOÀI BẢO :**

COMECO – Thương hiệu của chất lượng dịch vụ.

❖ **TẦM NHÌN :**

Số 1 về chất lượng dịch vụ trong kinh doanh hóa dầu tại Việt Nam
(trực chính là xăng dầu)

❖ **SỨ MỆNH :**

Đổi mới phong cách phục vụ trong lĩnh vực hóa dầu.

❖ **BẢN SẮC VĂN HÓA :**

Bản sắc nhân văn - đề cao giá trị đạo đức truyền thống.

❖ **SLOGAN :**

COMECO vì khách hàng phục vụ.

❖ **LOGO :**



- Giọt dầu làm biểu tượng;

- Màu cam thể hiện sự sôi nổi, hưng phấn, sáng tạo trong công việc;

- COMECO = COME + CO (COME nghĩa là đến, CO nghĩa là Công ty) mời gọi mọi người;

- COMECO được đặt trên nền màu cam, trung tâm là hình chiếc chìa khóa, thể hiện sức mạnh, trí tuệ với tầm lòng rộng mở, sẵn sàng hợp tác cùng phát triển;

- Khung hình vuông biểu thị cho sự phát triển bền vững.

❖ **TRIẾT LÝ KINH DOANH :**

Đại gia đình COMECO - Tất cả vì sự hài lòng của mọi người, vì mục tiêu chung.

❖ **THÁI ĐỘ VỚI KHÁCH HÀNG VÀ ĐỐI TÁC :**

Chuyên nghiệp - Hợp tác - Win win.

❖ **THÁI ĐỘ ĐỐI VỚI CÔNG VIỆC :**

Trách nhiệm - Sáng tạo - Hiệu quả.

❖ **THÁI ĐỘ ĐỐI VỚI ĐỒNG NGHIỆP :**

Tôn trọng - Công bằng - Chia sẻ.

❖ **THÁI ĐỘ ĐỐI VỚI CỘNG ĐỒNG VÀ NHÀ ĐẦU TƯ :**

Tin cậy - Công khai - Minh bạch.

❖ **THÁI ĐỘ ĐỐI VỚI CỘNG ĐỒNG VÀ XÃ HỘI :**

Bảo vệ sức khỏe - Gìn giữ môi trường - Hòa hợp cộng đồng.



CHÍNH SÁCH CHẤT LƯỢNG

1. Duy trì và cải tiến liên tục Hệ thống Quản lý Chất lượng theo phương châm “**COMECO vì khách hàng phục vụ**”.

2. Tuân thủ nghiêm các yêu cầu của pháp luật, đặc biệt là các yêu cầu về kinh doanh xăng, dầu.

3. Tập trung mọi nguồn lực để phát triển kinh doanh xăng dầu, làm nền tảng vững chắc cho chiến lược đa dạng hóa ngành nghề.

4. Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực nhằm đáp ứng mục tiêu “Phát triển - Hiệu quả - Bền vững”.

5. Xây dựng môi trường làm việc thân thiện, chuyên nghiệp, phấn đấu vì mục tiêu chung, vì sự phát triển Thương hiệu COMECO.

Chính sách chất lượng này được quán triệt đến toàn thể người lao động trong Công ty để thấu hiểu và thực hiện.

GIẢI THÍCH TỪ NGỮ VÀ CHỮ VIẾT TẮT

- Công ty : Công ty Cp Vật tư – Xăng dầu
- DNNN : Doanh nghiệp Nhà nước
- CPH : Cổ phần hóa
- ĐHĐCĐ : Đại hội đồng cổ đông
- HĐQT : Hội đồng Quản trị
- BKS : Ban kiểm soát
- TGD : Tổng Giám đốc
- NLD : Người lao động
- VDL : Vốn điều lệ
- CNXD : Chi nhánh xăng dầu COMECO (Cửa hàng xăng dầu) hạch toán phụ thuộc
- LNST : Lợi nhuận sau thuế
- GTVT : Giao thông vận tải
- HTQTCLTD : Hệ thống quản trị chất lượng toàn diện: tích hợp 3 hệ thống ISO 9001:2015, hệ thống quản lý môi trường, hệ thống quản lý an toàn sức khỏe nghề nghiệp; Công cụ 5S và 7 Tiêu chí giải thưởng Chất lượng Quốc tế Châu Á – Thái Bình Dương
- VP : Văn phòng
- CP : Cổ phiếu
- HTKD : Hợp tác kinh doanh
- PCCC : Phòng cháy chữa cháy
- SXKD : Sản xuất kinh doanh
- HOSE : Sở Giao dịch Chứng khoán Tp.HCM
- GDP : Tổng sản phẩm quốc nội
- Saigon Petro : Công ty TNHH MTV Dầu khí thành phố Hồ Chí Minh
- PVOIL : Tổng Công ty Dầu Việt Nam - CTCP

MỤC LỤC

TT	NỘI DUNG	TRANG
	<i>Mục lục</i>	1
	<i>Thông điệp của Chủ tịch HĐQT</i>	2
Phần 1	THÔNG TIN CHUNG	4
I.	Thông tin khái quát về COMECO	4
II.	Quá trình hình thành và phát triển	5
III.	Ngành nghề và địa bàn kinh doanh	11
IV.	Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý	12
V.	Định hướng phát triển đến năm 2026	13
VI.	Các rủi ro	17
Phần 2	TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM 2021	19
I.	Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2021	19
II.	Tổ chức nhân sự	20
III.	Tình hình đầu tư và thực hiện các dự án	27
IV.	Tình hình tài chính	27
V.	Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của Chủ sở hữu	28
VI.	Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của Công ty	33
Phần 3	BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN TGD	36
I.	Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh	36
II.	Tình hình tài chính	38
III.	Những tiến bộ Công ty đã đạt được	38
IV.	Kế hoạch phát triển năm 2022	40
V.	Giải trình của Ban TGD đối với ý kiến kiểm toán	42
VI.	Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của Công ty	42
Phần 4	ĐÁNH GIÁ CỦA HĐQT VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY	45
I.	Đánh giá của HĐQT về các mặt hoạt động của Công ty	45
II.	Đánh giá của HĐQT về hoạt động của Ban TGD, các cán bộ quản lý của Công ty	45
III.	Các kế hoạch và định hướng của HĐQT	46
Phần 5	QUẢN TRỊ CÔNG TY	48
I.	HĐQT	48
II.	Ban Kiểm soát	62
III.	Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của HĐQT, Ban TGD và BKS	66
Phần 6	BÁO CÁO TÀI CHÍNH	73
	<i>Hệ thống Chi nhánh xăng dầu COMECO</i>	

THÔNGIỆP CỦA CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Kính thưa Quý cổ đông, khách hàng và toàn thể người lao động COMECO!

Trước tiên, thay mặt Ban Lãnh đạo Công ty Cổ phần Vật tư - Xăng dầu (COMECO) tôi xin gửi đến Quý cổ đông, khách hàng, đối tác và toàn thể người lao động COMECO lời chào, lời cảm ơn chân thành nhất về sự ủng hộ và hợp tác trong suốt thời gian qua.

Thưa quý vị! Chúng ta vừa trải qua một năm đầy khó khăn và thách thức do đại dịch Covid-19 kéo dài, Thành phố Hồ Chí Minh và các tỉnh phía Nam thực hiện giãn cách xã hội đã ảnh hưởng rất lớn đến tình hình kinh doanh của COMECO. Vào những lúc cao điểm nhất của dịch bệnh và thực hiện chủ trương “Ai ở đâu ở yên đó”, trên 70% lao động của COMECO không thể đến được nơi làm việc, số làm việc theo phương thức “Ba tại chỗ” cũng gặp không ít khó khăn. Nhưng bằng sức sáng tạo không ngừng, tinh thần đoàn kết, chủ động, linh hoạt trong triển khai và ứng phó kịp thời các tình huống phát sinh để vừa phòng tránh dịch Covid-19, vừa ổn định kinh doanh, COMECO đã vượt qua mùa dịch Covid năm 2021 với những thành công nhất định. Thay mặt lãnh đạo Công ty, tôi vui mừng xin thông báo đến Quý vị những kết quả COMECO đã đạt được trong năm 2021 như sau:

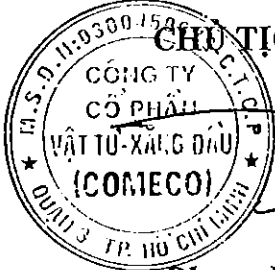
1. Tất cả người lao động của Công ty an toàn vượt qua đại dịch Covid-19, Công ty đảm bảo ổn định kinh doanh và an toàn tài chính của Doanh nghiệp.
2. Phục vụ kịp thời nhiên liệu cho lực lượng tuyến đầu phòng chống dịch (các trung tâm cấp cứu, bệnh viện, doanh nghiệp vận tải, doanh nghiệp vận chuyển rác thải, vệ sinh môi trường) và nhu cầu nhiên liệu đi lại của nhân dân.
3. Lợi nhuận sau thuế: 40,194 tỷ đồng, đạt 114,84% và tỷ lệ chi cổ tức cho cổ đông là 20%/VDL, đạt 133,33% kế hoạch ĐHCĐ giao năm 2021.
4. Đầu tư, sửa chữa nâng cấp hệ thống nhận diện thương hiệu COMECO cho các chi nhánh xăng dầu của Công ty, đại lý và thương nhân nhận quyền bán lẻ xăng dầu.
5. Công tác quy hoạch, đào tạo được duy trì, đảm bảo được nguồn nhân lực cho nhu cầu phát triển của Công ty. Việc làm và đời sống của người lao động được đảm bảo, không có trường hợp bị mất việc làm, thu nhập của người lao động ổn định, các chế độ chính sách khác được đảm bảo, 100% người lao động được hưởng chế độ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp theo đúng quy định.
6. Có 10 Giải pháp mới của người lao động được công nhận, khen thưởng kịp thời. Nhiều giải pháp có tính hữu ích cao giúp Công ty tiết kiệm được nhiều chi phí.
7. Hệ thống quản trị chất lượng được duy trì và cải tiến để cung cấp cho thị trường những sản phẩm đủ về số lượng, đạt về chất lượng.
8. Thực hiện tốt trách nhiệm đối với xã hội và cộng đồng. Ngoài việc thăm hỏi, tặng quà cán bộ hưu trí, thương và tặng quà cho con người lao động; năm 2021, COMECO còn đóng góp 105.058.090 đồng để chăm lo các đối tượng chính sách và từ thiện xã hội; hỗ trợ 9.000 lít xăng Ron 95 để thực hiện công tác phòng, chống dịch Covid-19.

Công ty có được những kết quả như trên là công sức đóng góp rất lớn của Quý cổ đông, khách hàng và người lao động COMECO - những người đã và đang sát cánh cùng COMECO trong những năm đầy khó khăn của nền kinh tế nói chung và của COMECO nói riêng. Mặc dù những khó khăn của nền kinh tế và dịch bệnh chưa qua đi, nhưng chúng tôi tin tưởng rằng sự đoàn kết, quyết tâm của Hội đồng quản trị, Ban điều hành và toàn thể người lao động, cộng với sự hỗ trợ đầy nhiệt tình của Quý cổ đông, đối tác và khách hàng, COMECO chắc chắn sẽ hoàn thành tốt kế hoạch năm 2022 và mục tiêu nhiệm kỳ 2022-2026.

Hội đồng Quản trị và Ban điều hành cam kết sẽ nỗ lực phấn đấu vì sự nghiệp phát triển bền vững, lâu dài của COMECO và mong nhận được sự đồng thuận, hỗ trợ nhiệt thành của Quý cổ đông, khách hàng và người lao động để chúng ta có thể vững bước trên con đường thực hiện mục tiêu chiến lược của COMECO, nâng thương hiệu COMECO lên một tầm cao mới, bảo vệ và gia tăng lợi ích lâu dài của Quý Cổ đông, khách hàng, người lao động và đóng góp nhiều hơn nữa cho xã hội.

Nhân đây, chúng tôi xin được gửi lời cảm ơn sâu sắc đến các cấp lãnh đạo Đảng, chính quyền, các cơ quan chức năng, cổ đông, đối tác, khách hàng và toàn thể người lao động của Công ty đã luôn đồng hành và sát cánh cùng chúng tôi để làm nên những thành công cho COMECO hôm nay. Đồng thời, hy vọng và tin tưởng rằng các Quý vị sẽ tiếp tục giúp đỡ, hợp tác, gắn bó chặt chẽ vì một COMECO đổi mới, sáng tạo và phát triển bền vững.

Trân trọng./.


CHỦ TỊCH HĐQT
Phạm Văn Thoại

Phần I THÔNG TIN CHUNG

I. THÔNG TIN KHÁI QUÁT VỀ COMECO

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT TƯ – XĂNG DẦU (COMECO) MATERIALS - PETROLEUM JOINT STOCK COMPANY



1. Địa chỉ văn phòng : 549 Điện Biên Phủ, P.3, Q.3, Tp.Hồ Chí Minh
2. Điện thoại : (028) 38 321 111, 38 302 222, 38 303 222
3. Fax : (028) 38 325 555
4. Email : comeco@comeco.com.vn
5. Website : <http://www.comeco.com.vn>; www.comeco.vn
6. Giấy CNĐKKD số : 0300450673, cấp ngày 13/12/2000
7. Vốn điều lệ : 141.206.280.000 đồng
8. Vốn chủ sở hữu (31/12/2021) : 472.254.013.263 đồng
9. Mã Chứng khoán : COM
10. Ngày niêm yết trên Hose : 07/8/2006
11. Ngày thành lập Công ty : 13/12/1975
12. Thời điểm cổ phần hóa : 13/12/2000
13. Thương hiệu COMECO : Đã đăng ký tại Cục Sở hữu Công nghiệp từ năm 1993.

II. QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN

1. Ngày thành lập Công ty: 13/12/1975

Thời điểm CPH: 13/12/2000

2. Thời điểm niêm yết: 07/08/2006

3. Quá trình hình thành Công ty

Qua hơn 45 năm hoạt động, do quy mô và nhiệm vụ của từng giai đoạn khác nhau nên tên gọi của Công ty được thay đổi như sau:

3.1. Phòng Quản lý Xăng dầu: Sau 30/4/1975, Sở GTVT Tp.Hồ Chí Minh đã tiếp nhận hệ thống vận tải của Nha Lộ vận chế độ cũ với trên 5.000 phương tiện vận tải hàng hóa và hành khách các loại. Từ thực trạng này, Sở GTVT đã thành lập Phòng Quản lý Xăng dầu để quản lý các trạm xăng và phân phối nhiên liệu cho các phương tiện vận tải nói trên. Phòng Quản lý Xăng dầu chính là tiền thân của Công ty Cổ phần Vật tư – Xăng dầu (COMECO) ngày nay.

3.2. Xí nghiệp Rửa xe và Cung ứng Xăng dầu: Từ 08/1977 đến 12/1978

(trực thuộc Sở GTVT Thành phố Hồ Chí Minh)

3.3. Xí nghiệp Cung ứng Vật tư: Từ 12/1978 đến 12/1981

(trực thuộc Sở GTVT Thành phố Hồ Chí Minh)

3.4. Xí nghiệp Cung ứng Nhiên liệu: Từ 12/1981 đến 10/1992

(trực thuộc Sở GTVT Thành phố Hồ Chí Minh)

3.5. Công ty Vật tư Thiết bị GTVT (COMECO): Từ 10/1992 đến 12/2000

(trực thuộc Sở Giao thông Công chánh Thành phố Hồ Chí Minh)

3.6. Công ty Cổ phần Vật tư – Xăng dầu (COMECO): Từ 12/2000 đến nay

- Từ 01/2001 → 9/2004: COMECO trực thuộc Sở Giao thông Công chánh Tp.Hồ Chí Minh.

- Từ 10/2004 → 02/2010: COMECO là thành viên của Tổng Công ty Cơ khí Giao thông Vận tải Sài Gòn (SAMCO).

Ngày 15/7/2004 Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh ra quyết định số 172/2004/QĐ-UB thành lập Tổng Công ty Cơ khí Giao thông Vận tải Sài Gòn (SAMCO) thí điểm hoạt động theo mô hình công ty mẹ - công ty con, theo đó có 25 công ty trực thuộc Sở Giao thông Công chánh là công ty con và toàn bộ cơ cấu tổ chức của SAMCO trước đây trở thành công ty mẹ. Theo quyết định trên COMECO đã trở thành thành viên của SAMCO kể từ tháng 10/2004 đến tháng 2/2010. Vốn nhà nước do SAMCO nắm giữ vào thời điểm tháng 3/2010 là: 1.096.940 cp (chiếm 13,71%/VĐL 79,999 tỷ đồng), đồng thời SAMCO còn mua thêm 503.060 cp (chiếm 6,29%/VĐL 79,999 tỷ đồng). Như vậy, SAMCO sở hữu cp COM tổng cộng là 1.600.000 cp (20% VĐL)

- Từ 3/2010 đến nay: COMECO trực thuộc Cơ quan Văn phòng Thành ủy Tp.HCM

Theo Quyết định của UBND Thành phố COMECO chuyển về Văn phòng Thành ủy Thành phố Hồ Chí Minh do Công ty TNHH MTV Dầu khí Tp.Hồ Chí Minh (Saigon Petro) làm đại diện. Vốn của Saigon Petro tại COMECO gồm: vốn Nhà nước được chuyển từ SAMCO 1.096.940 cp (chiếm 13,71%/VĐL) cộng với phần tự mua thêm, tại thời điểm 24/3/2017 tổng cộng Saigon Petro nắm giữ 5.598.757 cp (chiếm 39,65%/VĐL). SAMCO giữ lại phần mua thêm 503.060 cp làm cổ đông chiến lược. Đến tháng 7/2011 SAMCO bán hết toàn bộ cp COM do SAMCO nắm giữ.

4. Những cột mốc quan trọng của COMECO

- Ngày **10/9/2016**: Công ty tổ chức buổi Lễ đón nhận giấy chứng nhận hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001 phiên bản 2015 do tổ chức BVC của Vương Quốc Anh cấp.

- Ngày **13/12/2015**: Công ty tổ chức Lễ kỷ niệm 40 năm ngày thành lập Công ty và 15 năm cổ phần hóa.

- Ngày **28/4/2012**: ĐHĐCĐ kết thúc nhiệm kỳ III (2007 – 2011) và bước sang nhiệm kỳ mới mà hầu hết các thành viên HĐQT và BKS cũ là các cán bộ kiêm nhiệm của Công ty không còn tham gia vào HĐQT và BKS. Hai cổ đông lớn của Công ty là Tổng Công ty Dầu Việt Nam (PVOIL) sở hữu 4.281.950 cp (30,32%/VĐL) và Công ty TNHH MTV Dầu khí Tp.Hồ Chí Minh (Saigon Petro) sở hữu 3.750.200 cp (26,56%/VĐL) đã cử 4 thành viên tham gia vào HĐQT (2 người/1 đơn vị) và 2 thành viên tham gia vào BKS (1 người/1 đơn vị) nhiệm kỳ IV (2012 – 2016). Đồng thời ĐHĐCĐ đã phê chuẩn việc tách chức danh Chủ tịch HĐQT và TGD. Theo đó, bà Trương Đức Hạnh tiếp tục giữ chức vụ Chủ tịch HĐQT nhiệm kỳ IV (2012-2016), ông Lê Tấn Thương được bổ nhiệm làm TGD điều hành của COMECO từ ngày 01/5/2012.

- Ngày **02/4/2011**: Chuyển trụ sở làm việc sang Tòa nhà COMECO tại 549 Điện Biên Phủ, Phường 3, Quận 3, Tp. Hồ Chí Minh.

- Ngày **13/12/2010**: Công ty tổ chức Lễ kỷ niệm 35 năm thành lập Công ty, 10 năm cổ phần hóa với chủ đề: “**35 năm - Vinh quang một chặng đường; 10 năm cổ phần hóa - Dấu ấn thành công**”.

- Tháng **8/2010**: Lễ khánh thành Tòa nhà COMECO tại 549 Điện Biên Phủ, Phường 3, Quận 3, Tp.Hồ Chí Minh.

- Tháng **12/2009**: Nhận 2 Giấy chứng nhận: Hệ thống Quản lý Môi trường ISO 14001:2004 và Hệ thống Quản lý An toàn Sức khỏe Nghề nghiệp OHSAS 18001:2007 do Bureau Veritas Certification (BVC) của Vương quốc Anh cấp.

- Tháng **08/2008**: Ban hành Giá Trị Cốt Lõi của COMECO gồm 12 thành tố.

- Tháng **12/2007**: Nhận Giấy chứng nhận 5S do Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng Việt Nam cấp.

- Tháng **10/2004**: Nhận Giấy chứng nhận Hệ thống Quản lý Chất lượng ISO 9001:2000 do BVQI (Vương quốc Anh) cấp.

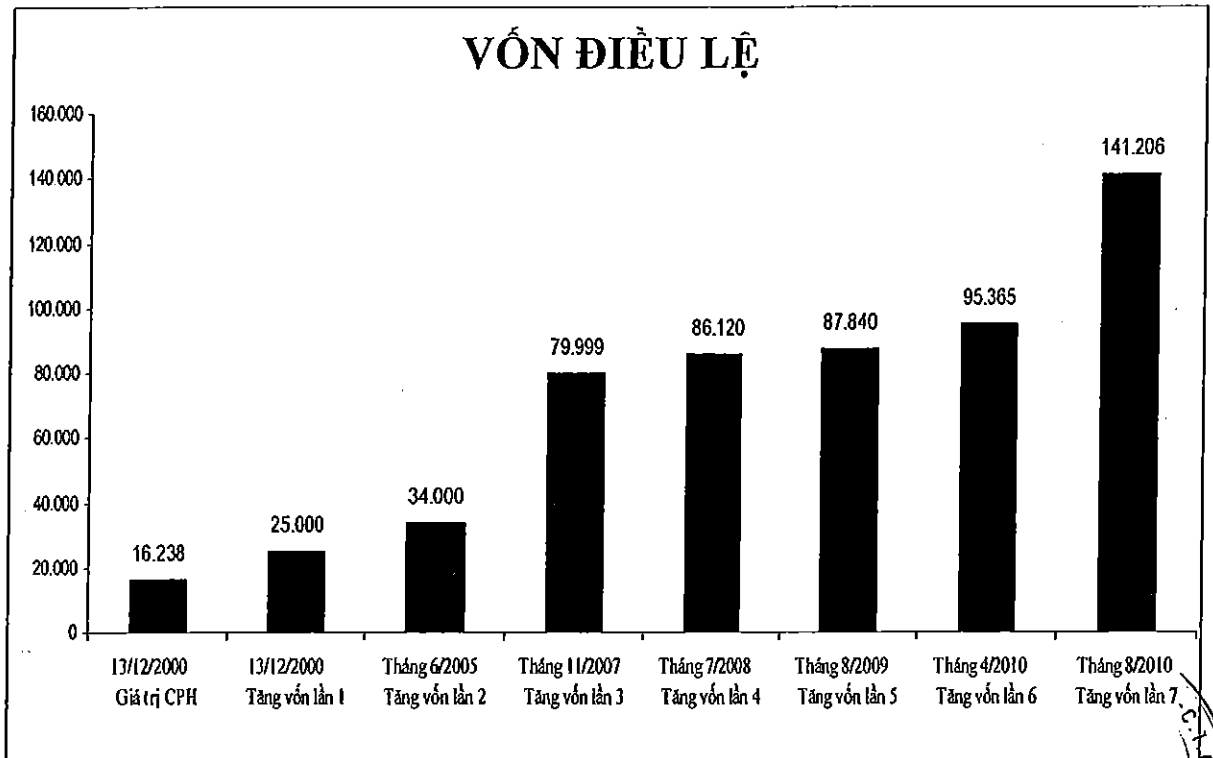
- Tháng **12/2000**: Cổ phần hóa theo quyết định của Thủ tướng Chính phủ.

- Tháng **07/1988**: COMECO đã mạnh dạn đề xuất và được sự chấp thuận của Ủy ban Nhân dân Tp.Hồ Chí Minh cho phép mở cửa các Cửa hàng xăng dầu COMECO để kinh doanh bán lẻ phục vụ nhân dân Thành phố và đã thu được những kết quả mang tính đột phá cho sự phát triển kinh doanh của Công ty theo cơ chế thị trường.

5. Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty

5.1 Vốn điều lệ

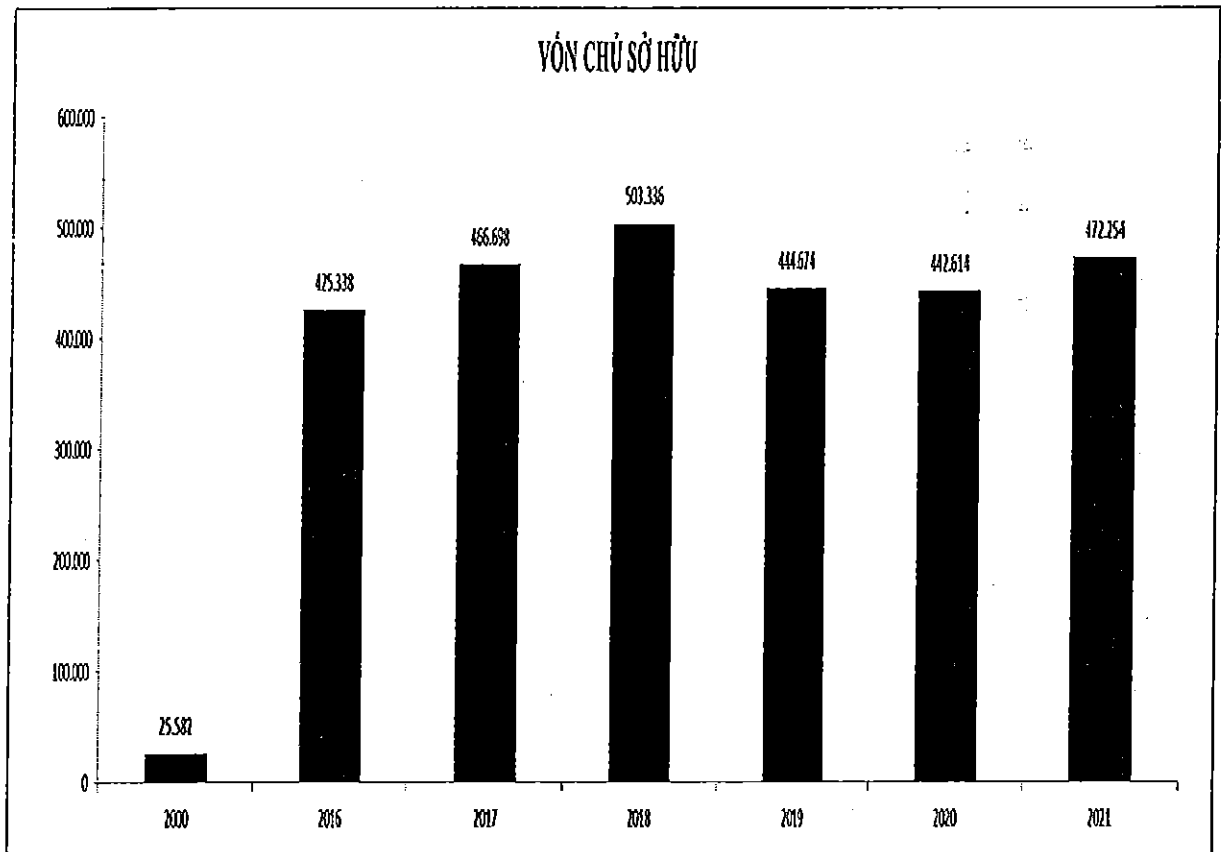
Đơn vị tính: Triệu đồng



Ghi chú: thời điểm Công ty CPH ngày 13/12/2000

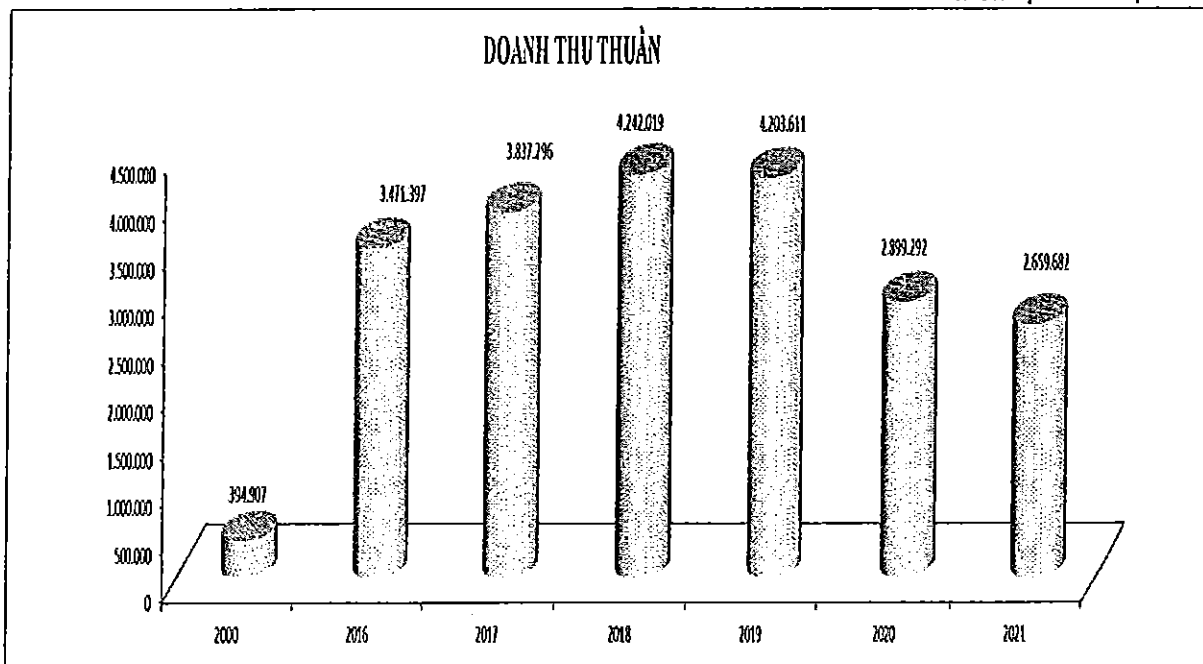
5.2 Vốn chủ sở hữu

Đơn vị tính: Triệu đồng



5.3 Doanh thu thuần

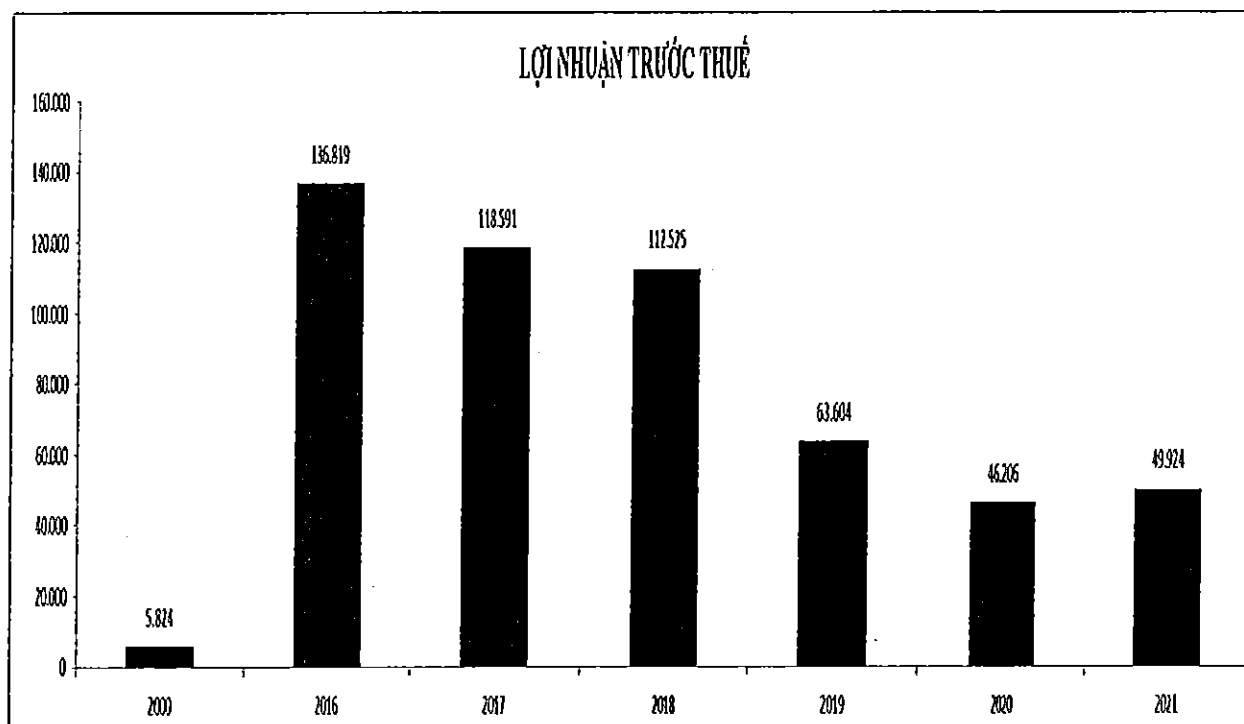
Đơn vị tính: Triệu đồng



Ghi chú: Doanh thu năm 2021 giảm so với 2020 do tình hình dịch bệnh Covid-19 vẫn tiếp tục diễn biến phức tạp, Thành phố Hồ Chí Minh áp dụng Chỉ thị 16/CT-TTg của Thủ tướng Chính phủ và đặc biệt là từ tháng 6 đến tháng 9/2021 thực hiện giãn cách xã hội nhằm phòng chống dịch trên phạm vi toàn thành phố. Theo đó người dân và các doanh nghiệp đều hạn chế hoạt động dẫn đến nhu cầu tiêu thụ xăng dầu giảm mạnh. Bên cạnh đó một số chi nhánh giải thể do đối tác thu hồi mặt bằng (chi nhánh số 18, 32).

5.4 Lợi nhuận trước thuế

Đơn vị tính: Triệu đồng



6. Cơ sở vật chất kỹ thuật: gồm các nội dung chính sau:

- Cơ sở vật chất của Công ty có nhiều nhà, xưởng, kho bãi với tổng diện tích đất là: 68.109 m²
- 32 chi nhánh xăng dầu (cửa hàng xăng dầu). Trong đó: 24 CNXD thuộc sở hữu của Công ty, 08 CNXD là HTKD/thuê.
- Đội xe bồn gồm 21 chiếc :
 - + 05 xe hiệu Kamaz, dung tích 12.000 lít/xe.
 - + 05 xe hiệu Hino, dung tích 16.000 lít/xe.
 - + 07 xe hiệu Kamaz, dung tích 17.000 lít/xe.
 - + 04 xe hiệu Hino, dung tích 18.000 lít/xe.
- Hệ thống 160 trụ bơm đang hoạt động trong hệ thống CNXD.
- Xưởng lắp ráp trụ bơm điện tử COMECO cung cấp trụ bơm mang thương hiệu COMECO, dịch vụ sửa chữa, bảo trì trụ bơm cho toàn bộ hệ thống CNXD của Công ty và các khách hàng bên ngoài.
- Xưởng sửa chữa xe.
- Tòa nhà văn phòng COMECO (diện tích sử dụng: 4.489 m²) tại 549 Điện Biên Phủ, P.3, Q.3, Tp.Hồ Chí Minh.

7. Thành tích đạt được trong những năm qua

NĂM	DANH HIỆU	ĐƠN VỊ TRAO TẶNG
2021	Huân chương Lao động hạng nhất	Chủ tịch Nước
2019	Cờ Thi đua của Thành phố: đã có thành tích hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ năm 2019, dẫn đầu cụm, khối thi đua trực thuộc các Sở, ban, ngành, đoàn thể Thành phố, quận, huyện, cơ quan, đơn vị, tổng công ty, công ty thuộc Thành phố.	Ủy ban Nhân dân Thành phố
	Bằng khen của UBND Thành phố vì đã có thành tích hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ năm 2018, góp phần tích cực trong phong trào thi đua của Thành phố.	Ủy ban Nhân dân Thành phố
2018	Bằng khen của UBND Thành phố vì đã có thành tích hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ năm 2017, góp phần tích cực trong phong trào thi đua của Thành phố	Ủy ban Nhân dân Thành phố
2017	Giấy khen vì đã có thành tích xuất sắc trong phong trào Toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc giai đoạn 2015 – 2016	Công an Thành phố Hồ Chí Minh
	Xếp hạng 279 trong top 500 doanh nghiệp lớn nhất Việt Nam (VNR 500)	Công ty Vietnam Report; Báo Vietnamnet
2016	Xếp hạng 221 trong top 500 doanh nghiệp lớn nhất Việt Nam (VNR 500)	Công ty Vietnam Report; Báo Vietnamnet
2015	Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ đã có thành tích trong hoạt động kinh doanh và công tác xã hội từ thiện, góp phần vào sự nghiệp xây dựng Chủ nghĩa xã hội và bảo vệ tổ quốc	Thủ tướng Chính phủ
	Xếp hạng 192 trong top 500 doanh nghiệp lớn nhất Việt Nam (VNR 500)	Công ty Vietnam Report; Báo Vietnamnet

	Bằng khen của UBND Thành phố về hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ 2 năm 2014 – 2015	Ủy ban Nhân dân Thành phố
	Cờ truyền thống nhân dịp 40 ngày thành lập Công ty	Ủy ban Nhân dân Thành phố
2014	Xếp hạng 190 trong top 500 doanh nghiệp lớn nhất Việt Nam (VNR 500)	Công ty Vietnam Report; Báo Vietnamnet
	Bằng khen của UBND Thành phố về hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ 2 năm 2013 – 2014	Ủy ban Nhân dân Thành phố
	Giải thưởng Báo cáo thường niên tốt nhất năm 2013 (xếp hạng 49)	Sở Giao dịch chứng khoán Tp.Hồ Chí Minh
2013	Xếp hạng 179 trong top 500 doanh nghiệp lớn nhất Việt Nam (VNR 500)	Công ty Vietnam Report; Báo Vietnamnet
	Giải thưởng Báo cáo thường niên tốt nhất năm 2012 (xếp hạng 20)	Sở Giao dịch chứng khoán Tp.Hồ Chí Minh
	Bằng khen trong hoạt động Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng	Bộ Khoa học & Công nghệ
	Bằng khen của UBND Thành phố về hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ 2 năm 2012 – 2013	Ủy ban Nhân dân Thành phố
2012	Xếp hạng 147 trong top 500 doanh nghiệp lớn nhất Việt Nam (VNR 500)	Công ty Vietnam Report; Báo Vietnamnet
	Xếp hạng 686/1000 doanh nghiệp nộp thuế TNDN nhiều nhất Việt Nam (V1000)	Tạp chí Thuế (Tổng cục Thuế) và Báo Vietnamnet
	Giải thưởng Báo cáo thường niên tốt nhất năm 2011	Sở Giao dịch chứng khoán Tp.Hồ Chí Minh
	Bằng khen trong hoạt động Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng	Bộ Khoa học & Công nghệ
2011	Bằng khen của Công đoàn Viên chức Việt Nam	Công đoàn Viên chức Việt Nam
	Được tuyên dương Top 100 “Sản phẩm, dịch vụ Việt Nam được tin dùng năm 2011”	Ban Tuyên giáo, Báo điện tử Đảng Cộng sản Việt Nam và các bộ ngành liên quan
	Xếp hạng 219 trong top 500 doanh nghiệp lớn nhất Việt Nam (VNR 500)	Công ty Vietnam Report; Báo Vietnamnet
	Xếp hạng 540/1000 doanh nghiệp nộp thuế TNDN nhiều nhất Việt Nam (V1000)	Tạp chí Thuế (Tổng cục Thuế) và Báo Vietnamnet
	Bằng khen của UBND Thành phố về hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ 2 năm 2009-2010	Ủy ban nhân dân Thành phố
	Đảng bộ COMECO được tôn vinh là Đảng bộ tiêu biểu xuất sắc trong Chương trình tôn vinh lần thứ I năm 2011.	Ban Tổ chức và Ban Tuyên giáo Trung ương
	Giải thưởng Báo cáo thường niên tốt nhất năm 2010	Sở Giao dịch chứng khoán Tp.Hồ Chí Minh
2010	Giải thưởng Báo cáo thường niên tốt nhất năm 2009	Sở Giao dịch chứng khoán Tp.Hồ Chí Minh
	Đảng bộ COMECO được tặng Cờ cho tổ chức Đảng cơ sở 5 năm trong sạch vững mạnh, tiêu biểu (2005 – 2009)	Thành ủy Thành phố
	Cờ và Bằng khen của UBND Thành phố	Ủy ban nhân dân Thành phố
	Bằng khen vì có thành tích xuất sắc trong 5 năm (2005 – 2010) về “Ngày hội toàn dân bảo vệ An ninh Tổ quốc”	Ủy ban nhân dân Thành phố

	Xếp hạng 205 trong Top 500 doanh nghiệp lớn nhất Việt Nam (VNR 500)	Công ty Vietnam Report; Báo Vietnamnet
	Xếp hạng 563/1000 doanh nghiệp nộp thuế TNDN nhiều nhất Việt Nam	Tạp chí Thuế (Tổng cục Thuế) và Báo Vietnamnet
2009	Giải thưởng Chất lượng Quốc tế Châu Á – Thái Bình Dương (tổ chức tại Mexico)	Tổ chức Chất lượng Quốc tế (APQO)
	Bằng khen về thành tích trong lĩnh vực đo lường.	Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng Việt Nam
	Giải thưởng Doanh nghiệp hội nhập và phát triển	Ban Tuyên giáo Trung ương
	Xếp hạng 161 trong Top 500 doanh nghiệp lớn nhất Việt Nam (VNR 500).	Trung tâm Thông tin Tín dụng – Ngân hàng NN VN
2008	Huân chương Độc lập hạng ba	Chủ tịch Nước
	Giải thưởng Doanh nghiệp phát triển bền vững lần thứ I	Bộ Công thương
2007	Giải Vàng Chất lượng VN	Bộ Khoa học – Công nghệ
	Bằng khen của Thủ tướng Chính Phủ	Thủ tướng Chính phủ
	Giải thưởng Thương hiệu vàng, Slogan - Logo ấn tượng	Hiệp hội Chống hàng giả và Bảo vệ thương hiệu (VATAP)
	Giải thưởng Doanh nghiệp VN áp dụng thành công khoa học công nghệ (BUTECH)	Hội Khoa học và Kỹ thuật Việt Nam
2002	Huân chương Lao động hạng nhất	Chủ tịch Nước
1998	Huân chương Lao động hạng hai	Chủ tịch Nước
1992	Huân chương Lao động hạng ba	Hội đồng Nhà nước

Bên cạnh đó, Ban lãnh đạo Công ty cũng tạo điều kiện cho NLĐ tham gia các phong trào văn thể mỹ để nâng cao đời sống tinh thần cho NLĐ và đã đạt được các thứ hạng cao trong các hội thi như: Karaoke, Bóng đá, Cầu lông, Bóng bàn, trò chơi vận động,....

III. NGÀNH NGHỀ VÀ ĐỊA BÀN KINH DOANH

1. Tỷ trọng doanh thu, LNTT các ngành nghề kinh doanh chính của Công ty năm 2021

SỐ TT	NGÀNH NGHỀ KINH DOANH	TỶ TRỌNG SO VỚI TỔNG DOANH THU	TỶ TRỌNG SO VỚI LNTT
1	Kinh doanh xăng, dầu, nhớt	99,30%	87,31%
2	Cho thuê văn phòng, kho bãi	0,69%	12,67%
3	Kinh doanh khác bao gồm: - Kinh doanh thiết bị cho trạm xăng - Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác. - Xây dựng nhà các loại.	0,01%	0,02%

2. Địa bàn kinh doanh: Thành phố Hồ Chí Minh (chủ yếu) và một số tỉnh lân cận: Long An, Đồng Nai, Bến Tre, Lâm Đồng (xem Phụ lục: “Hệ thống CNXD COMECO” ở phần cuối báo cáo này).

IV. THÔNG TIN VỀ MÔ HÌNH QUẢN TRỊ, TỔ CHỨC KINH DOANH VÀ BỘ MÁY QUẢN LÝ

1. Mô hình quản trị và nguyên tắc hoạt động

- Cơ quan quyết định cao nhất của Công ty là ĐHĐCĐ. ĐHĐCĐ bầu HĐQT để lãnh đạo giữa hai kỳ đại hội, bầu BKS để kiểm soát mọi hoạt động SXKD, quản trị, điều hành Công ty.

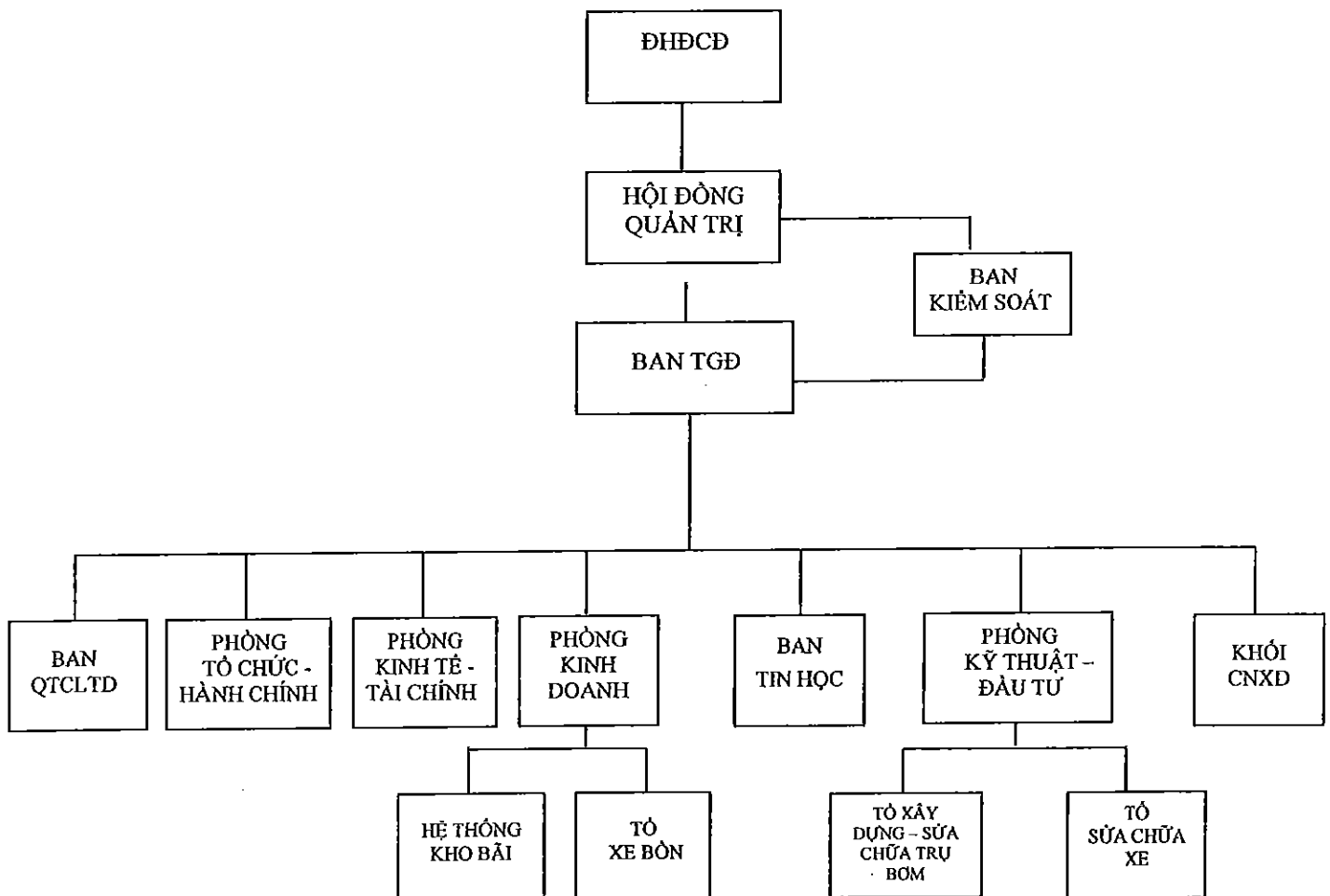
- Điều hành hoạt động của Công ty là Ban Điều hành, trong đó đứng đầu là TGD (người đại diện theo pháp luật).

- Cơ cấu tổ chức của Công ty được xây dựng trên nguyên tắc phân công, quản lý theo các khối chức năng công việc, có mối quan hệ chặt chẽ với nhau. TGD quản lý và điều hành công việc thông qua việc phân cấp, phân quyền cho Giám đốc các bộ phận để giải quyết các công việc cụ thể.

- Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam trong Công ty hoạt động theo Hiến pháp, Pháp luật và Điều lệ của Đảng Cộng sản Việt Nam. Tổ chức Công đoàn, Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh trong Công ty hoạt động theo Hiến pháp, pháp luật và Điều lệ của Công đoàn và Đoàn Thanh niên.

2. Cơ cấu tổ chức của Công ty

SƠ ĐỒ TỔ CHỨC



3. Các Công ty con, Công ty liên kết : không có

V. ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN ĐẾN NĂM 2026

1. Phân tích môi trường kinh doanh :

SWOT

ĐIỂM MẠNH (S)	ĐIỂM YẾU (W)
<ol style="list-style-type: none"> 1. COMECO có cơ sở vật chất kỹ thuật khá tốt với quỹ đất 68.109 m², tọa lạc ở những vị trí thuận lợi cho việc phát triển SXKD. Trong đó, có 32 Chi nhánh bán lẻ xăng dầu chủ yếu ở Thành phố Hồ Chí Minh và một số tỉnh lân cận. 2. Thương hiệu COMECO tương đối mạnh trong ngành kinh doanh bán lẻ xăng dầu. COMECO hiện đang đứng thứ 2 trong kinh doanh bán lẻ xăng dầu tại thị trường TP.HCM sau Xi nghiệp bán lẻ Xăng dầu thuộc Tổng Công ty Xăng dầu Việt Nam (Petrolimex). 3. Mức tăng trưởng ổn định và khá cao, bình quân 10,01%/năm (2001-2021). 4. Đội ngũ NLD nhiệt tình, năng động và giàu kinh nghiệm trong kinh doanh bán lẻ xăng dầu. 5. Chuẩn mực quản lý kinh doanh ngày càng hoàn thiện theo tiêu chí của các hệ thống quản lý tiên tiến trên thế giới; Văn hóa COMECO ngày càng phát triển; môi trường làm việc ngày càng tốt hơn. Khách hàng ngày càng tin tưởng về chất lượng dịch vụ. <p style="text-align: center;">CƠ HỘI (O)</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Khu vực Châu Á Thái Bình Dương hiện nay và trong tương lai là khu vực có tốc độ tăng trưởng kinh tế cao. 2. Tình hình chính trị trong nước ổn định; tốc độ phát triển của ngành dầu khí trong nước khá cao. 3. Việt Nam ngày càng hội nhập sâu vào kinh tế thế giới. 4. TP HCM có nền kinh tế năng động, các khu đô thị, khu CN phát triển nhanh. 5. Xăng dầu là mặt hàng chiến lược, chưa có sản phẩm thay thế hữu hiệu. Cơ chế kinh doanh xăng dầu dần theo hướng thị trường. 	<ol style="list-style-type: none"> 1. Chưa chủ động được nguồn hàng và giá cả. 2. Phục vụ khách hàng chưa thật sự chuyên nghiệp 3. Vị tính hóa quản trị còn chậm. Công tác cấp nhật và xử lý thông tin đôi khi còn chậm. 4. Công tác Marketing còn yếu. 5. Thông tin thị trường, đối thủ còn hạn chế. <p style="text-align: center;">NGUY CƠ (T)</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Giá xăng dầu thế giới biến động liên tục và không ổn định. 2. Nhiều khả năng các doanh nghiệp nước ngoài (FDI) được phép kinh doanh xăng dầu tại Việt Nam. 3. Hạn chế phát triển cửa hàng xăng dầu trong nội đô, các cửa hàng hiện hữu của Công ty nằm trong dự án quy hoạch của Nhà nước có thể bị giải tỏa khi Nhà nước triển khai thực hiện dự án 4. Phương tiện sử dụng sản phẩm thay thế xăng dầu (gas, LPG, điện) ngày càng phát triển 5. Nghị định 83/2014/NĐ-CP và Nghị định 95/2021/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 83/2014/NĐ-CP về kinh doanh xăng dầu; tạo môi trường cạnh tranh gay gắt nhất là trong kinh doanh bán si xăng dầu.

PHÓI HỢP SO = Phát huy điểm mạnh tận dụng cơ hội

(S1, S2, S3, S4, S5) + (O2, O4, O5) → Chiến lược tăng trưởng tập trung

(S1, S4, S5) + (O2, O3, O4) → Chiến lược hội nhập

PHÓI HỢP WO = Khắc phục điểm yếu để tận dụng cơ hội

(W1)+(O2,O4) → Chiến lược hội nhập, chọn đối tác để liên kết HTKD

(W1, W2, W3) + (O3) → Chiến lược hệ thống QTCLTD

PHÓI HỢP ST = Phát huy điểm mạnh hạn chế nguy cơ, tách thức

(S1, S2, S4, S5) + (T1, T3, T4) → Chiến lược đa dạng hóa SP

(S1, S2, S4) + (T2, T4, T5) → Chiến lược phát triển SP mới

PHÓI HỢP WT = Khắc phục điểm yếu để hạn chế nguy cơ

(W2, W3, W5) + (T2, T4, T5) → Chiến lược đầu tư

(W2, W3, W4) + (T2, T4) → Chiến lược nguồn nhân lực

(W3, W4) + (T1, T4, T5) → Chiến lược Marketing

Từ việc phân tích SWOT trên Công ty đưa ra mục tiêu và chiến lược như sau:

2. Định hướng phát triển đến năm 2026

2.1. Mục tiêu tổng quát

Mục tiêu chiến lược của COMECO đến năm 2026: “Tiếp tục công tác phòng chống dịch Covid-19, đảm bảo tuyệt đối an toàn trong quá trình SXKD. Tập trung phát triển hệ thống bán lẻ xăng dầu, đầu tư mới và từng bước hiện đại hóa hệ thống cửa hàng hiện hữu; khai thác tối đa các mặt bằng của Công ty để nâng cao hiệu quả kinh doanh. Đầu tư công nghệ, triển khai áp dụng kinh tế số để nâng cao hiệu quả quản lý, kinh doanh. Chú trọng công tác phát triển nguồn nhân lực và tăng cường các giải pháp khuyến khích, động viên người lao động sáng tạo, phát huy năng lực để phát triển kinh doanh bền vững”

2.2. Mục tiêu chủ yếu đến năm 2026

- Nâng cao thị phần kinh doanh xăng dầu; giữ ổn định và phát triển các khách hàng truyền thống, hệ thống nhượng quyền thương mại, đại lý bán lẻ xăng dầu.

- Đầu tư phát triển CNXD mới ở những vị trí chiến lược và những khu vực có tiềm năng phát triển cao, đặc biệt ở các khu công nghiệp, khu dân cư.

- Đầu tư nâng cấp, mở rộng các CNXD hiện hữu để thu hút khách hàng, gia tăng sản lượng bán.

- Đầu tư công nghệ sản xuất kinh doanh và quản lý theo hướng hiện đại. Nghiên cứu phát triển kinh tế số, kinh doanh các ngành hàng khác bổ trợ cho CNXD và khai thác tối đa diện tích tại CNXD.

- Đầu tư khai thác hiệu quả cơ sở vật chất, kỹ thuật để gia tăng lợi thế cạnh tranh. Khai thác hiệu quả các mặt bằng hiện hữu, trong đó chú ý đến việc gia tăng tiện ích trong các mặt bằng kinh doanh xăng dầu.

- Tập trung phát triển nguồn nhân lực để đáp ứng nhu cầu phát triển sản xuất kinh doanh của Công ty. Đảm bảo việc làm và đời sống cho NLĐ.

- Bảo toàn và phát triển nguồn vốn; quản lý an toàn tài chính, sử dụng vốn hiệu quả phù hợp với chiến lược phát triển của Công ty.

- Duy trì và cải tiến HTQLCLTD. Tuân thủ các quy định của pháp luật, đảm bảo công tác an toàn cháy nổ tại các CNXD. Bảo vệ môi trường sinh thái và bảo vệ sức khỏe cộng đồng.

- Tiếp tục xây dựng Văn hóa và phát triển thương hiệu COMECO bền vững trên thương trường để tăng khả năng cạnh tranh trên tất cả các lĩnh vực hoạt động của Công ty.

3. Chiến lược phát triển trung, dài hạn và một số giải pháp

CHIẾN LƯỢC	NỘI DUNG	CÁCH THỰC HIỆN
CHIẾN LƯỢC TĂNG TRƯỞNG TẬP TRUNG	Nâng cao chất lượng dịch vụ	<ul style="list-style-type: none">- Đảm bảo số lượng, chất lượng hàng hóa cung cấp ra thị trường.- Giao hàng kịp thời, đúng thời gian quy định.- Niêm yết giá bán công khai, rõ ràng.- Cung cấp và tư vấn đầy đủ các thông tin về sản phẩm.- Khuyến mại đa dạng về hình thức, hấp dẫn về nội dung, phù hợp khả năng của Công ty và đáp ứng nhu cầu khách hàng.

		<ul style="list-style-type: none"> - Hồ sơ của khách hàng được giải quyết nhanh, chính xác. Thực hiện đúng Quy trình bán hàng, thể hiện sự thân thiện, nói lời “cảm ơn” sau khi bán. - Môi trường làm việc an toàn. - Đa dạng hóa hình thức thanh toán. - Tiếp tục rà soát bố trí các mặt hàng nhiên liệu tại các CNXD cho phù hợp với nhu cầu thị trường; phát triển các dịch vụ gia tăng trong khuôn viên CNXD,... - Cải tiến chính sách bán hàng theo hướng gia tăng chia sẻ lợi ích với khách hàng. Tiếp tục đẩy mạnh chính sách bán hàng trả ngay, giảm dần bán hàng trả chậm.
	Đầu tư phát triển mạng lưới, nâng cấp cơ sở hạ tầng	<ul style="list-style-type: none"> - Giữ và đầu tư phát triển hệ thống Chi nhánh bán lẻ xăng dầu dưới nhiều hình thức như: đàm phán kéo dài thời hạn hợp đồng thuê/ hợp tác kinh doanh cửa hàng bán lẻ xăng dầu; mua, thuê đất xây dựng cửa hàng xăng dầu mới; mua hoặc thuê cửa hàng xăng dầu có sẵn; tìm đối tác có mặt bằng phù hợp để hợp tác kinh doanh cửa hàng xăng dầu,... - Giữ và phát triển đại lý/ thương nhân nhượng quyền bán lẻ xăng dầu; tìm kiếm khách hàng mới. - Mở rộng kinh doanh ở các CNXD còn tiềm năng.
	Bảo toàn và phát triển nguồn vốn	<ul style="list-style-type: none"> - Huy động vốn - Tìm tổ chức tín dụng để vay lãi suất thấp. - Quản lý tốt tài chính, công nợ, không để xảy ra nợ xấu.
CHIẾN LƯỢC HỘI NHẬP	Chọn đối tác để liên kết, hợp tác kinh doanh	Đầu tư vào các hoạt động kinh doanh của khách hàng; có chính sách hỗ trợ đầu tư cho khách hàng.
	Marketing để phát triển thị trường	<ul style="list-style-type: none"> - Mở rộng thị trường bán sỉ và bán lẻ xăng dầu tại thành phố, các tỉnh lân cận. - Tăng cường dịch vụ chăm sóc khách hàng.
CHIẾN LƯỢC ĐA DẠNG HÓA VÀ PHÁT TRIỂN SẢN PHẨM MỚI	Phát triển giá trị gia tăng cộng thêm cho khách hàng	<ul style="list-style-type: none"> - Duy trì tốt dịch vụ cung cấp thiết bị xăng dầu, dầu nhờn, rửa xe, thay nhớt, phiếu nhiên liệu, thẻ thanh toán,... - Khai thác dịch vụ tiện ích khác tại CNXD. - Khai thác hết công suất cho thuê Cao ốc Văn phòng COMECO, khai thác hết công năng các mặt bằng còn trống của Công ty dưới các hình thức xây dựng kho bãi, nhà xưởng, văn phòng cho thuê,...
	Đầu tư và phát triển cơ sở hạ tầng	- Đầu tư thiết bị và công nghệ để chuẩn bị cho việc triển khai kinh doanh các mặt hàng nhiên liệu theo lộ trình quy định của Chính phủ. Từng bước đầu tư máy móc, trang bị công nghệ cao để tăng cường công tác quản lý và phục vụ cho sản xuất kinh doanh và đảm bảo PCCC.



C.T.C.3

		<ul style="list-style-type: none"> - Đầu tư cải tạo, sửa chữa các CNXD phù hợp với quy định và tình hình kinh doanh. - Đầu tư thiết bị để đẩy mạnh việc bán hàng thanh toán qua thẻ, thanh toán điện tử. - Nghiên cứu sử dụng trụ bơm với các hình thức đa dạng hơn cho thích hợp với từng loại hình CNXD.
CHIẾN LƯỢC NGUỒN NHÂN LỰC	Huấn luyện, đào tạo để tạo sự khác biệt nhằm tăng tính cạnh tranh trong kinh doanh	<ul style="list-style-type: none"> - Tăng cường công tác huấn luyện, đào tạo tại chỗ để nâng cao nhận thức, trình độ chuyên môn nhằm nâng cao chất lượng dịch vụ. - Xây dựng một nền Văn hóa COMECO mạnh chính là sự khác biệt giữa COMECO với các đối thủ cạnh tranh và là chìa khóa cho sự thành công trong tương lai. - Hệ thống thu thập và xử lý thông tin từ khách hàng, nhà cung cấp, NLD và các bên có liên quan.
	Lao động và tiền lương	<ul style="list-style-type: none"> - Thực hiện đầy đủ và có chất lượng công tác tuyển dụng, đào tạo, quy hoạch, luân chuyển và bổ nhiệm cán bộ. - Thực hiện các chương trình đào tạo và đào tạo lại đội ngũ NLD. - Cải tiến từng bước chế độ tiền lương để tiền lương thực sự là đòn bẩy để phát triển kinh doanh và thu hút lao động chất xám. - Duy trì tốt phong trào thi đua để nâng cao năng suất lao động và hiệu quả công tác. - Khen thưởng động viên kịp thời đồng thời nâng cao kỷ luật lao động.
CHIẾN LƯỢC HỆ THỐNG QUẢN TRỊ CHẤT LƯỢNG	Quản trị hệ thống chất lượng theo các tiêu chuẩn ISO, 5S và 7 Tiêu chí Giải thưởng Chất lượng Quốc tế Châu Á – Thái Bình Dương	<ul style="list-style-type: none"> - Duy trì kiểm tra, đánh giá nội bộ để đảm bảo hệ thống được vận hành thông suốt. - Thường xuyên cải tiến để nâng cao tính hiệu quả của hệ thống.
	Quan tâm lợi ích của các bên liên quan	<ul style="list-style-type: none"> - Đối với khách hàng: Tạo cho khách hàng có cơ hội được phục vụ tốt; nhiều cơ hội lựa chọn sản phẩm, giá cả phù hợp, mua hàng thuận tiện, an tâm về số lượng, chất lượng. Đối với khách hàng chiến lược: đầu tư hỗ trợ khách hàng, chia sẻ khó khăn, lợi ích,.... - Nhà cung ứng: có cơ hội bán được nhiều hàng hơn, gia tăng thị phần, tăng khả năng cạnh tranh. Có cơ hội hợp tác và phát triển dịch vụ mới cùng COMECO.

		<ul style="list-style-type: none"> - Cổ đông: Vốn được bảo toàn và phát triển; tiền cổ tức hàng năm. - NLĐ: có việc làm và thu nhập ổn định, đời sống được cải thiện, có cơ hội thăng tiến; được làm việc trong môi trường tốt, được quan tâm bảo vệ sức khỏe. - Cộng đồng dân cư, xã hội: Bảo vệ môi trường sống tốt hơn, làm tăng vẻ đẹp mỹ quan và văn minh đô thị, điều kiện về vật chất và tinh thần cho cộng đồng, làm công tác từ thiện, xã hội...
--	--	--

VI. CÁC RỦI RO

1. Rủi ro kinh tế

- Rủi ro về suy thoái và lạm phát tăng do:
 - + Các gói kích thích kinh tế (đưa tiền vào lưu thông)
 - + Cuộc xung đột vũ trang Nga – Ukraina có thể dẫn đến đứt gãy nguồn cung hàng hóa đặc biệt là thị trường xăng dầu → giá xăng dầu leo thang.
 - + Dịch Covid-19 chưa được kiểm soát triệt để → đứt gãy về lao động.
- Nền kinh tế Việt Nam sẽ gặp nhiều khó khăn do biến động của thị trường thế giới và các yếu tố địa chính trị, mâu thuẫn giữa các nước lớn, kinh tế thế giới chậm phục hồi.

2. Rủi ro pháp luật

- Là DNNN cổ phần hóa, hoạt động của COMECO chịu ảnh hưởng của các văn bản pháp luật chung, các văn bản pháp luật về cổ phần hóa, về chứng khoán và thị trường chứng khoán. Các quy phạm pháp luật này đang trong quá trình hoàn thiện cho phù hợp với xu thế hội nhập. Vì vậy việc thay đổi về mặt chính sách luôn có thể xảy ra và sự thay đổi đó ít nhiều có ảnh hưởng đến hoạt động của COMECO.

- Ngoài ra, chính sách của Nhà nước trong lĩnh vực kinh doanh xăng dầu (ngành kinh doanh có điều kiện) về chính sách giá, tỷ giá, chính sách kinh doanh, chính sách quản lý hệ thống phân phối,... khi có những thay đổi, điều chỉnh cũng ảnh hưởng đến hoạt động của ngành và của COMECO.

- Chính sách của Nhà nước trong quá trình hội nhập sẽ tạo điều kiện cho các doanh nghiệp nước ngoài tham gia kinh doanh xăng dầu tại Việt Nam và các doanh nghiệp kinh doanh xăng dầu đều tập trung thực hiện chiến lược mở rộng mạng lưới bán lẻ xăng dầu nên thị trường xăng dầu sẽ ngày càng cạnh tranh khốc liệt.

- Để giảm thiểu những rủi ro có tính chiến lược này, HĐQT và Ban TGD Công ty đã thường xuyên phân tích, dự báo tình hình để điều chỉnh kịp thời các kế hoạch nhằm tạo ra lợi thế cạnh tranh để đem lại hiệu quả kinh doanh.

3. Rủi ro cháy nổ

Xăng dầu là mặt hàng dễ gây cháy nổ và có thể gây thiệt hại lớn nếu có sơ xuất xảy ra trong quá trình bảo quản, vận chuyển, lưu thông. Để phòng ngừa rủi ro này, COMECO luôn tuân thủ các quy định về phòng chống cháy nổ, trang bị hệ thống chữa cháy Foam, hệ thống cảnh báo cháy tại các CNXD, trang bị kiến thức PCCC cho NLĐ và mua bảo hiểm tài sản, cháy nổ, các bảo hiểm rủi ro khác; thực hiện trách nhiệm với cộng đồng, môi trường,... nhằm đảm bảo an toàn kinh doanh, hạn chế tối đa thiệt hại cho Công ty.

4. Rủi ro tín dụng

Công ty thực hiện bán hàng trả chậm cho khách hàng với hình thức tín chấp, do đó rủi ro đối tác không thực hiện nghĩa vụ của mình theo quy định trong hợp đồng dẫn đến tổn thất về tài chính có thể xảy ra. COMECO thường xuyên theo dõi tình hình công nợ và việc thanh toán của khách hàng. Từ đó tiến hành phân loại khách hàng nhằm áp dụng hình thức trả chậm cho phù hợp. Bên cạnh đó, Công ty xây dựng quy trình bán hàng có thư bảo lãnh của ngân hàng hoặc các hình thức đảm bảo bằng tài sản khác, đề nghị khách hàng đặt cọc tiền khi mua hàng nhằm giảm thiểu rủi ro về việc khách hàng thanh toán không đúng hạn hoặc không thanh toán.

5. Rủi ro thanh khoản

Là rủi ro khi Công ty gặp khó khăn trong việc đáp ứng các nghĩa vụ tài chính do tình trạng thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty phát sinh chủ yếu do không tương xứng trong các kỳ hạn của tài sản tài chính và các khoản phải trả tài chính. Để giảm thiểu rủi ro này, COMECO đã duy trì tỷ lệ tiền mặt và các khoản tương đương tiền ở mức đủ để hỗ trợ tài chính cho các hoạt động kinh doanh của Công ty. Đồng thời COMECO cũng tìm được nguồn vốn vay lãi suất thấp của các ngân hàng nhằm đáp ứng kịp thời nguồn vốn cho SXKD.

6. Rủi ro trong ngành xăng dầu

Hiện nguồn cung xăng dầu nội địa vẫn chưa đáp ứng đủ nhu cầu trong nước nên vẫn phải nhập khẩu từ nước ngoài, chủ yếu từ các nước trong khu vực như Singapore, Malaysia, Thái Lan, Hàn Quốc,... Do đó, giá xăng dầu trong nước vẫn chịu ảnh hưởng nhiều từ giá dầu thế giới. Thời gian qua, do ảnh hưởng của dịch bệnh, những căng thẳng về chính trị giữa các nước, đặc biệt cuộc xung đột vũ trang giữa Nga-Ukraine đã làm giá dầu biến động bất thường (thời gian cuối tháng 2/2022 đến đầu tháng 3/2022 giá xăng dầu tăng nhanh (từ 100 USD/thùng lên gần 140 USD/thùng; từ khoảng giữa tháng 3/2022 giá dầu giảm mạnh xuống dưới 100 USD/thùng) ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh xăng dầu nói chung và COMECO nói riêng. Để hạn chế rủi ro, COMECO thường xuyên cập nhật thông tin về giá xăng dầu thế giới, thị trường xăng dầu trong nước để có kế hoạch kinh doanh hiệu quả.

Phần 2

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG NĂM 2021

I. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2021

SỐ TT	CHỈ TIÊU	ĐƠN VỊ TÍNH	TH NĂM 2020	KH NĂM 2021	TH NĂM 2021	TH 2021/ KH 2021 (%)	TH 2021/ TH 2020 (%)
A	B	C	5	4	5	6 (5/4)	7(5/3)
1	Doanh thu	Trđ	2.899.292	2.900.000	2.659.682	91,71	91,74
2	Lợi nhuận trước thuế	Trđ	46.206	43.450	49.924	114,90	108,05
3	Lợi nhuận sau thuế	Trđ	37.036	35.000	40.195	114,84	108,53
4	Nộp NSNN	Trđ	53.142	53.950	45.019	83,45	83,45
5	Cổ tức	%	20	15	20	133,33	100

Ghi chú:

- Năm 2000: là Doanh nghiệp Nhà nước (13/12/2000 Cổ phần hóa).

- Cột 8: Cách tính TLBQ % theo phương pháp tăng trưởng tỷ lệ kép hàng năm (CAGR)

Nhận xét:

Kinh tế - xã hội nước ta năm 2021 diễn ra trong bối cảnh thế giới phải đương đầu với những biến thể mới của virus SARS-CoV-2 với mức độ lây lan thần tốc và nguy hiểm hơn đã ảnh hưởng nghiêm trọng đến mọi mặt kinh tế - xã hội của các quốc gia trên thế giới. Tốc độ tăng GDP cả năm 2021 chỉ đạt 2,58%, thấp hơn mức 2,91% của năm 2020 và cũng là mức tăng thấp nhất trong thập kỷ gần đây. Năm 2021, cả nước có 116,8 nghìn doanh nghiệp đăng ký thành lập mới, giảm 13,4%; số doanh nghiệp tạm ngừng kinh doanh có thời hạn gần 55 nghìn doanh nghiệp, tăng 18%; 48,1 nghìn doanh nghiệp ngừng hoạt động chờ làm thủ tục giải thể, tăng 27,8%; 16,7 nghìn doanh nghiệp hoàn tất thủ tục giải thể, giảm 4,1% so cùng kỳ năm 2020.

Thị trường xăng dầu diễn biến phức tạp, giá dầu thế giới biến động liên tục khó lường. Biến động của giá xăng dầu ảnh hưởng đến nguồn cung và thù lao xăng dầu, có những thời điểm thù lao xăng dầu giảm mạnh, không đủ bù đắp chi phí kinh doanh nên ảnh hưởng đến hiệu quả kinh doanh của Công ty.

Chỉ số giá tiêu dùng bình quân năm 2021 tăng 1,84% so với bình quân năm 2020, mức tăng thấp nhất kể từ năm 2016. Lạm phát cơ bản bình quân năm 2021 tăng 0,81% so với bình quân năm 2020.

Đợt dịch Covid-19 lần thứ Tư kéo dài đã khiến thị trường bất động sản gặp nhiều khó khăn, nhiều dự án phải ngừng hoạt động xây dựng nên nhu cầu sử dụng nhiên liệu của các doanh nghiệp xây dựng, đầu tư san lấp mặt bằng,...cũng giảm. Ngoài ra, nhu cầu sử dụng mặt bằng của các doanh nghiệp giảm nhiều do ảnh hưởng dịch Covid-19 nên mảng kinh doanh mặt bằng, kho bãi của Công ty gặp nhiều khó khăn.

Từ 01/10/2021, mặc dù Thành phố đã dùng giãn cách xã hội nhưng nhu cầu tiêu thụ nhiên liệu vẫn chưa thể phục hồi do một số ngành nghề hoạt động trở lại nhưng còn hạn chế và vẫn còn tâm lý chưa dám đầu tư sản xuất do vẫn còn lo ngại dịch; nhiều doanh nghiệp đứt gãy sản xuất do thiếu lao động, các đơn vị vận tải xe khách, xe du lịch, xe buýt, taxi,... vẫn chưa hoạt động bình thường; học sinh, sinh viên vẫn chưa đến trường;...nên ảnh hưởng nhiều đến sản lượng bán của Công ty.

CNXD số 18, 32 phải tạm ngưng hoạt động kể từ cuối tháng 6/2021; ngoài ra, một số CNXD phải tạm ngưng hoạt động do liên quan các ca nhiễm Covid-19 cũng ảnh hưởng nhiều đến sản lượng kinh doanh của Công ty (CNXD số 01 và 04).

Ngoài việc sụt giảm do dịch Covid-19, các doanh nghiệp đầu mối có sự cạnh tranh khốc liệt về giá nên mảng kinh doanh bán sỉ gặp nhiều khó khăn.

Việc hoàn thiện các hồ sơ pháp lý đối với các mặt bằng của Công ty chậm do phụ thuộc vào việc xem xét giải quyết của các cơ quan chức năng.

Nhiều khoản chi phí tiếp tục tăng cao, phát sinh khoản chi phí phòng, chống dịch Covid-19.

Việc gia tăng ngày càng nhiều doanh nghiệp đầu mối nhập khẩu xăng dầu, thương nhân phân phối xăng dầu theo Nghị định 83/2014/NĐ-CP của Chính phủ, đã tạo cho thị trường cạnh tranh ngày càng khốc liệt hơn, theo đó mảng kinh doanh bán sỉ xăng dầu của Công ty gặp khó khăn, đặc biệt là khó khăn về giá cạnh tranh.

Mặc dù vậy, với sự nỗ lực của tập thể Ban lãnh đạo và NLĐ Công ty cùng với việc triển khai hiệu quả một số giải pháp phù hợp (tiết giảm đến mức thấp nhất các khoản chi phí không cần thiết, khai thác triệt để các mặt bằng hoạt động kinh doanh...) cho nên kết quả kinh doanh của COMECO đạt được trong năm vẫn duy trì ở mức cao (Lợi nhuận sau thuế năm 2021 đạt 114,84% so với kế hoạch năm và tăng 108,53% so với cùng kỳ). Công ty chuẩn bị tạm ứng cổ tức năm 2021 cho cổ đông tỷ lệ 20% (2.000 đồng/1 cp), ngày chi trả là ngày 07/4/2022.

Tình hình kinh doanh ổn định, các báo cáo tài chính được công bố minh bạch theo đúng quy định. Công tác quản lý sản xuất kinh doanh của Công ty được thực hiện đúng theo các quy định của pháp luật; các đợt thanh, kiểm tra xăng dầu đột xuất của các cơ quan có thẩm quyền, Công ty đều đạt kết quả tốt; luôn đảm bảo đủ lượng hàng hóa để phục vụ người tiêu dùng, góp phần bình ổn thị trường và trật tự an toàn xã hội.

II. TỔ CHỨC NHÂN SỰ

1. Danh sách Ban Điều hành

1.1. Tóm tắt lý lịch Ban Điều hành

- | | |
|---------------------------------|--|
| • Ông Lê Tấn Thương | : Ủy viên HĐQT - TGĐ |
| Năm sinh | : 13/11/1971 |
| Trình độ chuyên môn | : Thạc sỹ QTKD,
Cử nhân Anh văn,
Cử nhân Ngoại thương. |
| Thâm niên trong ngành | : 29 năm |
| Thời gian gắn bó với Công ty | : 29 năm (làm việc tại Công ty từ 6/1993 đến nay) |
| Kinh nghiệm quản lý tại Công ty | : 22 năm (từ tháng 10/2000 đến nay) |
| - Tháng 6/1993 | : nhân viên Tổ Xuất nhập khẩu. |
| - Tháng 7/1996 | : nhân viên Phòng Kế hoạch nhiên liệu. |
| - Tháng 10/1999 | : Phó phòng Kế hoạch nhiên liệu. |
| - Tháng 10/2000 | : Quyền Trưởng phòng Kinh doanh nhiên liệu. |

- Tháng 01/2001 : Ủy viên HĐQT và giữ chức vụ Giám đốc Kinh doanh.
- Tháng 10/2010 : Ủy viên HĐQT kiêm Phó TGD
- Tháng 5/2012 : TGD cho đến nay.
- Tháng 4/2017 : Ủy viên HĐQT kiêm TGD cho đến nay.

▪ **Ông Phạm Văn Khoa : Phó TGD**

Năm sinh : 05/5/1973

Trình độ chuyên môn : Kỹ sư xây dựng kỹ thuật công trình.

Thâm niên trong ngành : 25 năm

Thời gian gắn bó với Công ty : 23 năm (làm việc tại Công ty từ 7/1999 đến nay)

Kinh nghiệm quản lý tại Công ty : 18 năm (tháng 07/2004 đến nay)

- Tháng 7/1999 : nhân viên Phòng Kỹ Thuật.
- Tháng 5/2001 : Quyền Đội trưởng Đội xây dựng cơ bản
- Tháng 7/2004 : Trưởng ban xây dựng cơ bản.
- Tháng 4/2005 : Giám đốc Đầu tư (Phòng Đầu tư - Xây dựng).
- Tháng 4/2006 : Ủy viên Ban Kiểm soát cho đến tháng 4/2012.
- Tháng 4/2013 : Phó TGD cho đến nay

▪ **Ông Nguyễn Chơn Quang : Phó TGD**

Năm sinh : 12/7/1982

Trình độ chuyên môn : Thạc sỹ Quản trị Kinh doanh

Thâm niên trong ngành : 12 năm

Thời gian gắn bó với Công ty : 12 năm (làm việc tại Công ty từ 7/2010 đến nay)

Kinh nghiệm quản lý tại Công ty : 10 năm (tháng 08/2012 đến nay)

- Tháng 7/2010 : nhân viên Phòng Kinh doanh.
- Tháng 4/2011 : Trợ lý Ban TGD.
- Tháng 4/2012 : Trợ lý TGD.
- Tháng 8/2012 : Quyền Giám đốc Kinh doanh.
- Tháng 1/2013 : Giám đốc Kinh doanh.
- Tháng 2/2015 : Phó TGD kiêm GD Kinh doanh.
- Tháng 1/2016 : Phó TGD cho đến nay.

▪ **Ông Phạm Công Quyền : Kế toán trưởng - Giám đốc Tài chính.**

Năm sinh : 19/6/1963

Trình độ chuyên môn : Thạc sỹ QTKD,
Cử nhân Tài chính,
Cử nhân Ngoại thương.

- Thâm niên trong ngành : 36 năm
 Thời gian gắn bó với Công ty : 36 năm (làm việc tại Công ty từ 6/1986 đến nay)
 Kinh nghiệm quản lý tại Công ty : 21 năm (tháng 01/2001 đến nay)
- Tháng 6/1986 : Nhân viên Kế toán Tổng hợp.
 - Tháng 6/1989 : Phó phòng Kế toán.
 - Tháng 01/2001 : Ủy viên HĐQT và giữ chức vụ Kế toán trưởng kiêm Giám đốc Tài chính.
 - Tháng 4/2012 : Kế toán trưởng kiêm Giám đốc Tài chính cho đến nay.

1.2. Tỷ lệ sở hữu cổ phần COM của Ban TGD, Kế toán trưởng, các cán bộ quản lý khác và người có liên quan

DANH SÁCH THÀNH VIÊN BAN TGD, KẾ TOÁN TRƯỞNG VÀ NHỮNG NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN SỞ HỮU CỔ PHIẾU COM (Tại thời điểm 31/12/2021)

ĐVTính : cổ phần

SỐ TT	HỌ VÀ TÊN	CHỨC DANH	SLCP	NGƯỜI LIÊN QUAN	SLCP	TỔNG SLCP	TL/VDL (%)
1	2	3	4	5	6	7 (4+6)	8
1	Ban TGD		166.710		39.010	205.720	1,46
1	Lê Tấn Thương	UV HĐQT - TGD	161.370	Vợ : Dương Thị Đài Trang	38.910	200.380	1,42
				Em : Lê Tấn Hải	100		
2	Phạm Văn Khoa	Phó TGD	600			600	0,004
3	Nguyễn Chon Quang	Phó TGD	4.740			4.740	0,03
II	KTT		70.255		0	70.255	0,50
1	Phạm Công Quyền	GDTC - KTT	70.255			70.255	0,50
	TC (I + II)		236.965		39.010	275.975	1,95

2. Những thay đổi trong Ban Điều hành: Không có

3. Số lượng NLD và chính sách đối với NLD

3.1. Số lượng NLD

BẢNG TỔNG HỢP TÌNH HÌNH LAO ĐỘNG CỦA COMECO NĂM 2021

SỐ TT	TIÊU CHÍ	NĂM 2020		NĂM 2021		TỶ LỆ (%)
		TỔNG LAO ĐỘNG (người)	TỶ TRỌNG (%)	TỔNG LAO ĐỘNG (người)	TỶ TRỌNG (%)	
A	B	1	2	3	4	5(3/1)
I	Tổng số lao động	501		481		
II	Trình độ văn hóa					
1	Trên đại học	06	1,20	6	1,25	100
2	Đại học	100	19,96	100	20,79	100
3	Cao đẳng	16	3,19	15	3,12	93,75

4	Trung cấp	49	9,78	45	9,36	91,84
5	Cấp III	296	59,08	280	58,21	94,59
6	Cấp II	29	5,79	30	6,24	103,45
III	Chính trị					
1	Đảng viên	51	10,18	50	10,40	98,04
2	Đoàn viên thanh niên	86	17,17	85	17,67	98,84
3	Đoàn viên Công đoàn	497	99,20	481	100	96,78
IV	Kinh nghiệm					
1	NLĐ có từ 3 đến 5 năm kinh nghiệm	55	10,98	100	20,79	181,82
2	NLĐ có trên 5 năm kinh nghiệm	340	67,86	300	62,37	88,24
V	Độ tuổi					
1	NLĐ có tuổi đời 30 tuổi trở xuống	131	26,15	103	21,41	78,63
2	NLĐ có tuổi đời 31 đến 40	239	47,70	229	47,61	95,82
3	NLĐ có tuổi đời 41 đến 50	99	19,76	114	23,70	115,15
4	NLĐ có tuổi đời từ 51 trở lên	32	6,39	35	7,28	109,38
VI	Cán bộ Quản lý					
1	Khối văn phòng (từ Phó GD bộ phận trở lên)	15	2,99	15	3,12	100
2	Khối CNXD (Trưởng, Phó CNXD)	43	8,58	43	8,94	100

Ghi chú: danh sách lao động tính đến thời điểm 31/12/2020 và 31/12/2021.

3.2. Chính sách đối với NLĐ

a) Công tác phòng chống dịch Covid-19

- Trong năm 2021, do ảnh hưởng của đại dịch Covid-19, Đảng ủy, Ban TGD Công ty tích cực tuyên truyền và thực hiện nghiêm các quy định, hướng dẫn của các cơ quan quản lý nhà nước, chuyên ngành và của Công ty; chỉ đạo ban hành các văn bản quy định, hướng dẫn, nhắc nhở thường xuyên các đơn vị và người lao động thực hiện có hiệu quả các biện pháp phòng ngừa dịch bệnh, kịp thời thông tin đến người lao động thực hiện các nội dung liên quan. Bên cạnh đó, NLĐ cũng nâng cao chủ động phòng chống dịch, thực hiện đo thân nhiệt tất cả người ra vào tòa nhà, đeo khẩu trang, rửa tay thường xuyên bằng xà phòng, vệ sinh nơi làm việc, khai báo y tế trong toàn Công ty; sắp xếp khối văn phòng luân phiên 50% NLĐ làm việc tại Công ty và 50% NLĐ làm việc tại nhà, thực hiện giãn cách vị trí làm việc tại văn phòng; bố trí NLĐ làm việc theo phương thức “3 tại chỗ” tại CNXD đảm bảo an toàn.

- Số lao động làm việc theo phương thức “3 tại chỗ” tại các CNXD còn được Công ty trợ cấp thêm tiền ăn 70.000 đồng/ngày để hỗ trợ NLĐ yên tâm công tác. NLĐ COMECO đã tuân thủ nghiêm chỉnh các quy định, đồng thời hướng dẫn khách hàng thực hiện khi tiếp xúc giao dịch. Ngoài ra, Công ty còn trang bị khẩu trang nano kháng khuẩn, kính chắn giọt bắn phòng virus cho NLĐ để đảm bảo an toàn phòng chống dịch khi tiếp xúc với khách hàng. Công ty cũng đã phối hợp với Sở Công thương để tổ chức tiêm vaccine phòng Covid-19 cho toàn thể NLĐ, đến nay số người lao động đã tiêm 2 mũi hoặc từng là F0 đạt 100% tổng lao động; số lao động bị nhiễm Covid-19 dạng nhẹ và không có biến chứng trở nặng, sức khỏe vẫn ổn định sau khi khỏi bệnh.

- 100% NLĐ được thực hiện đầy đủ các quyền lợi và chế độ, không có trường hợp khiếu nại về chế độ chính sách. Các khoản chi lương, chi BHXH (ốm đau, thai sản,...) và các chính sách khác được đảm bảo kịp thời. 100% NLĐ được đóng BHXH, BHYT, BHTN đầy đủ và đúng quy định. Đặc biệt, kịp thời thực hiện các chế độ thanh toán cho người nhiễm Covid-19 (là F0) và thực hiện nhanh chóng hồ sơ trợ cấp cho người lao động từ Quỹ bảo hiểm thất nghiệp theo Nghị quyết 116/NQ-CP.

b) Công tác tổ chức, quản lý

- Nguồn nhân lực luôn là tài sản quý giá nhất, COMECO có một đội ngũ 481 lao động có trình độ, lành nghề và tận tụy, trong đó nhiều cán bộ chủ chốt có nhiều năm gắn bó với Công ty. Tham mưu tổ chức đào tạo nguồn nhân lực hiệu quả. Chất lượng lao động ngày càng phát triển, đáp ứng yêu cầu công việc và sức cạnh tranh.

- Rà soát sửa đổi, bổ sung và ban hành một số Quy định phục vụ cho công tác quản lý và phát triển SXKD như: Nội quy lao động và Thỏa ước lao động tập thể; Quy chế quản lý tài chính; Quy chế về việc kinh doanh cho thuê văn phòng, kho bãi; Quy định về việc quản lý tài sản cố định và công cụ dụng cụ; Quy trình ứng phó tình huống khẩn cấp khi đơn vị xuất hiện ca bệnh F0, trường hợp F1, F2 hoặc đơn vị có quyết định phong tỏa do nằm trong khu vực có xảy ra dịch Covid-19,

- Ban Lãnh đạo Công ty luôn có sự động viên khen thưởng kịp thời, đảm bảo các điều kiện về vật chất và tinh thần để NLĐ yên tâm phục vụ. Ban Tổng Giám đốc Công ty đã đi các đơn vị trực thuộc để thăm hỏi, lắng nghe ý kiến và trực tiếp động viên NLĐ. Các chế độ chính sách được thực hiện đầy đủ. Mặc dù kinh doanh có nhiều khó khăn, nhưng Công ty vẫn cố gắng đảm bảo việc làm và đời sống NLĐ. Không có trường hợp NLĐ bị mất việc làm do tác động của dịch Covid-19.

- Hệ thống Quản trị Chất lượng Toàn diện được duy trì và cải tiến thường xuyên góp phần nâng cao chất lượng phục vụ khách hàng và hiệu quả hoạt động kinh doanh của Công ty. Năm 2021, Tổ chức chứng nhận BVC của Vương Quốc Anh đánh giá giám sát định kỳ, kết quả Hệ thống Quản trị Chất lượng của Công ty được duy trì tốt

c) Phát triển nguồn nhân lực

❖ Tuyển dụng

- Thực hiện có hiệu quả trong việc tuyển dụng, đào tạo công nhân mới. Kết quả của đào tạo là đội ngũ công nhân mới đáp ứng tốt công việc được giao.

- Trong năm 2021, Công ty tuyển dụng 17 lao động để đáp ứng kịp thời cho các lao động nghỉ hưu, chuyển công tác. Đội ngũ lao động tuyển dụng ngày càng trẻ hóa, có kinh nghiệm, đáp ứng các yêu cầu của Công ty.

- Thực hiện hoán chuyển lao động về làm việc gần nhà để tạo điều kiện thuận lợi cho Người lao động, tạo điều kiện thuận lợi cho việc sắp xếp ca kíp tại các CNXD trong điều kiện dịch Covid-19 diễn biến phức tạp, đặc biệt điều động lao động về đơn vị có nơi cư trú cùng một địa bàn để đảm bảo lao động cho đơn vị hoạt động và sản xuất kinh doanh khi thực hiện giãn cách xã hội theo Chỉ thị 16/CT-TTg.

❖ Đào tạo

- Công tác đào tạo nguồn nhân lực đạt được những kết quả nhất định cả về nhận thức và chuyên môn nghiệp vụ của NLĐ. Năm 2021, tổ chức đào tạo được 1.167 lượt người, đạt 135% kế hoạch năm; đặc biệt tổ chức 02 lớp đào tạo kỹ năng soạn thảo văn bản cho Khối văn phòng và cán bộ quản lý Khối CNXD, đào tạo nghiệp vụ PCCC cho toàn thể NLĐ, cử đi đào tạo đại học, cử nhân, cao đẳng, trung cấp chính trị gồm 18 người, trong đó trung cấp chính trị đã tốt nghiệp 12 người.

- Công ty tiếp tục tổ chức các buổi để TGD gặp gỡ sinh hoạt với người lao động; đồng thời tổ chức và cử đi đào tạo các lớp về chuyên môn nghiệp vụ, nhằm nâng cao trình độ cho người lao động, cập nhật văn bản pháp luật và vận dụng vào công việc.

❖ Quy hoạch bổ nhiệm

- Tham mưu và thực hiện quy hoạch đội ngũ cán bộ dự bị cho Văn phòng và Khối Chi nhánh. Năm 2021 tiếp tục bồi dưỡng quy hoạch 6 cán bộ dự bị cho các chức danh chủ chốt, 12 cán bộ cấp phòng trở xuống.

- Công tác đào tạo nâng cao nguồn nhân lực, đặc biệt chú trọng công tác quy hoạch, bổ nhiệm cán bộ trẻ.

- Năm 2021, bổ nhiệm 03 cán bộ, trong đó bổ nhiệm 01 Phó phụ trách Chi nhánh, 01 Phó Chi nhánh và phân công 01 nhân viên thống kê Chi nhánh.

- Công tác tổ chức bộ máy được cải tiến, thực hiện việc sắp xếp cán bộ quản lý tương đối phù hợp, phát huy đúng khả năng của từng cán bộ; công tác đào tạo và bồi dưỡng đã đạt được những kết quả nhất định cả về nhận thức và chuyên môn nghiệp vụ. Công tác quản lý ngày càng chặt chẽ, góp phần nâng cao chất lượng phục vụ khách hàng và hiệu quả của Công ty.

d) Chính sách cho người lao động

❖ Lương, thưởng

- Ban lãnh đạo Công ty luôn có sự động viên khen thưởng kịp thời, đảm bảo các điều kiện về vật chất và tinh thần để NLĐ yên tâm phục vụ. Ban TGD Công ty đã đi các đơn vị trực thuộc để thăm hỏi, lắng nghe ý kiến và trực tiếp động viên NLĐ. Các chế độ chính sách được thực hiện đầy đủ. Việc làm và đời sống của NLĐ ổn định; thu nhập bình quân của NLĐ năm 2021 là 15.036.448 đồng/người/tháng.

- Công ty trả lương hàng tháng cho NLĐ đúng thời gian như đã cam kết với NLĐ trong Thỏa ước lao động tập thể, chia làm 2 đợt như sau:

+ Đợt 1: tạm ứng lương từ ngày 20 – 25 (Dương lịch) của tháng;

+ Đợt 2: thanh toán tiền lương từ ngày 10-15 (Dương lịch) của tháng sau liền kề.

- Trong các dịp Lễ, Tết, Công ty cũng có những khoản chi thưởng cho NLĐ.

❖ Bảo hiểm

- 100% NLĐ được thực hiện đầy đủ các quyền lợi và chế độ, không có trường hợp khiếu nại về chế độ chính sách. Các khoản chi lương, chi BHXH (ốm đau, thai sản,...) và các chính sách khác được đảm bảo kịp thời. Không có trường hợp bị thất nghiệp do tác động của dịch Covid-19. Đặc biệt, kịp thời thực hiện các chế độ thanh toán cho người nhiễm Covid-19 (là F0) và thực hiện nhanh chóng hồ sơ trợ cấp cho người lao động từ Quỹ bảo hiểm thất nghiệp theo Nghị quyết 116/NQ-CP.

- Các chế độ chính sách theo Thỏa ước lao động tập thể được thực hiện đầy đủ và đúng quy định.

❖ Phúc lợi

- Hoán chuyển lao động về làm việc gần nhà để tạo điều kiện thuận lợi cho NLĐ, góp phần giảm ùn tắc giao thông của Thành phố đồng thời cũng tạo điều kiện thuận lợi cho việc sắp xếp ca kíp của các cửa hàng.

- Đảm bảo cung cấp đầy đủ các phương tiện về an toàn bảo hộ lao động.

- Ngoài sự quan tâm về vật chất, Ban lãnh đạo Công ty còn gặp gỡ, tặng quà cho chị em phụ nữ chào mừng kỷ niệm ngày Quốc tế Phụ nữ 8/3 và ngày Phụ nữ Việt Nam 20/10; tặng quà cho cựu quân nhân nhân ngày 22/12. Tổ chức chuyến đi về nguồn cho các gương điển hình học tập làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh năm 2021.

e) Công tác thực hiện phong trào thi đua trong toàn Công ty

- Nhằm đẩy mạnh sản xuất kinh doanh ngay từ những tháng đầu năm, tạo đà vững chắc để hoàn thành mục tiêu chất lượng năm 2021, Ban Tổng Giám đốc và Ban chấp hành các đoàn thể Công ty đã thống nhất phát động phong trào thi đua năm 2021 với chủ đề “**Chủ động, Nêu gương – Kỹ cương, Hiệu quả**”. Bên cạnh đó, Ban Tổng Giám đốc và Ban chấp hành các đoàn thể Công ty còn xây dựng và phát động các phong trào thi đua ngắn ngày đến toàn thể NLĐ Công ty gồm 4 đợt:

+ Đợt 1: Phong trào thi đua 4 tháng đầu năm 2021 từ 01/01/2021 đến 30/4/2021 với chủ đề “*Chủ động hơn - Năng động hơn - Chuyên nghiệp hơn*”.

+ Đợt 2: Phong trào thi đua từ 01/05/2021 đến 30/6/2021 với chủ đề “*Tận dụng thời cơ, vượt qua khó khăn, kinh doanh hiệu quả*”.

+ Đợt 3: Phong trào thi đua lập thành tích chào mừng Kỷ niệm Cách mạng tháng Tám và Quốc khánh 02/9 từ 01/7/2021 đến 30/9/2021 với chủ đề “*Tập trung phòng chống dịch Covid-19, ổn định sản xuất kinh doanh*”.

+ Đợt 4: Phong trào thi đua 3 tháng cuối năm 2021 từ 01/10/2021 đến 31/12/2021 với chủ đề “*Duy trì phòng, chống dịch – Khôi phục sản xuất kinh doanh – Tăng tốc về đích*”.

- Ban Tổng Giám đốc, Ban chấp hành các đoàn thể và Trưởng các đơn vị đã thực hiện việc phổ biến tuyên truyền đến NLĐ, đoàn viên trực thuộc về mục đích, yêu cầu và giao nhiệm vụ cụ thể cho từng bộ phận, từng NLĐ. Các nội dung thực hiện thi đua đều được Trưởng các đơn vị xem xét, đánh giá và tìm biện pháp thực hiện.

- NLĐ hưởng ứng tham gia trên tinh thần làm việc với trách nhiệm cao nhất, cố gắng phục vụ khách hàng tốt nhất và tập thể các đơn vị có sự đoàn kết quyết tâm thực hiện các mục tiêu đề ra.

- Sau mỗi đợt thi đua, Công ty cũng đã tổng kết, đánh giá và khen thưởng cho các đơn vị đạt thành tích, hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch đề ra. Kết quả thi đua 04 đợt trong năm 2021 như sau:

+ Đợt 1: có 36 đơn vị được khen thưởng

+ Đợt 2: có 41 đơn vị được khen thưởng

+ Đợt 3: không khen thưởng do tác động của dịch Covid-19, Nhà nước thực hiện giãn cách xã hội theo Chỉ thị 16 của Chính phủ cùng với nhiều biện pháp tăng cường phòng chống dịch Covid-19 nên các đơn vị đều không đạt chỉ tiêu kế hoạch đề ra.

+ Đợt 4: có 24 đơn vị được khen thưởng

+ Tổng kết cuối năm 2021, Công ty đã khen thưởng và đề nghị khen thưởng nhiều hạng thành tích gồm có:

Về tập thể: 13 tập thể được đề nghị tập thể lao động xuất sắc, 03 tập thể được đề nghị tặng Bằng khen Ủy ban Nhân dân Thành phố, 7 tập thể được đề nghị Giấy khen Văn phòng Thành ủy, 25 tập thể lao động tiên tiến, 18 tập thể đạt Giấy khen Công ty và 03 tập thể đạt biểu dương của Công ty.

Về cá nhân: 01 cá nhân được đề nghị tặng Bằng khen của Ủy ban Nhân dân Thành phố, 28 cá nhân được đề nghị Giấy khen Văn phòng Thành ủy, 17 cá nhân đạt Chiến sĩ thi đua cơ sở, 99 cá nhân đạt Giấy khen Công ty và 50 cá nhân đạt biểu dương của Công ty.

f) Phát huy dân chủ

Công ty thực hiện tốt Quy chế Thực hiện Đối thoại định kỳ tại Công ty; Quy chế Thực hiện Dân chủ tại Công ty.

❖ Lãnh đạo Công ty tiếp NLĐ vào mỗi sáng thứ hai tuần cuối tháng.

Thứ hai tuần cuối tháng hàng kỳ lãnh đạo Công ty tiếp NLĐ tại Văn phòng Công ty. Qua đây, NLĐ có thể trực tiếp trao đổi với Lãnh đạo Công ty về các ý kiến của bản thân và được Lãnh đạo Công ty ghi nhận và xem xét giải quyết thỏa đáng.

❖ Sáng kiến – Giải pháp mới

Phong trào Sáng kiến, Giải pháp mới được Công ty duy trì thực hiện thường xuyên từ năm 2007 đến nay. Tổng số Giải pháp mới năm 2021 là 10 Giải pháp mới và nhiều ý kiến đóng góp khác.

Các ý kiến của NLĐ được tổng hợp qua nhiều kênh thông tin như: cá nhân NLĐ; trong các cuộc họp giao ban, Hội nghị NLĐ,... Các ý kiến đều được ghi nhận và khen thưởng kịp thời; đồng thời các ý kiến đã góp phần tăng năng suất lao động, xây dựng phát triển văn hóa, thương hiệu COMECO; tiết kiệm chi phí,...

III. TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ VÀ THỰC HIỆN CÁC DỰ ÁN

Các khoản đầu tư

- Năm 2021, Công ty tiếp tục tập trung thực hiện việc khảo sát, bố trí lại các mặt bằng tại các CNXD để lắp thêm trụ bơm, bố trí các mặt hàng cho phù hợp với thị trường; đầu tư sửa chữa các CNXD.

- Lắp đặt bồn Chi nhánh số 38; Cải tạo mái che, nâng nền, lát gạch và hệ thống ống thoát nước nhà 25/20 Công Quỳnh; Vệ sinh quét sơn nước Tòa nhà COMECO; Chống thấm, quét sơn nước Hội trường Tầng 10 Tòa nhà COMECO.

- Đầu tư trang trí, sửa chữa, nâng cấp hệ thống nhận diện thương hiệu COMECO cho CNXD của COMECO và các đại lý thương nhân nhận quyền bán lẻ xăng dầu: đầu tư bảng hiệu đèn LED, trang bị mới bảng hiệu, hộp đèn logo,....

IV. TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

1. Tình hình tài chính

SỐ TT	CHỈ TIÊU	ĐVT	TH NĂM 2019	TH NĂM 2020	TH NĂM 2021	TỶ LỆ (%)	
						2021/2020	2021/2019
A	B	C	1	2	3	4 (3/2)	5 (3/1)
1	Tổng tài sản	Tr.đ	515.312	498.602	535.099	107,32	103,84
2	Vốn chủ sở hữu	Tr.đ	444.674	442.614	472.254	106,70	106,20
3	Vốn điều lệ	Tr.đ	141.206	141.206	141.206	100	100
4	SLCP đang lưu hành	Cp	14.120.628	14.120.628	14.120.628	100	100
5	Doanh thu thuần	Tr.đ	4.203.611	2.899.292	2.659.682	91,74	63,27

6	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	Tr.d	63.553	38.579	46.641	120,90	73,39
7	Lợi nhuận khác	Tr.d	51	7.627	3.282	43,03	6.417
8	Lợi nhuận trước thuế	Tr.d	63.604	46.206	49.924	108,04	78,49
9	Lợi nhuận sau thuế	Tr.d	51.030	37.036	40.195	108,53	78,77
10	Tỷ lệ trả cổ tức	%	30	20	20	100	66,67
11	Lãi cơ bản trên cp (9/4)	Đồng	2.881	2.587	2.810	108,62	97,54
12	Giá trị cổ phiếu trên sổ sách (2/4)	Đồng	31.491	31.345	33.444	106,70	106,20

Ghi chú:

- Số liệu kiểm toán: đến hết năm 2021; Kiểm tra thuế: đến hết năm 2017.

2. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

SỐ TT	CHỈ TIÊU	ĐVT	TH 2019	TH 2020	TH 2021	TỶ LỆ (%)	
						2021/2020	2021/2019
A	B	C	1	2	3	4 (3/2)	5 (3/1)
1	Chỉ tiêu về khả năng thanh toán						
1.1	Hệ số thanh toán ngắn hạn:	Lần	3,74	4,33	4,68	108,03	125,27
1.2	Hệ số thanh toán nhanh:	Lần	1,47	2,42	2,61	107,52	177,47
2	Chỉ tiêu về cơ cấu vốn						
2.1	Hệ số Nợ/Tổng tài sản:	Lần	0,14	0,11	0,12	104,59	85,68
2.2	Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu:	Lần	0,16	0,13	0,13	105,20	83,77
3	Chỉ tiêu về năng lực hoạt động						
3.1	Vòng quay hàng tồn kho:	Vòng	46	26	27	103,35	59,25
3.2	Doanh thu thuần/Tổng tài sản	%	8,16	5,81	4,97	85,48	60,93
4	Chỉ tiêu về khả năng sinh lời						
4.1	Hệ số Lợi nhuận sau thuế/ Doanh thu thuần	%	1,21	1,28	1,51	118,31	124,49
4.2	Hệ số Lợi nhuận sau thuế/ Vốn chủ sở hữu	%	11,48	8,37	8,51	101,72	74,17
4.3	Hệ số Lợi nhuận sau thuế/ Tổng tài sản	%	9,90	7,43	7,51	101,13	75,85
4.4	Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/ Doanh thu thuần	%	1,51	1,33	1,75	131,79	115,99

Nhận xét:

Tình hình tài chính của Công ty lành mạnh: khả năng thanh toán nợ được đảm bảo; cơ cấu tài sản (42,61% là tài sản ngắn hạn và 57,39% là tài sản dài hạn) phù hợp với loại hình công ty thương mại; các khoản đầu tư dài hạn đều được tài trợ từ nguồn vốn dài hạn nên khả năng thanh khoản được kiểm soát tốt; khả năng tạo lợi nhuận tốt.

V. CƠ CẤU CỔ ĐÔNG, THAY ĐỔI VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU

1. Cổ phần

1.1. Tổng số cổ phiếu theo từng loại tại thời điểm ngày 23/3/2021:

SỐ TT	LOẠI CỔ PHIẾU	SLCP (cp)	THỜI GIAN HẠN CHÈ CHUYỂN NHƯỢNG
1	Cổ phiếu thường	14.120.628	
2	Cổ phiếu quỹ	0	
	TỔNG CỘNG	14.120.628	

Ghi chú: Thời điểm chốt danh sách cổ đông 23/3/2021 là thời điểm gần thời gian Công ty lập báo cáo thường niên nhất.

1.2. Số lượng cổ phiếu đang lưu hành theo từng loại:

Số lượng cổ phiếu đang lưu hành tại thời điểm 31/12/2021: 14.120.628 cp

1.3. Giá trị sổ sách tại thời điểm tháng 31/12/2021:

$$\text{Giá trị sổ sách} = \frac{\text{Vốn chủ sở hữu}}{\text{Số lượng cp đang lưu hành}} = \frac{472.254.013.263 \text{ đồng}}{14.120.628 \text{ cp}} = 33.444 \text{ đồng/cp}$$

Giá trị sổ sách năm 2021: 33.444 đồng/cp bằng 106,70% so với năm 2020: 31.345 đồng/cp.

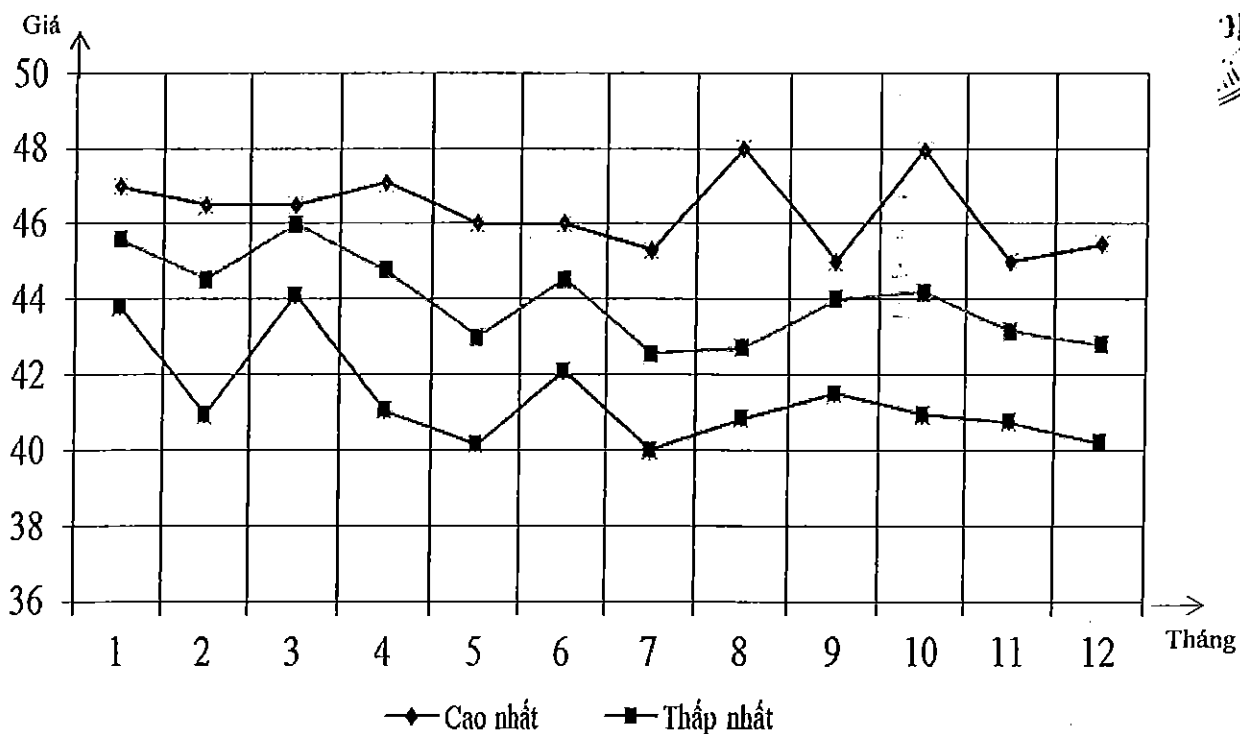
1.4. Diễn biến giá cổ phiếu COM năm 2021:

BẢNG GIÁ CỔ PHIẾU COM NĂM 2021

ĐVT: ngàn đồng

THÁNG	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	CẢ NĂM
Cao nhất	47,00	46,50	46,50	47,10	46,00	46,00	45,30	48,00	45,00	47,95	45,00	45,45	55,00
Thấp nhất	43,80	40,95	44,10	41,05	40,15	42,10	40,00	40,85	41,50	40,95	40,75	40,20	40,65
Trung bình	45,58	44,53	45,99	44,76	43,00	44,53	42,57	42,73	44,00	44,20	43,18	42,80	46,93

ĐỒ THỊ GIÁ CỔ PHIẾU COM NĂM 2021



2. Cơ cấu cổ đông

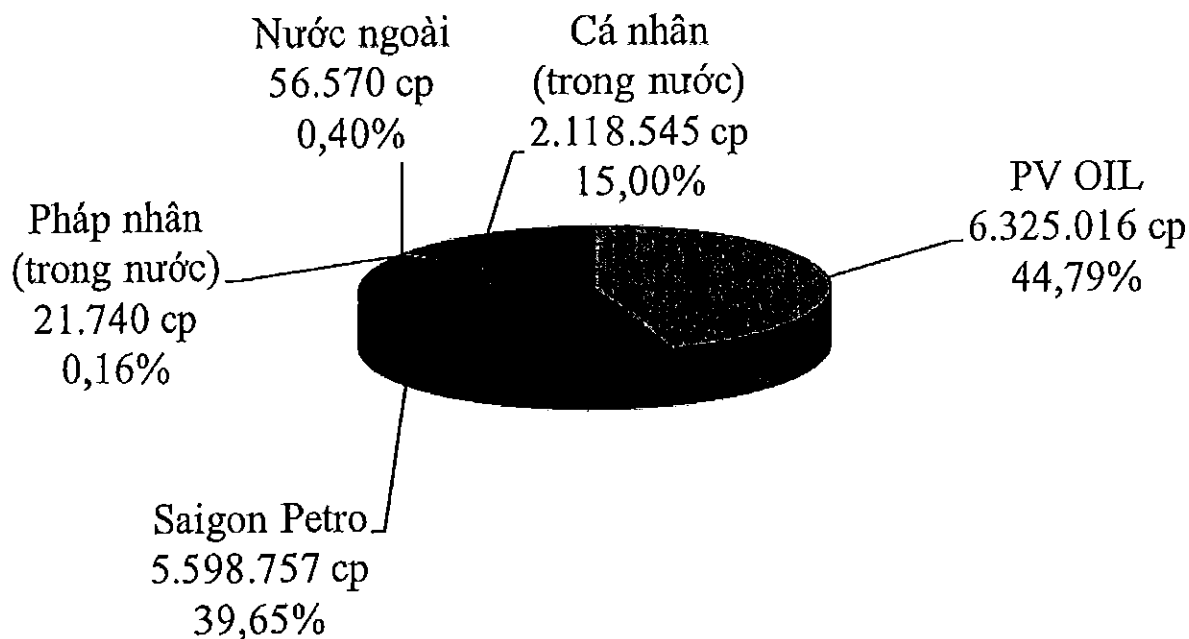
2.1. Cổ đông trong nước và nước ngoài

SỐ TT	CƠ CẤU CỔ ĐÔNG	THỜI ĐIỂM 13/11/2020			THỜI ĐIỂM 23/3/2021			TỶ LỆ (%)
		SLCỔ ĐÔNG	SLCP (cp)	TL/VĐL (%)	SLCỔ ĐÔNG	SLCP (cp)	TL/VĐL (%)	
A	B	1	2	3	4	5	6	7(5/2)
I	Cổ đông trong nước	333	14.065.088	99,61	345	14.064.058	99,60	99,99
1	Pháp nhân	5	12.142.383	85,99	11	11.945.513	84,60	98,38
1.1	PVOIL	1	6.325.016	44,79	1	6.325.016	44,79	100
1.2	Saigon Petro	1	5.598.757	39,65	1	5.598.757	39,65	100
1.3	Khác	3	218.610	1,55	9	21.740	0,15	9,94
2	Cá nhân	328	1.922.705	13,62	334	2.118.545	15,00	110,19
II	Cổ đông nước ngoài	62	55.540	0,39	61	56.570	0,40	101,85
1	Pháp nhân	5	11.690	0,08	4	11.670	0,08	99,83
2	Cá nhân	57	43.850	0,31	57	44.900	0,32	102,39
	TC (I + II)	395	14.120.628	100	406	14.120.628	100	100

Ghi chú: Thời điểm chốt danh sách cổ đông 23/3/2021 là thời điểm gần thời gian Công ty lập báo cáo thường niên nhất.

2.2. Tỷ trọng cổ phiếu COM

CƠ CẤU CỔ ĐÔNG SỞ HỮU CỔ PHIẾU COM (Tại thời điểm 23/3/2021)



2.3. Cổ đông lớn

DANH SÁCH CỔ ĐÔNG SỞ HỮU TỪ 100.000 CP COM TRỞ LÊN (Tại thời điểm 23/3/2021)

SỐ TT	TÊN CỔ ĐÔNG LỚN	ĐỊA CHỈ LIÊN LẠC	NGÀNH NGHỀ HOẠT ĐỘNG CHÍNH	CÓ PHẦN SỞ HỮU tại thời điểm 13/11/2020		TĂNG GIẢM (cp)	CÓ PHẦN SỞ HỮU tại thời điểm 23/3/2021	
				SL (cp)	TL (%)		SL (cp)	TL (%)
A	B	C	D	1	2	3	4 (1+3)	5
1	Tổng Cty Dầu Việt Nam Cty TNHH MTV (PVOIL)	Lầu 14-17 số 1-5 Lê Duẩn, Q.1, Tp.HCM	Dầu khí	6.325.016	44,79	0	6.325.016	44,79
2	Cty TNHH Một thành viên Dầu khí Tp.Hồ Chí Minh (Saigon Petro)	27 Nguyễn Thông, Q.3, Tp.Hồ Chí Minh	Dầu khí	5.598.757	39,65	0	5.598.757	39,65
3	Ông Nguyễn Nam Hải	917 Đường 3/2, P.7, Q.11, Tp.HCM	Trưởng CNXD số 01 COMECO	247.320	1,75	36.350	283.670	2,01
4	Ông Lê Tấn Thương và người có liên quan	318/1A Cách Mạng Tháng Tám, P.10, Q.3, Tp.HCM	UV HĐQT - TGD COMECO	180.380	1,28	20.000	200.380	1,42
5	Ông Trần Nguyên Anh	611/8B Điện Biên Phủ, P.1, Q.3, Tp.HCM	Trưởng CNXD số 12 COMECO	136.110	0,96	350	136.460	0,97
6	Bà Trương Đức Hạnh	835/17 Trần Hưng Đạo, P.1, Q.5, Tp.HCM	Nguyên CT HĐQT	0	0	136.250	136.250	0,96
7	Ông Hà Thanh Hùng	117 Trương Định, P.7, Q.3, Tp.HCM	Cổ đông ngoài	102.570	0,73	0	102.570	0,73
TỔNG CỘNG				12.590.153	89,16	192.950	12.783.103	90,53

Ghi chú: Cổ đông lớn theo quy định của Luật chứng khoán là cổ đông sở hữu từ 5% cổ phiếu của Công ty trở lên. Theo quy định này thì Công ty hiện có 2 cổ đông lớn là PVOIL và Saigon Petro.

3. Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu năm 2021: không có

4. Giao dịch cổ phiếu quỹ: không có

5. Chi cổ tức

COMECO chi cổ tức bằng tiền mặt năm 2021 tỷ lệ 20% (2.000 đồng/1 cp) cụ thể như sau:

SỐ TT	NỘI DUNG	NGÀY GIAO DỊCH KHÔNG HƯỞNG QUYỀN	NGÀY THANH TOÁN CỔ TỨC	TỶ LỆ CỔ TỨC CHI TRẢ (%)
1	Tạm ứng cổ tức năm 2021 bằng tiền mặt tỷ lệ 20%	22/3/2022	07/4/2022	20

6. Các chứng khoán khác

6.1 Thực hiện đầu tư vào các công ty có liên quan

BÁO CÁO ĐẦU TƯ CHỨNG KHOÁN NĂM 2021
(Từ ngày 01/01/2021 đến 31/12/2021)

SỐ TT	TÊN ĐƠN VỊ	MÃ CK	TÒN ĐẦU KỲ (cp)	MUA		BÁN		TÒN CUỐI KỲ	
				SLCP (cp)	T/TIỀN (1.000đ)	SLCP (cp)	T/TIỀN (1.000đ)	SLCP (cp)	T/TIỀN (1.000đ)
A	B	C	1	2	3	4	5	6	7
I	Cổ phiếu đã niêm yết		853.525	118.752	1.187.520			972.277	17.346.704
1	Cty cp Thương nghiệp Cà Mau	CMV	237.504	118.752	1.187.520			356.256	4.637.520
2	Cty cp Dịch vụ Ô tô Hàng Xanh	HAX	8.212					8.212	46.600
3	Cty cp Cơ khí Xăng dầu	PMS	176.942					176.942	3.989.625
4	Cty cp Thương mại XNK Thủ Đức	TMC	264.752					264.752	5.775.685
5	Cty cp Bến xe miền Tây	WCS	5.000					5.000	87.500
6	Cty cp Cà phê Petec	PCF	43.800					43.800	444.000
7	Tổng Cty Cp TM KT & ĐT Petec	PEG	99.675					99.675	2.093.175
8	Cty Cp Xăng dầu Dầu khí Nam Định	PND	17.640					17.640	272.599
II	Cổ phiếu chưa niêm yết		2.400.000					2.400.000	24.000.000
1	Cty cp Cơ khí ô tô Cần Thơ		200.000					200.000	2.000.000
2	Cty cp Vận tải biển Việt Tín		1.000.000					1.000.000	10.000.000
3	Cty Cp Xăng dầu Dầu khí Sài Gòn		200.000					200.000	2.000.000
4	Cty Cp Vận tải X.dầu Dầu khí Việt Nam		1.000.000					1.000.000	10.000.000
	TỔNG CỘNG		3.253.525	118.752	1.187.520			3.372.277	41.346.704

6.2. Tình hình dự phòng giảm giá chứng khoán

BẢNG DỰ PHÒNG GIẢM GIÁ CHỨNG KHOÁN
(Tính đến 31/12/2021)

SỐ TT	TÊN CHỨNG KHOÁN	MÃ CK	SỐ LƯỢNG CỔ PHIẾU (cp)	GIÁ MUA BÌNH QUẢN (đ/cp)	GIÁ NGÀY 31/12/21 (đ/cp)	CHÊNH LỆCH ĐƠN GIÁ (đ/cp)	GIÁ TRỊ CHÊNH LỆCH (1.000đ)	DỰ PHÒNG TRÍCH LẬP CÁC NĂM (1.000đ)	HOÀN NHẬP DỰ PHÒNG NĂM 31/12/2021 (1.000đ)
A	B	C	1	2	3	4 (3-2)	5 (1x4)	6	7 (5-6)
I	CP đã niêm yết		972.277				-3.698.764	-4.868.038	1.169.275
1	Cty cp Thương nghiệp Cà Mau	CMV	356.256	13.017					
2	Cty cp DV Ô tô Hàng Xanh	HAX	12.318	2.910					
3	Cty cp Cơ khí Xăng dầu	PMS	176.942	22.548	22.900			-1.335.495	1.335.495
4	Cty cp TM XNK Thủ Đức	TMC	264.752	21.815	12.700	-9.115	-2.413.335	-1.777.930	-635.405
5	Cty cp Bến xe miền Tây	WCS	5.000	17.500					
6	Cty cp Cà phê Petec	PCF	43.800	10.137	8.557	-1.580	-69.203	-229.818	160.615
7	Tổng Cty Cp TM KT & ĐT Petec	PNG	99.675	21.000	9.030	-11.970	-1.193.110	-1.401.431	208.321
8	Cty cp Xăng dầu Dầu khí Nam Định	PND	17.640	15.543	14.143	-1.310	-23.116	-123.365	100.249
II	CP chưa niêm yết		2.400.000				-11.286.082	-11.435.367	149.285
1	Cty cp Cơ khí ô tô Cần Thơ		200.000	10.000			-1.286.082	-1.435.367	149.285
2	Cty cp Vận tải biển Việt Tín		1.000.000	10.000			-10.000.000	-10.000.000	0
3	Cty Cp Xăng dầu Dầu khí Sài Gòn		200.000	10.000					
4	Cty Cp Vận tải Xăng dầu Dầu khí Việt Nam		1.000.000	10.000					
	TỔNG CỘNG (I + II)		3.372.277				-14.984.846	-16.303.405	1.318.560

Ghi chú: - Mệnh giá: 10.000 đồng/cp.

- Cột 3: Giá các loại cổ phiếu ngày 31/12/2021 được tính như sau:

+ Cổ phiếu đã niêm yết được lấy theo giá trên sàn giao dịch (ngày 31/12/2021).

+ Cổ phiếu chưa niêm yết được lấy theo giá mua vào. Các cổ phiếu của Cty Cp Cơ khí Ô tô Cần Thơ, Công ty Cp Vận tải Biển Việt Tín do vốn chủ sở hữu thấp hơn vốn điều lệ (BCTC đã kiểm toán) nên COMECO trích lập dự phòng căn cứ theo Thông tư số 89/2013/TT-BTC ngày 28/6/2013 về sửa đổi bổ sung Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài Chính thì điều kiện để trích dự phòng đối với cổ phiếu: có vốn chủ sở hữu nhỏ hơn so với vốn điều lệ.

- Cột 5: Giá trị chênh lệch: chỉ tính khi giá trị cột 4 < 0

VI. BÁO CÁO TÁC ĐỘNG LIÊN QUAN ĐẾN MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI CỦA CÔNG TY

1. Quản lý và kiểm soát chất thải

COMECO ban hành hướng dẫn kiểm soát chất thải để theo dõi phân loại, thu gom, lưu giữ các loại chất thải từ COMECO đến điểm xử lý thích hợp của đơn vị có chức năng, được cấp phép hoạt động. Hướng dẫn cũng nhằm cung cấp thông tin cần thiết để ngăn ngừa và giảm thiểu tối đa việc phát sinh tác động nguy hại của chất thải nguy hại đến môi trường, an toàn sức khỏe nghề nghiệp; đáp ứng tiêu chuẩn môi trường theo quy định pháp luật, giúp bảo vệ môi trường tốt hơn.

Tại văn phòng Công ty, CNXD đều được trang bị các loại thùng rác và nhãn nhận biết. Rác thải rắn được để riêng từng loại trước khi cho vào thùng.

1.1. Chất thải không nguy hại, rác sinh hoạt (còn gọi là chất thải thông thường)

Chất thải rắn không nguy hại, chất thải sinh hoạt được CNXD giao cho nơi thu gom địa phương.

1.2. Chất thải nguy hại

Chất thải rắn nguy hại được giao cho nhà thầu thu gom rác có chức năng và được cấp phép hoạt động (Công ty TNHH MTV Môi trường Đô thị Tp.Hồ Chí Minh). Khi đến CNXD thu rác, người phụ trách xem số xe, nếu đúng như số ghi trong giấy phép thu gom thì mới giao rác. Công ty theo dõi việc đưa rác thải rắn đến điểm xử lý thích hợp, nhận hợp đồng liên 5 và liên 6, giao liên 6 cho cơ quan Nhà nước. Định kỳ hàng năm, Công ty lập báo cáo kết quả thu gom, xử lý chất thải gửi về Cơ quan chức năng.

1.3. Chất thải khí

Công ty đã lắp đặt hệ thống thu hồi hơi xăng dầu cho các CNXD. Bên cạnh đó, Công ty tổ chức đo kiểm các chỉ tiêu định kỳ 6 tháng/ lần do cơ quan Nhà nước thực hiện; kết quả kiểm nghiệm các chỉ tiêu đều đạt theo quy định của pháp luật.

1.4. Nước thải

Công ty đầu tư xây dựng hệ thống hồ gạn dầu để xử lý nước thải trước khi xả thải ra hệ thống thoát nước công cộng. Ngoài ra, Công ty duy trì thực hiện vệ sinh hồ gạn dầu định kỳ 1 tuần/ lần. Kết quả kiểm nghiệm các chỉ tiêu nước thải CNXD do cơ quan Nhà nước thực hiện đều đạt tiêu chuẩn theo quy định của pháp luật.

2. Kiểm soát môi trường làm việc

2.1. Nhận diện khía cạnh, môi trường, mối nguy an toàn

Công ty thiết lập Thủ tục nhận diện khía cạnh, môi trường, mối nguy an toàn sức khỏe để quy định trình tự và cách thức nhận diện những khía cạnh môi trường và các mối nguy; xác định mức độ rủi ro, các tác động môi trường đáng kể và các yêu cầu của pháp luật. Từ đó đề ra các biện pháp kiểm soát thích hợp, các hành động khắc phục kịp thời nhằm: giảm thiểu các tác động có hại đến môi trường; phòng ngừa những rủi ro có thể xảy ra; đảm bảo sự tuân thủ đầy đủ các yêu cầu của pháp luật; tạo môi trường làm việc sạch sẽ, an toàn cho NLĐ, người ngoài vào làm việc, công tác tại COMECO.

2.2. Công tác an toàn PCCC, ứng phó tình huống khẩn cấp

Công ty xây dựng Thủ tục ứng phó tình huống khẩn cấp để thiết lập cơ sở nhận dạng, xác định các sự cố tiềm ẩn và trình tự ứng phó với tình huống khẩn cấp có thể xảy ra nhằm đề phòng và hạn chế tối đa mức độ ảnh hưởng của tình trạng này đến môi trường, an toàn sức khỏe nghề nghiệp. Hàng năm, các CNXD lựa chọn tình huống khẩn cấp được nêu trong Thủ tục để tiến hành diễn tập (giả định) tạo cho toàn thể NLĐ ý thức và thuần thục trong hoạt động ngăn ngừa và ứng phó tình huống khẩn cấp. Kết quả diễn tập ghi nhận lại vào biên bản diễn tập để rút kinh nghiệm.

2.3. Kết quả đo môi trường, vi khí hậu

Định kỳ 6 tháng/lần, Công ty mời cơ quan Nhà nước đến đo kiểm các chỉ tiêu vi khí hậu, môi trường làm việc và các chỉ tiêu nước thải CNXD. Kết quả kiểm nghiệm các chỉ tiêu đều đạt yêu cầu theo quy định của pháp luật. Kết quả này được lập thành báo cáo giám sát môi trường và gửi về cơ quan Nhà nước định kỳ 6 tháng/ lần.

2.4. An toàn lao động

Công tác an toàn lao động tại nơi làm việc luôn được quan tâm. Trong năm 2021, Công ty không có trường hợp xảy ra tai nạn lao động, không có NLĐ bị bệnh nghề nghiệp. Các chỉ số về môi trường làm việc luôn được đo đạc định kỳ và nằm trong giới hạn cho phép.

2.4.1. Đội sơ cứu ban đầu, an toàn vệ sinh viên

Mạng lưới sơ cấp cứu viên và an toàn vệ sinh viên được bố trí đảm bảo tại các đơn vị trong toàn hệ thống CNXD của COMECO. Đội sơ cấp cứu và an toàn vệ sinh viên được bồi dưỡng và tiếp tục đào tạo mới hàng năm.

2.4.2. Trang bị bảo vệ cá nhân

Định kỳ hàng năm Công ty đều có kế hoạch trang bị phương tiện bảo vệ cá nhân cho người lao động theo Thỏa ước lao động Tập thể bao gồm quần áo, giày, nón vải, khẩu trang... Tổng số tiền trang bị năm 2021 là 1.324.400.000 đồng. Trong đó, mẫu áo bảo hộ lao động đã được thay đổi thiết kế, phối thêm màu cam tại các vị trí cổ áo, măng sét, nắp túi áo nhằm tăng tính thẩm mỹ và nổi bật màu cam truyền thống của Công ty.

2.4.3. Đào tạo kiến thức về an toàn lao động, Sơ cấp cứu, kỹ thuật an toàn vệ sinh lao động

Công tác đào tạo định kỳ về nghiệp vụ an toàn vệ sinh lao động, sơ cấp cứu, an toàn vệ sinh viên được thực hiện hàng năm cho NLD theo hướng dẫn của Pháp luật. Qua các buổi đào tạo NLD được cập nhật các văn bản pháp luật mới, nắm rõ thêm về các quy định của Pháp luật đối với công tác an toàn lao động, vệ sinh lao động tại nơi làm việc; quyền và nghĩa vụ của NLD; có kiến thức cơ bản về công tác đảm bảo an toàn, sơ cấp cứu tạm thời; ...

3. Chăm sóc sức khỏe cho NLD

3.1. Khám sức khỏe định kỳ

Hàng năm, Công ty tổ chức khám sức khỏe định kỳ cho người lao động tại các bệnh viện lớn, có uy tín. Trong năm 2021, tổng số người khám sức khỏe định kỳ là 481 người; chi phí khám sức khỏe cho người lao động là 154.120.700 đồng. Chất lượng sức khỏe của người lao động được cải thiện, những trường hợp khác, Công ty có lộ trình hướng dẫn người lao động điều trị cải thiện để đảm bảo sức khỏe làm việc hoặc bố trí việc làm phù hợp.

3.2. Khám bệnh nghề nghiệp

Hàng năm Công ty tổ chức khám bệnh nghề nghiệp cho đối tượng lao động trực tiếp tại các Chi nhánh xăng dầu như khám nhiễm độc hóa chất nghề nghiệp (benzen), tái khám sạm da: 2 lần/năm, khám nốt dầu nghề nghiệp 1 lần/năm, Công ty thực hiện khám cho NLD vào tháng 3/2021 và tháng 12/2021. Kết quả không có người lao động bị bệnh nghề nghiệp, các chỉ số sức khỏe nằm trong giới hạn bình thường. Tổng số tiền tổ chức khám bệnh nghề nghiệp năm 2021: 478.050.000 đồng.

3.3. Cấp phát thuốc, túi sơ cấp cứu

Định kỳ 6 tháng/lần, Công ty tổ chức cấp phát thuốc, túi sơ cấp cứu cho các đơn vị. Luôn đảm bảo số lượng và chất lượng thuốc tại các đơn vị đúng theo quy định. Tổng số tiền trang bị: 19.002.800 đồng.

3.4. Kết quả kiểm tra chỉ tiêu nước uống

Công ty ký Hợp đồng cung cấp nước uống với đơn vị cung cấp nước uống Choliwa cho toàn Công ty. Kết quả kiểm tra chỉ tiêu nước uống định kỳ 6 tháng/ lần tại Viện y tế công cộng TP.HCM đạt theo Quy chuẩn Việt Nam QCVN 6-1:2010/BYT do Bộ Y tế ban hành.

4. Kết quả thực hiện trách nhiệm đối với cộng đồng và xã hội

Ngoài việc thăm hỏi tặng quà cán bộ hưu trí, tặng quà cho thiếu nhi là con của NLD Công ty, Công ty còn thực hiện trách nhiệm đối với cộng đồng và xã hội với tổng số tiền là 105.058.090 đồng.

Phần 3

BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

I. ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

- Kinh tế - xã hội nước ta năm 2021 diễn ra trong bối cảnh thế giới phải đương đầu với những biến thể mới của virus SARS-CoV-2 với mức độ lây lan thần tốc và nguy hiểm hơn đã ảnh hưởng nghiêm trọng đến mọi mặt kinh tế - xã hội của các quốc gia trên thế giới. Tốc độ tăng GDP cả năm 2021 chỉ đạt 2,58%, thấp hơn mức 2,91% của năm 2020 và cũng là mức tăng thấp nhất trong thập kỷ gần đây. Năm 2021, cả nước có 116,8 nghìn doanh nghiệp đăng ký thành lập mới, giảm 13,4%; số doanh nghiệp tạm ngừng kinh doanh có thời hạn gần 55 nghìn doanh nghiệp, tăng 18%; 48,1 nghìn doanh nghiệp ngừng hoạt động chờ làm thủ tục giải thể, tăng 27,8%; 16,7 nghìn doanh nghiệp hoàn tất thủ tục giải thể, giảm 4,1% so cùng kỳ năm 2020.

- Thị trường xăng dầu diễn biến phức tạp, giá dầu thế giới biến động liên tục khó lường. Biến động của giá xăng dầu ảnh hưởng đến nguồn cung và thù lao xăng dầu, có những thời điểm thù lao xăng dầu giảm mạnh, không đủ bù đắp chi phí kinh doanh nên ảnh hưởng đến hiệu quả kinh doanh của Công ty.

- Chỉ số giá tiêu dùng bình quân năm năm 2021 tăng 1,84% so với bình quân năm 2020, mức tăng thấp nhất kể từ năm 2016. Lạm phát cơ bản bình quân năm 2021 tăng 0,81% so với bình quân năm 2020.

- Đợt dịch Covid-19 lần thứ Tư kéo dài đã khiến thị trường bất động sản gặp nhiều khó khăn nhu cầu sử dụng mặt bằng của các doanh nghiệp giảm nhiều do ảnh hưởng dịch Covid-19 nên mảng kinh doanh mặt bằng, kho bãi của Công ty gặp nhiều khó khăn.

- Tình hình nợ công tăng nhanh, nguồn vốn để đầu tư phát triển kinh tế xã hội gặp nhiều khó khăn.

- Lãi suất ngân hàng tương đối ổn định nhưng việc tiếp cận vốn đối với các doanh nghiệp vẫn còn khó khăn, hạn chế. Công ty vẫn tiếp tục chủ trương giảm đối tượng bán hàng trả chậm để đảm bảo an toàn kinh doanh.

- Từ 01/10/2021, mặc dù Thành phố đã dừng giãn cách xã hội nhưng nhu cầu tiêu thụ nhiên liệu vẫn chưa thể phục hồi nên ảnh hưởng nhiều đến sản lượng bán của Công ty.

- CNXD số 18, 32 phải tạm ngưng hoạt động kể từ cuối tháng 6/2021, một số CNXD phải tạm ngưng hoạt động do liên quan các ca nhiễm Covid-19 cũng ảnh hưởng nhiều đến sản lượng kinh doanh của Công ty (CNXD số 1, số 4).

- Ngoài việc sụt giảm do dịch Covid-19, các doanh nghiệp đầu môi có sự cạnh tranh khốc liệt về giá nên mảng kinh doanh bán sỉ gặp nhiều khó khăn.

- Việc hoàn thiện các hồ sơ pháp lý đối với các mặt bằng của Công ty chậm do phụ thuộc vào việc xem xét giải quyết của các cơ quan chức năng.

- Nhiều khoản chi phí tiếp tục tăng cao, phát sinh khoản chi phí phòng, chống dịch Covid-19.

- Nội bộ đoàn kết. Công ty đảm bảo việc làm, thu nhập và các chế độ chính sách đối với người lao động (NLD).

**BẢNG THỐNG KÊ CÁC ĐỢT THAY ĐỔI GIÁ BÁN LẺ XĂNG DẦU
NĂM 2021**

DVT: đồng/lít

THỜI GIAN ĐIỀU CHỈNH GIÁ	XĂNG 95	XĂNG E5	DẦU DO	DẦU KO
15 giờ ngày 11/01/2021	↑ 460	↑ 430	↑ 270	↑ 370
15 giờ ngày 26/01/2021	↑ 340	↑ 360	↑ 400	↑ 350
15 giờ ngày 10/02/2021	-	-	-	-
15 giờ ngày 25/02/2021	↑ 810	↑ 730	↑ 800	↑ 710
15 giờ ngày 12/3/2021	↑ 800	↑ 690	↑ 560	↑ 560
15 giờ ngày 27/3/2021	↑ 160	↑ 130	↓ 160	↓ 170
16 giờ 30 ngày 12/4/2021	↓ 70	↓ 50	↓ 100	↓ 180
15 giờ ngày 27/4/2021	↑ 190	↑ 180	↑ 180	↑ 430
15 giờ ngày 12/5/2021	↑ 370	↑ 440	↑ 450	↑ 570
15 giờ ngày 27/5/2021	-	-	-	-
15 giờ ngày 11/6/2021	↑ 630	↑ 620	↑ 670	↑ 590
15 giờ ngày 26/6/2021	↑ 750	↑ 720	↑ 670	↑ 640
15 giờ ngày 12/7/2021	↑ 870	↑ 850	↑ 420	↑ 450
15 giờ ngày 27/7/2021	↓ 100	↓ 120	↓ 160	↓ 110
15 giờ ngày 11/8/2021	-	-	↓ 200	↓ 220
15 giờ ngày 26/8/2021	↓ 550	↓ 600	↓ 510	↓ 410
15 giờ ngày 10/9/2021	↑ 260	↑ 250	↑ 360	↑ 320
15 giờ ngày 25/9/2021	↑ 550	↑ 570	↑ 560	↑ 560
15 giờ ngày 11/10/2021	↑ 930	↑ 970	↑ 960	↑ 980
16 giờ ngày 26/10/2021	↑ 1.460	↑ 1.430	↑ 1.170	↑ 1.010
15 giờ ngày 10/11/2021	↑ 660	↑ 550	-	-
15 giờ ngày 25/11/2021	↓ 1.090	↓ 750	↓ 330	↓ 440
15 giờ ngày 10/12/2021	↓ 1.100	↓ 830	↓ 1.050	↓ 870
15 giờ ngày 25/12/2021	↑ 490	↑ 470	↑ 240	↑ 190
TỔNG CỘNG	Tăng 6.820	Tăng 7.040	Tăng 5.200	Tăng 5.330

II. TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

1. Tình hình tài sản

SỐ TT	KHOẢN MỤC	SỐ CUỐI NĂM (đồng)	SỐ ĐẦU NĂM (đồng)	TỶ LỆ (%)
A	B	1	2	3 (1/2)
1	Tài sản ngắn hạn	228.016.833.488	181.358.238.723	125,73
2	Tài sản dài hạn	307.081.986.487	317.243.464.407	96,80
	TỔNG CỘNG	535.098.819.975	498.601.703.130	107,32

Bảng giá trị tài sản cố định hữu hình của Công ty (tại thời điểm 31/12/2021)

SỐ TT	KHOẢN MỤC	NGUYÊN GIÁ (đồng)	GIÁ TRỊ CÒN LẠI (đồng)	TỶ LỆ (%)
A	B	1	2	3 (2/1)
1	Nhà cửa, vật kiến trúc	165.093.219.069	112.998.995.618	68,45
2	Máy móc thiết bị	24.588.230.257	4.190.527.775	17,04
3	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	23.811.998.083	4.797.577.275	20,15
4	Thiết bị dụng cụ quản lý	3.954.810.591	93.228.881	2,36
	TỔNG CỘNG	217.448.258.000	122.080.329.549	56,14

Nhận xét:

- Tài sản ngắn hạn: Cuối năm 2021 tài sản ngắn hạn tăng 125,73% so với năm 2020 chủ yếu do tiền các khoản tương đương tiền và hàng tồn kho tăng.

- Tài sản dài hạn: Trong năm 2021, giá trị tài sản dài hạn giảm 3,2% so với năm 2020 do trong năm Công ty không tiến hành đầu tư sửa chữa lớn tài sản cố định.

- COMECO có thể khẳng định rằng: Trong năm 2021 nền tài chính của COMECO hoàn toàn chủ động, vốn đầu tư cho các dự án được đáp ứng đầy đủ theo đúng tiến độ.

- Việc trích lập các quỹ theo đúng quy định của pháp luật, điều lệ và nghị quyết của ĐHCĐ.

2. Tình hình nợ phải trả

ĐVT: đồng

SỐ TT	KHOẢN MỤC	SỐ CUỐI NĂM (31/12/2021)	SỐ ĐẦU NĂM (01/01/2021)	TỶ LỆ (%)
A	B	1	2	3 (1/2)
01	Nợ ngắn hạn	48.724.178.712	41.867.286.622	116,38
02	Nợ dài hạn	14.120.628.000	14.120.628.000	100,00
	TỔNG CỘNG	62.844.806.712	55.987.914.622	112,25

Nhận xét: Nợ phải trả trong năm 2021 của Công ty tăng 116,38% so với năm 2020 chủ yếu do phát sinh tăng công nợ phải trả người bán ngắn hạn và phải trả khác.

III. NHỮNG TIẾN BỘ CÔNG TY ĐÃ ĐẠT ĐƯỢC

Trước những khó khăn trên, Ban TGD cùng với tập thể NLĐ Công ty đã cố gắng triển khai thực hiện đúng Nghị quyết của ĐHCĐ và Nghị quyết của HĐQT Công ty một cách linh hoạt, hiệu quả. Kết quả đạt được như sau:

- Tình hình kinh doanh ổn định, các chỉ tiêu kinh tế chủ yếu đều tăng trưởng cao so với kế hoạch 2021, đặc biệt LNST: 40,195 tỷ đồng, đạt 114,84% kế hoạch năm 2021.

- Công tác đầu tư được tiến hành theo tình hình mới, theo Nghị quyết của Hội đồng Quản trị, kế hoạch của Tổng Giám đốc và các quy định của pháp luật.

- Công tác tổ chức và quản lý:

+ Thực hiện Chỉ thị của Thủ tướng Chính phủ, Công ty đã ban hành nhiều văn bản quy định, hướng dẫn NLĐ nâng cao chủ động phòng chống dịch, thực hiện khai báo y tế trong toàn Công ty; sắp xếp khối văn phòng luân phiên làm việc. NLĐ COMECO đã tuân thủ nghiêm chỉnh các quy định, đồng thời hướng dẫn khách hàng thực hiện khi tiếp xúc giao dịch. Công ty trang bị khẩu trang nano kháng khuẩn, kính chắn giọt bắn phòng virus cho NLĐ để đảm bảo an toàn phòng chống dịch.

+ Tổ chức 04 buổi TGD gặp gỡ sinh hoạt với NLĐ. Qua các buổi gặp gỡ, TGD sinh hoạt một số nội dung liên quan đến thực hiện Nội quy lao động; Quy trình bán hàng, Quy định về phòng chống dịch và một số quy định khác của Công ty đến toàn thể NLĐ.

+ Rà soát sửa đổi, bổ sung và ban hành một số Quy định phục vụ cho công tác quản lý và phát triển SXKD.

+ Công tác tuyển dụng, đào tạo, quy hoạch, bổ nhiệm và bố trí công việc hợp lý và đạt hiệu quả.

+ Duy trì và tăng cường công tác kiểm tra, giám sát quản lý đo lường, chất lượng hàng hóa trong quá trình vận chuyển, lưu kho và lưu thông.

+ Hệ thống Quản trị Chất lượng Toàn diện được duy trì và cải tiến thường xuyên. Năm 2021, Tổ chức chứng nhận BVC đánh giá giám sát định kỳ, kết quả Hệ thống Quản trị Chất lượng được duy trì tốt.

+ Tổ chức đánh giá nội bộ 39 đơn vị, kiểm tra được 70 lượt xe bồn. Kết quả có 72 điểm nhận xét, đến nay đã khắc phục.

+ Kết quả kiểm tra, đánh giá của các cơ quan chức năng về PCCC, sử dụng cột đo, chất lượng xăng dầu, hồ sơ pháp lý,... đều đạt yêu cầu.

- Công tác an ninh trật tự và an toàn cháy nổ được đảm bảo.

- Qua tổng kết cuối năm 2021, Công ty đã khen thưởng và đề nghị khen thưởng gồm nhiều hạng thành tích gồm có:

+ Về tập thể: 13 tập thể được đề nghị tập thể lao động xuất sắc, 03 tập thể được đề nghị tặng Bằng khen Ủy ban Nhân dân Thành phố, 7 tập thể được đề nghị Giấy khen Văn phòng Thành ủy, 25 tập thể lao động tiên tiến, 18 tập thể đạt Giấy khen Công ty và 03 tập thể đạt biểu dương của Công ty.

+ Về cá nhân: 01 cá nhân được đề nghị tặng Bằng khen của Ủy ban Nhân dân Thành phố, 28 cá nhân được đề nghị Giấy khen Văn phòng Thành ủy, 17 cá nhân đạt Chiến sĩ thi đua cơ sở, 99 cá nhân đạt Giấy khen Công ty và 50 cá nhân đạt biểu dương của Công ty.

- Công tác thông tin, báo cáo, quyết toán hàng kỳ đều được Công ty thực hiện đầy đủ, kịp thời, công khai, minh bạch theo đúng quy định của các cơ quan ban, ngành đồng thời đáp ứng được thông tin cho điều hành kinh doanh hiệu quả. Báo cáo tài chính kiểm toán được công bố tại website Công ty theo địa chỉ www.comeco.vn và được trình bày trước ĐHĐCĐ thường niên hàng năm. Việc trích lập các quỹ theo đúng quy định của pháp luật, điều lệ và Nghị quyết ĐHĐCĐ Công ty.

IV. KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN NĂM 2022

1. Chỉ tiêu kế hoạch năm 2022

- Doanh thu : 3.500 tỷ đồng
- Lợi nhuận sau thuế : 30 tỷ đồng

Kế hoạch lợi nhuận sau thuế của Công ty năm 2022 giảm so với năm 2021 vì dự báo tình hình dịch bệnh Covid-19, giá xăng dầu diễn biến phức tạp. Số liệu chỉ tiêu kế hoạch trên đây chỉ là số liệu tạm thời, số liệu chính thức sẽ trình đề cử đồng thông qua tại kỳ ĐHCĐ thường niên năm tài chính 2021.

2. Giải pháp thực hiện

2.1. Nhóm giải pháp về phát triển sản xuất kinh doanh

- Thường xuyên nắm bắt thông tin thị trường để có chính sách kinh doanh hợp lý, đạt hiệu quả cao. Tiếp tục rà soát bố trí mặt bằng, cơ sở vật chất kỹ thuật các CNXD cho phù hợp với nhu cầu của khách hàng.

- Thực hiện đúng Quy trình kiểm soát hàng hóa, tăng cường công tác kiểm tra, đánh giá nội bộ để đảm bảo số lượng, chất lượng hàng hóa và chất lượng dịch vụ cung cấp cho khách hàng. Đồng thời, đảm bảo an toàn tuyệt đối về mọi mặt hoạt động SXKD của Công ty.

- Rà soát lại chính sách bán hàng để điều chỉnh cho linh hoạt hơn, giao hàng đúng thời gian, thực hiện tốt các hình thức khuyến mại, có chính sách chăm sóc khách hàng phù hợp. Cải tiến chính sách bán hàng theo hướng gia tăng chia sẻ lợi ích với khách hàng để tăng sản lượng và thị phần; đồng thời tăng cường dịch vụ hậu mãi để giữ và thu hút khách hàng. Nghiên cứu hỗ trợ đầu tư, nghiệp vụ, kỹ năng bán hàng để duy trì ổn định và phát triển hệ thống nhượng quyền thương mại, đại lý bán lẻ xăng dầu.

- Tìm kiếm mặt bằng, đối tác để thực hiện hợp tác, đầu tư phát triển thêm chi nhánh xăng dầu dưới nhiều hình thức: thuê đất các khu công nghiệp; mua hoặc thuê mặt bằng, cây xăng, ...

- Tập trung khai thác tối đa công suất cho thuê Tòa nhà COMECO và các mặt bằng trống của Công ty.

- Duy trì chính sách thưởng cho các đơn vị, cá nhân tìm kiếm khách hàng mới có khả năng thanh toán tốt; giới thiệu cây xăng, địa điểm xây dựng cây xăng.

- Quản lý công nợ chặt chẽ, hợp lý. Đảm bảo an toàn tài chính.

2.2. Nhóm giải pháp về đầu tư và phát triển khoa học công nghệ

- Đầu tư thêm trang thiết bị bán hàng hiện đại, tiếp tục đa dạng hình thức thanh toán qua các loại thẻ ngân hàng, thanh toán điện tử. Nghiên cứu phát triển kinh tế số.

- Đầu tư sửa chữa, cải tạo, mở rộng các chi nhánh xăng dầu cho phù hợp với quy định của Nhà nước và tình hình kinh doanh.

- Tiếp tục đầu tư máy móc, trang thiết bị công nghệ cao để phục vụ cho hoạt động kinh doanh, quản lý và đảm bảo an toàn, phòng chống cháy nổ.

- Tiếp tục xây dựng kế hoạch chuyển hướng đầu tư tại một số mặt bằng của Công ty.

- Tiếp tục phối hợp cùng các cơ quan chức năng tỉnh Đồng Nai để thực hiện các hồ sơ, thủ tục bồi thường theo Quyết định 2124/QĐ-UBND ngày 23/6/2021 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc thu hồi đất Dự án Tổng kho xăng dầu COMECO tại Nhơn Trạch, Đồng Nai theo hình thức Công ty tự nguyện trả lại đất Dự án.

- Thực hiện tốt phần mềm hóa đơn điện tử phục vụ SXKD.

- Tiếp tục triển khai áp dụng sáng kiến, giải pháp mới để tiết kiệm và nâng cao hiệu quả kinh doanh.

2.3. Nhóm giải pháp về nguồn nhân lực

- Rà soát, đánh giá lại đội ngũ cán bộ quy hoạch, bổ sung quy hoạch và đào tạo theo kế hoạch. Thực hiện công tác tuyển dụng, đào tạo, quy hoạch và bổ nhiệm cán bộ theo đúng quy trình trong Hệ thống Quản trị chất lượng của Công ty. Rà soát, cơ cấu hợp lý nguồn nhân lực để đáp ứng nhu cầu công việc.

- Thực hiện đối thoại với người lao động để thực hiện công tác lãnh đạo tư tưởng cho phù hợp và xem xét giải quyết nhanh các ý kiến của người lao động để khuyến khích nâng cao năng suất lao động và hiệu quả công việc.

- Tiếp tục rà soát Quy chế tiền lương, tiền thưởng để tiền lương, tiền thưởng thực sự phát huy tính chất đòn bẩy phát triển kinh doanh và thu hút lao động chất xám.

- Phân cấp, phân quyền giải quyết công việc theo hướng chủ động trong thực hiện nhiệm vụ chuyên môn, quản lý, điều hành và tự chịu trách nhiệm về quyết định của mình để nâng cao hiệu quả.

- Phát huy hơn nữa vai trò các đoàn thể để thực hiện hiệu quả phong trào thi đua nhằm nâng cao năng suất lao động, phát huy dân chủ cơ sở và phát triển Văn hóa, Thương hiệu COMECO.

2.4. Nhóm giải pháp về tổ chức và quản lý

- Duy trì thực hiện các biện pháp phòng chống dịch Covid-19 đảm bảo an toàn cho người lao động và ổn định hoạt động SXKD. Nâng cao hơn nữa chất lượng công tác quản trị, đảm bảo tuyệt đối an toàn về tài sản, hàng hóa, tiền hàng trong hoạt động SXKD.

- Quán triệt các quy định, chính sách đến từng NLD để NLD hiểu và thực hiện tốt. Lãnh đạo ổn định tư tưởng NLD. Chăm lo tốt đời sống vật chất và tinh thần cho NLD. Thực hiện tốt việc quản lý và động viên NLD, đoàn kết nhất trí trong việc thực hiện nhiệm vụ được giao. Tạo môi trường làm việc an toàn, thân thiện; xây dựng nền văn hóa Công ty mạnh để thu hút và giữ chân nhân viên giỏi.

- Bố trí ca kíp bán hàng phù hợp hơn để gia tăng sản lượng bán hàng; thực hiện triệt để các giải pháp để tiết giảm chi phí và đảm bảo thu nhập, cải thiện đời sống người lao động.

- Kiểm soát chặt chẽ các thiết bị đo lường, thực hiện hiệu chuẩn, kiểm định, bảo trì, bảo dưỡng máy móc thiết bị theo quy định.

- Quản lý chặt chẽ nguồn vốn, đáp ứng vốn kịp thời cho kinh doanh, cho các dự án đầu tư. Quản lý chặt chẽ tình hình kinh doanh và công nợ; chủ động trong công tác giám sát, kiểm tra nhằm giảm thiểu rủi ro trong kinh doanh.

- Quản lý chặt chẽ công tác phòng chống cháy nổ và huấn luyện thường xuyên công tác chữa cháy để ứng phó kịp thời các sự cố, giảm thiểu rủi ro.

- Duy trì và nâng cao hiệu quả các phong trào thi đua, khen thưởng và nhân rộng các điển hình tiên tiến.

Duy trì và cải tiến Hệ thống Quản lý Chất lượng Toàn diện ISO 9001:2015.

Năm 2022, tình hình kinh doanh xăng dầu vẫn tiếp tục biến động khó lường. Nhưng với truyền thống đoàn kết và tinh thần vượt khó cùng hướng về mục tiêu chung của Công ty, nhất định tập thể NLĐ Công ty COMECO sẽ vượt qua được khó khăn, thử thách để thực hiện hoàn thành mục tiêu kế hoạch và phát triển thương hiệu COMECO thực sự là thương hiệu của Chất lượng dịch vụ.

V. GIẢI TRÌNH CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI Ý KIẾN KIỂM TOÁN:

BCTC năm 2021 của Công ty đã được Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán phía Nam (AASCS) kiểm toán. AASCS thống nhất toàn bộ nội dung, không có ý kiến ngoại trừ hoặc ý kiến lưu ý nào đối với BCTC năm 2021 do Công ty lập và đã phát hành Báo cáo kiểm toán số: 44/BCKT/TC/2022/AASCS ngày 22/02/2022 (đính kèm bên dưới).

VI. BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ LIÊN QUAN ĐẾN TRÁCH NHIỆM VỀ MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI CỦA CÔNG TY

1. Bảo vệ môi trường

Một trong mười hai nội dung giá trị cốt lõi của COMECO là tiêu chí: Thái độ đối với cộng đồng xã hội. Nội dung của tiêu chí này là: “*Bảo vệ sức khỏe – Gìn giữ môi trường – Hòa hợp cộng đồng*”. Giá trị này được xuất phát từ cái tâm của các nhà quản trị và NLĐ Công ty hướng đến sự an toàn và phát triển bền vững. Điều đó được thể hiện qua các nội dung công việc cụ thể như sau:

- Đường ống xăng dầu của các CNXD COMECO được thiết kế theo đúng tiêu chuẩn an toàn, có bể thu gom chất thải xăng dầu trước khi đưa ra hệ thống thoát nước chung của Thành phố đảm bảo môi trường đất, nước, không khí tại CNXD COMECO.

- Các CNXD của COMECO đều có cây xanh góp phần thực hiện phong trào “*Cửa hàng Xăng dầu COMECO: Xanh hơn – Đẹp hơn*” do Công ty phát động từ tháng 5/2011, đồng thời góp phần giảm bớt lượng khí phát thải ra môi trường.

- Tất cả các CNXD của COMECO đều được kiểm tra, đánh giá và cấp giấy chứng nhận đạt tiêu chuẩn môi trường của Sở Tài Nguyên Môi Trường Tp.Hồ Chí Minh.

- Hàng năm các CNXD đều được Phân viện Bảo hộ Lao động phía Nam đo kiểm tra môi trường, kết quả các tiêu chí đều nằm trong giới hạn cho phép.

- COMECO có thủ tục về quản lý môi trường Hệ thống Quản lý Môi trường ISO 14001 : 2004 và Hệ thống Quản lý An toàn Sức khỏe Nghề nghiệp OHSAS 18001 : 2007. Định kỳ hoặc đột xuất có kiểm tra đánh giá nội bộ.

- Bên cạnh đó, nhằm góp phần vào việc chống biến đổi khí hậu, toàn Công ty COMECO (Tòa nhà COMECO và hệ thống các CNXD) đã hưởng ứng Giờ trái đất, tắt bớt các thiết bị chiếu sáng, quảng cáo, sử dụng dần các thiết bị ít tiêu hao nhiên liệu, năng lượng và thân thiện với môi trường. Qua đó, NLĐ Công ty nâng cao được ý thức tiết kiệm điện và bảo vệ môi trường.

2. Trách nhiệm đối với NLĐ

- COMECO luôn xem NLĐ là vốn quý nên NLĐ ngoài việc được hưởng đầy đủ các chế độ về lao động và tiền lương theo quy định của Nhà nước; Công ty còn có những đãi ngộ riêng theo Thỏa ước Lao động Tập thể; môi trường và điều kiện làm việc luôn được an toàn.

- Các chế độ đối với NLD được thực hiện đầy đủ theo quy định của pháp luật về lao động và tiền lương. Ngoài ra, Công ty cũng ban hành các quy định, quy chế để bảo vệ lợi ích cho NLD như: Quy định đón tiếp nhân viên mới, Quy định trợ cấp thêm khi nghỉ hưu, Quy định về tổ chức sinh nhật cho NLD Công ty, Quy định chế độ đối với NLD đi thi hành nghĩa vụ quân sự, Quy định hoạt động của nhà ăn tập thể, Quy định chế độ cho NLD làm việc nơi xa, Quy chế đào tạo chuyên môn, nghiệp vụ cho NLD Công ty, Quy chế thực hiện đối thoại định kỳ tại Công ty, Quy chế thực hiện dân chủ tại Công ty nhằm thực hiện các chế độ cho NLD một cách ổn định.

- Ngoài việc thực hiện các nội dung của Quy chế dân chủ, Công ty còn lập hòm thư nhằm tiếp nhận các phản ánh của NLD, đồng thời vào thứ hai tuần cuối hàng tháng TGD cũng sắp xếp lịch để tiếp NLD.

- Lãnh đạo Công ty luôn quan tâm cải tiến chính sách về vật chất và tinh thần đối với NLD đặc biệt đối với lao động nữ: ưu tiên cho lao động nữ không phải bán xăng dầu vào ban đêm; tổ chức các buổi Hội thảo, Hội thi cho nữ NLD Công ty chào mừng Ngày quốc tế Phụ nữ 08/03 và Ngày thành lập Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam 20/10; tổ chức nghỉ dưỡng hàng năm,... Bên cạnh đó, Công ty cũng luôn tạo điều kiện cho lao động nữ tham gia công tác quản lý. Tính đến 31/12/2021 có 13 lao động nữ từ trường phó đơn vị trở lên trong đó có 03 lao động nữ được tiếp tục quy hoạch ở vị trí cao hơn.

Đồng thời khuyến khích, động viên NLD tham gia học tập theo định hướng nâng cao chất lượng nguồn nhân lực của Công ty; luôn tạo môi trường làm việc bình đẳng, gắn kết, thể hiện:

“Bản sắc nhân văn - đề cao giá trị đạo đức truyền thống”

3. Trách nhiệm đối với cộng đồng và xã hội

Ngoài việc thăm hỏi tặng quà cán bộ hưu trí, tặng quà cho thiếu nhi là con của NLD Công ty, Công ty còn thực hiện trách nhiệm đối với cộng đồng và xã hội với tổng số tiền là **105.058.090 đồng**.

Những việc làm trên của Công ty là thái độ của COMECO đối với cộng đồng và xã hội được thể hiện trong Giá trị cốt lõi của COMECO:

“Bảo vệ sức khỏe – Gìn giữ môi trường – Hòa hợp cộng đồng”

4. Đối với khách hàng và đối tác

Thái độ của COMECO đối với khách hàng và đối tác là:

“Chuyên nghiệp - Hợp tác - Win Win”

Với phương châm kinh doanh **“COMECO vì khách hàng phục vụ”**, COMECO luôn duy trì sự hợp tác, liên doanh, liên kết trên nguyên tắc thiện chí, tôn trọng lợi ích của các bên tham gia. Hàng năm, Công ty đều tiến hành thu thập đánh giá mức độ thỏa mãn của khách hàng thông qua phiếu tìm hiểu ý kiến khách hàng và luôn đạt mức thỏa mãn tương đối cao, cụ thể như sau :

+ **Chất lượng:** Trên 90% khách hàng nhận xét tốt về chất lượng sản phẩm dịch vụ.

+ **Thời gian giao hàng:** 100% khách hàng nhận xét thời gian giao hàng kịp thời và tương đối kịp thời.

+ **Phương thức giao hàng:** 100% khách hàng nhận xét phương thức giao hàng rất thuận lợi và thuận lợi.

+ **Giá cả:** 100% khách hàng nhận xét hợp lý về tiêu chí giá cả.

+ **Phương thức thanh toán:** 100% khách hàng nhận xét phương thức thanh toán phù hợp và tương đối phù hợp.

+ **Nhận xét về thương hiệu COMECO:** 100% khách hàng nhận xét thương hiệu COMECO từ mức khá trở lên.

Ngoài ra, Công ty còn lập đường dây nóng 24/24 số 38.300.222 để tiếp nhận các phản hồi của khách hàng. Lãnh đạo Công ty luôn trân trọng ghi nhận các ý kiến đóng góp; đồng thời cam kết bảo mật thông tin của khách hàng khi đóng góp ý kiến.

Bên cạnh đó, văn hóa “*COMECO nói lời cảm ơn khách hàng*” luôn được hầu hết NLĐ tích cực thực hiện. Mục đích muốn gửi đến khách hàng sự trân trọng, lòng biết ơn sâu sắc đã tin dùng những sản phẩm và dịch vụ của COMECO.

5. Đối với cổ đông và nhà đầu tư

Là sự ổn định gắn bó lâu dài với thái độ:

“Tin cậy - Công khai - Minh bạch”

Công ty luôn tuân thủ quy định công bố thông tin một cách đầy đủ, kịp thời, chính xác. Tất cả các thông tin liên quan đến tình hình hoạt động của Công ty trên website của Sở Giao dịch Chứng khoán Tp.Hồ Chí Minh và website của Công ty.

Chính sách trả cổ tức các năm luôn được thực hiện đầy đủ. Năm 2021 mặc dù tình hình kinh doanh gặp nhiều khó khăn tuy nhiên Công ty vẫn duy trì chi trả cổ tức ở mức tương đối cao 20%.

*

* *

Tóm lại, vì lợi ích của các bên liên quan COMECO đặt ra mục tiêu, cam kết duy trì và thực hiện tốt hơn các nội dung nêu trên với triết lý kinh doanh:

“Đại gia đình COMECO –

Tất cả vì sự hài lòng của mọi người, vì mục tiêu chung”

Với tất cả các tiêu chí trên, COMECO luôn cam kết mang đến cho NLĐ, khách hàng, đối tác, cộng đồng những sản phẩm dịch vụ tốt nhất, môi trường làm việc tốt nhất. Bên cạnh mục tiêu kinh doanh COMECO cũng đồng thời quan tâm đến môi trường và cộng đồng nhằm góp phần cải tạo và xây dựng môi trường sống tốt đẹp hơn.

Phần 4

ĐÁNH GIÁ CỦA HĐQT VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

I. ĐÁNH GIÁ CỦA HĐQT VỀ CÁC MẶT HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Trong năm 2021, HĐQT của Công ty đã tổ chức 41 phiên họp HĐQT để đề ra các chủ trương, định hướng đúng đắn; nghị quyết và quyết định phù hợp nhằm kịp thời chỉ đạo thực hiện các hoạt động SXKD của Công ty.

HĐQT luôn bám sát tình hình thực tế của Công ty; kiểm tra, giám sát kết quả thực hiện nghị quyết HĐQT, nghị quyết ĐHĐCĐ đảm bảo tính minh bạch.

HĐQT luôn tạo điều kiện thuận lợi cho Ban Điều hành Công ty hoàn thành nhiệm vụ kế hoạch SXKD, cho cổ đông và các nhà đầu tư cũng như các cơ quan quản lý có thể thực hiện tốt được chức năng giám sát, thanh tra, kiểm soát.

HĐQT thực hiện đầy đủ các chức năng theo quy định của Điều lệ, giám sát tốt hoạt động của Ban Điều hành.

HĐQT và Ban TGD nắm vững tình hình thị trường và điều kiện kinh doanh của Công ty, đã đưa ra nhiều giải pháp quan trọng để tháo gỡ khó khăn, đưa Công ty hoàn thành và hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu, nhiệm vụ năm 2021 mà ĐHĐCĐ thông qua đặc biệt chỉ tiêu LNST năm 2021 là 40,195 tỷ đồng, đạt 114,84% so với kế hoạch.

II. ĐÁNH GIÁ CỦA HĐQT VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN TGD, CÁC CÁN BỘ QUẢN LÝ CỦA CÔNG TY

1. Giám sát hoạt động của Ban TGD

Căn cứ vào Điều lệ và Quy chế nội bộ về quản trị Công ty Cổ phần Vật tư – Xăng dầu (COMECO), HĐQT đã thực hiện giám sát hoạt động của Ban TGD trong việc triển khai các nghị quyết của ĐHĐCĐ và nghị quyết của HĐQT năm 2021 như sau:

1.1. Phương thức giám sát:

- Để thực hiện tốt công tác quản lý và chức năng giám sát của HĐQT đối với Ban TGD, HĐQT đã phân công nhiệm vụ cụ thể đối với từng thành viên HĐQT. Mỗi thành viên HĐQT được giao thực hiện công tác quản trị, giám sát theo từng lĩnh vực hoạt động trọng yếu của Công ty. Trong quá trình thực hiện nhiệm vụ, các thành viên đã giám sát chặt chẽ và thông tin cho HĐQT để HĐQT kịp thời có ý kiến chỉ đạo, định hướng Ban TGD điều chỉnh các hoạt động kinh doanh phù hợp theo từng giai đoạn; đồng thời, tạo động lực thúc đẩy kinh doanh để đảm bảo hoàn thành các kế hoạch đã được ĐHĐCĐ giao, phát triển an toàn, hiệu quả và bền vững.

- Hoạt động giám sát của HĐQT Công ty đối với Ban Tổng Giám đốc được thực hiện đầy đủ theo Quy chế nội bộ về quản trị Công ty. HĐQT luôn theo sát mọi diễn biến hoạt động SXKD của Công ty, đôn đốc, giám sát Ban TGD thực hiện các chủ trương, nghị quyết đã được ĐHĐCĐ, HĐQT thông qua. Năm 2021, hoạt động của Công ty có nhiều khó khăn khách quan tác động. HĐQT đã tập trung chỉ đạo và giám sát Ban TGD đối với các hoạt động cụ thể sau:

- Chuẩn bị các hồ sơ, tờ trình và số liệu phục vụ cho ĐHĐCĐ thường niên năm tài chính 2020 vào ngày 23/4/2021; thực hiện Báo cáo thường niên năm tài chính 2020 (01/01/2020 – 31/12/2020). Kết quả ĐHĐCĐ của Công ty thành công tốt đẹp, Báo cáo thường niên năm tài chính 2020 thực hiện đúng tiến độ thời gian, minh bạch và gửi báo cáo theo đúng quy định.

+ Chỉ đạo và giám sát Ban TGD trong việc thực hiện mục tiêu kép là tập trung cho công tác phòng chống dịch Covid-19 cùng với việc ổn định và phát triển SXKD, đảm bảo việc làm và thu nhập cho người lao động.

+ Chỉ đạo và giám sát TGD thực hiện các công việc theo Nghị quyết của ĐHĐCĐ và HĐQT.

+ Chỉ đạo TGD rà soát và hoàn thiện các quy định nội bộ liên quan đến kinh doanh, quản lý chi phí, việc phân cấp, phân quyền,... nhằm linh hoạt trong kinh doanh, tăng cường công tác phối hợp giữa các bộ phận trong việc triển khai nghị quyết của ĐHĐCĐ và của HĐQT, đề cao tính tuân thủ trong công tác quản lý, điều hành hoạt động của công ty, đảm bảo đúng pháp luật và các quy định nội bộ.

+ Chỉ đạo TGD Công ty quản lý chặt chẽ các lĩnh vực đầu tư, quản lý chi phí và có các biện pháp phòng ngừa để hạn chế rủi ro trong hoạt động SXKD và đầu tư, đặc biệt trong bối cảnh bình thường mới. Thực hiện việc kiểm toán theo đúng quy định.

1.2. Kết quả giám sát:

- Dưới sự chỉ đạo của HĐQT, Ban TGD đã khẩn trương, nghiêm túc xây dựng kế hoạch, triển khai nhiệm vụ cụ thể trong từng giai đoạn và chỉ đạo các đơn vị trực thuộc thực hiện; định kỳ hoặc đột xuất có báo cáo đầy đủ, kịp thời về kết quả thực hiện cho HĐQT.

- Trong quá trình điều hành hoạt động của Công ty, Ban TGD đã tuân thủ theo đúng phân cấp quản trị tại Điều lệ, Quy chế nội bộ về quản trị Công ty, các quy chế, quy định khác của Công ty, nghị quyết của ĐHĐCĐ, HĐQT và đã có nhiều giải pháp điều hành linh hoạt, kịp thời, phù hợp. Kết quả kinh doanh của Công ty ổn định; đáp ứng đầy đủ, kịp thời về nhu cầu nhiên liệu cho lực lượng phòng chống dịch, khách hàng; hoàn thành kế hoạch lợi nhuận sau thuế năm 2021, đảm bảo việc làm và thu nhập cho người lao động; thực hiện nghiêm túc các quy định về công bố thông tin đối với công ty đại chúng.

2. Giám sát hoạt động của các cán bộ quản lý khác trong Công ty

Người quản lý Công ty gồm có TGD, các Phó TGD và Kế toán trưởng.

(Điểm 1, khoản 1, điều 1 của Điều lệ Công ty quy định "Cán bộ quản lý là TGD, Phó TGD, Kế toán trưởng và các vị trí quản lý khác trong Công ty được HĐQT phê chuẩn").

HĐQT thực hiện việc kiểm soát hoạt động của các Phó TGD và Kế toán trưởng thông qua báo cáo của TGD và kết quả thực hiện nhiệm vụ của từng thành viên.

III. CÁC KẾ HOẠCH VÀ ĐỊNH HƯỚNG CỦA HĐQT

1. Dự báo tình hình năm 2022

- Tình hình thế giới, trong nước có những thuận lợi, cơ hội và khó khăn, thách thức đan xen, nhưng khó khăn, thách thức nhiều hơn. Dịch Covid-19 vẫn diễn biến phức tạp, nguy hiểm. Những căng thẳng về chính trị giữa các nước, đặc biệt cuộc xung đột vũ trang giữa Nga-Ukraine làm cho giá cả hàng hóa, đặc biệt giá dầu thế giới biến động khó lường. Thời gian cuối tháng 2/2022 đến tháng 3/2022 giá xăng dầu tăng nhanh (từ 100 USD/thùng lên gần 140 USD/thùng) dẫn đến nguy cơ gia tăng lạm phát trên toàn cầu.

- Biến động của giá xăng dầu thế giới sẽ tác động mạnh đến nền kinh tế và nguồn cung của thị trường xăng dầu nước ta, có những thời điểm nguồn cung xăng dầu từ các doanh nghiệp đầu mối rất hạn chế nên kinh doanh của Công ty có khó khăn. Mặt khác, thù lao xăng dầu giảm mạnh nên hiệu quả kinh doanh Quý I/2022 của Công ty thấp.

- Nghị định 95/2021/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 83/2014/NĐ-CP về kinh doanh xăng dầu có hiệu lực thi hành từ đầu năm 2022. Với quy định 10 ngày điều chỉnh giá 01 lần sẽ gây không ít khó khăn cho công tác quản lý và kinh doanh xăng dầu của Công ty. Ngoài ra, sự đa dạng nguồn hàng với sự cạnh tranh khốc liệt về giá của các doanh nghiệp đầu mối, thương nhân phân phối sẽ ảnh hưởng nhiều đến mảng kinh doanh bán sỉ của Công ty.

- Việc phân luồng giao thông, thi công các công trình hạ tầng (cầu, đường), các dự án cải tạo nâng đường chống ngập, thoát nước, việc cấm xe tải lưu thông trong nội đô vào ban ngày, việc quy định nhập xăng dầu ban đêm,... tiếp tục ảnh hưởng đến kinh doanh các chi nhánh xăng dầu (CNXD).

- Giá đất tăng cao và nhanh, các thủ tục về quản lý đầu tư, xây dựng phức tạp, chồng chéo nên việc tìm kiếm mặt bằng mới để đầu tư phát triển mạng lưới bán lẻ xăng dầu của Công ty gặp nhiều khó khăn.

- Nhiều khoản chi phí tiếp tục tăng cao: tiền thuê cửa hàng xăng dầu, tiền điện, nước; chi phí phòng chống dịch Covid-19; chi phí đầu tư cải tạo, mở rộng mặt bằng CNXD cho phù hợp với quy định pháp luật và đảm bảo hoạt động kinh doanh.

Từ những tác động trên và các dự báo đều cho rằng kinh tế năm 2022 dù có khởi sắc hơn năm 2021 nhưng vẫn sẽ tiếp tục khó khăn. Vì vậy, kế hoạch phát triển SXKD năm 2022 của Công ty cũng được xây dựng dựa trên những đánh giá trên nhằm đảm bảo sự an toàn, ổn định và phát triển bền vững.

2. Định hướng phát triển năm 2022

- Tập trung phát triển mảng kinh doanh nhiên liệu, tìm kiếm mặt bằng để tiếp tục phát triển chi nhánh bán lẻ xăng dầu. Kinh doanh ổn định và hiệu quả, phát triển các hình thức thanh toán không dùng tiền mặt.

- Đánh giá, điều chỉnh, bổ sung những chính sách phát triển kinh doanh, chính sách đối với các dịch vụ kinh doanh phù hợp với quy định pháp luật và tình hình thực tế để thu hút khách hàng.

- Đầu tư, khai thác hiệu quả cơ sở vật chất, kỹ thuật để gia tăng lợi thế cạnh tranh.

- Tiếp tục công tác quy hoạch cán bộ, đào tạo phát triển nguồn nhân lực luôn đáp ứng được các yêu cầu phát triển của Công ty, đáp ứng nhu cầu thay thế và bổ sung cán bộ. Tiếp tục xây dựng phong cách phục vụ chuyên nghiệp, ứng xử văn minh, lịch sự.

- Đảm bảo an toàn vốn.

Phần 5 QUẢN TRỊ CÔNG TY

I. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

1. Thành viên và cơ cấu của Hội đồng Quản trị

HĐQT gồm 5 thành viên kiêm nhiệm

1.1. Lý lịch HĐQT

- Ông Phạm Văn Thoại : Chủ tịch HĐQT
 - Năm sinh : 03/6/1964
 - Trình độ chuyên môn : Kỹ sư Dầu khí
 - Thâm niên trong ngành : 33 năm
 - Năm 1989 : công tác tại Bộ phận Công nghệ Nhà máy Lọc dầu Cát Lái trực thuộc Công ty TNHH MTV Dầu khí Tp.Hồ Chí Minh (Saigon Petro).
 - Năm 1991 : chuyển công tác sang Tổ cơ khí Nhà máy Lọc dầu Cát Lái.
 - Năm 1992 : được bổ nhiệm làm Tổ phó Cấp phát và Kho xăng dầu Cát Lái và sau đó là Tổ trưởng Cấp phát và Kho xăng dầu Cát Lái.
 - Tháng 11/1994 : Phó Giám đốc Nhà máy Lọc dầu Cát Lái phụ trách Bộ phận Cấp phát và Kho xăng dầu Cát Lái.
 - Tháng 12/2004 : Giám đốc Nhà máy Lọc dầu Cát Lái.
 - Tháng 4/2012 : Ủy viên HĐQT COMECO đến tháng 5/2020.
 - Tháng 9/2018 : Phó TGĐ Saigon Petro.
 - Tháng 7/2019 : Chủ tịch Hội đồng Thành viên Saigon Petro.
 - Tháng 12/2021 : Thành viên Hội đồng Thành viên kiêm Tổng giám đốc Saigon Petro đến nay.
 - Tháng 6/2020 : Chủ tịch HĐQT COMECO cho đến nay.
- Ông Lê Văn Bách : Ủy viên HĐQT
 - Năm sinh : 04/6/1975
 - Trình độ chuyên môn : Thạc sỹ QTKD
 - Thâm niên trong ngành : 21 năm
 - 2001 - 2007 : Chuyên viên Kiểm toán nội bộ Công ty Công nghiệp Hóa chất Mỏ - TKV
 - Tháng 01/2008 : Phó Giám đốc phụ trách Kinh doanh Cty PETECHIM Hà Nội
 - Tháng 7/2008 : Chuyên viên Phòng Kinh doanh Chi nhánh Cty CP Hóa dầu Dầu khí Vidamo tại Miền Bắc (Nay là PVOIL Lube Miền Bắc).

- Tháng 01/2011 : Giám đốc Chi nhánh Miền Bắc Công ty cổ phần Dầu nhờn PVOIL (PVOIL Lube).
- Tháng 7/2013 : Phó Giám đốc Công ty PVOIL Lube kiêm Giám đốc Chi nhánh Miền Bắc PVOIL.
- Tháng 7/2018 : Giám đốc PVOIL Lube cho đến nay.
- Tháng 11/2018 : Ủy viên HĐQT COMECO cho đến nay.

▪ **Bà Trần Thị Phương Khanh : Ủy viên HĐQT.**

Năm sinh : 21/9/1973
 Trình độ chuyên môn : Cử nhân Tài chính Kế toán,
 Cử nhân Luật.

Thâm niên trong ngành : 23 năm

- Năm 1995 : Kiểm toán viên Công ty Kiểm toán A&C.
- Năm 1999 : Nhân viên Kế toán Công ty TNHH Một thành viên Dầu khí Tp.Hồ Chí Minh.
- Năm 2001 : Phó phòng Tài chính Kế toán.
- Tháng 4/2012 : Ủy viên BKS COMECO đến tháng 4/2017.
- Tháng 11/2015 : Quyền Kế toán trưởng Saigon Petro.
- Tháng 11/2016 : Kế toán trưởng Saigon Petro cho đến nay.
- Tháng 5/2021 : Ủy viên HĐQT COMECO cho đến nay.

▪ **Ông Lê Văn Nghĩa : Ủy viên HĐQT**

Năm sinh : 05/7/1966
 Trình độ chuyên môn : Cử nhân Kế toán.
 Thâm niên trong ngành : 12 năm

- Tháng 5/1990 : công tác tại Tổng Công ty Xây dựng Đường thủy Việt Nam (Bộ GTVT) với các chức danh Trưởng phòng Tài chính Kế toán (Công ty Công trình Đường thủy Miền Trung) và Trưởng phòng Tài chính Kế toán (Công ty Công trình 86).
- Tháng 10/2000 : chuyển công tác sang Bộ Tài chính và giữ chức vụ Phó Trưởng phòng Thanh tra, sau đó làm Phó Trưởng Thanh tra Bộ Tài chính tại Tp.Hồ Chí Minh.
- Tháng 5/2007 : làm việc tại Công ty Tài chính Cổ phần Dầu khí Việt Nam (Chi nhánh Hồ Chí Minh), phụ trách Phòng Kế hoạch & Tiền Lương, sau đó là Trưởng phòng Thẩm định & Quản lý rủi ro.
- Tháng 9/2010 : làm việc tại Ngân hàng TMCP Đại Dương (Chi nhánh Hồ Chí Minh) với chức danh Phó GD.
- Tháng 02/2011 : công tác tại Tổng Công ty Dầu Việt Nam (PVOIL), giữ chức vụ Phó Trưởng Ban Kiểm soát Nội bộ.

- Tháng 4/2012 : Trưởng BKS COMECO đến tháng 4/2017.
- Tháng 8/2012 : Trưởng Ban Kiểm soát Nội bộ PVOIL.
- Tháng 4/2017 : Chủ tịch HĐQT COMECO.
- Tháng 7/2017 : Thành viên HĐQT PVOIL cho đến nay.
- Tháng 8/2018 : Thành viên HĐQT PVOIL cho đến nay.
- Tháng 6/2020 : Thành viên HĐQT COMECO cho đến nay.

• Ông Lê Tấn Thương : Ủy viên HĐQT - TGD

Năm sinh : 13/11/1971

Trình độ chuyên môn : Thạc sỹ QTKD,
Cử nhân Anh văn,
Cử nhân Ngoại thương.

Thâm niên trong ngành : 29 năm

Thời gian gắn bó với Công ty : 29 năm (làm việc tại Công ty từ 6/1993 đến nay)

- Tháng 6/1993 : nhân viên Tổ Xuất nhập khẩu.
- Tháng 7/1996 : nhân viên Phòng Kế hoạch nhiên liệu.
- Tháng 10/1999 : Phó phòng Kế hoạch nhiên liệu.
- Tháng 10/2000 : Quyền Trưởng phòng Kinh doanh nhiên liệu.
- Tháng 01/2001 : Ủy viên HĐQT và giữ chức vụ Giám đốc Kinh doanh.
- Tháng 10/2010 : Ủy viên HĐQT kiêm Phó TGD
- Tháng 5/2012 : TGD cho đến nay.
- Tháng 4/2017 : Ủy viên HĐQT kiêm TGD cho đến nay.

1.2. Cơ cấu HĐQT

DVTinh: cổ phiếu

SỐ TT	HỌ VÀ TÊN	CHỨC VỤ	CHỨC VỤ TẠI TỔ CHỨC KHÁC	SLCP SỞ HỮU	SLCP ĐẠI DIỆN SỞ HỮU	GHI CHÚ
1	Phạm Văn Thoại	Chủ tịch	Chủ tịch HĐQT Cty TNHH MTV Dầu khí Tp.Hồ Chí Minh	0	3.359.254	
2	Lê Văn Bách	Thành viên	GD Công ty Cp Dầu nhờn PVOIL	0	2.824.200	
3	Trần Thị Phương Khanh	Thành viên	- Kế toán trưởng Cty TNHH MTV Dầu khí Tp.Hồ Chí Minh - Thành viên HĐQT Ngân hàng TMCP Saigon Công Thương	0	2.239.503	
4	Lê Văn Nghĩa	Thành viên	Thành viên HĐQT Tổng Công ty Dầu Việt Nam	10	3.500.816	
5	Lê Tấn Thương	Thành viên		161.370	0	

1.3. Thay đổi thành viên HĐQT: không có

2. Các tiểu ban thuộc HĐQT: chưa thành lập

3. Hoạt động của HĐQT năm 2021

Trong năm 2021 có tổng cộng 41 phiên họp của HĐQT. Các phiên họp của HĐQT đều có sự tham gia đầy đủ, tích cực của các thành viên HĐQT, TGD, Thư ký Công ty và các thành viên BKS.

- Các thành viên HĐQT đã thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn của thành viên HĐQT theo Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty, theo quy định của pháp luật và quy định của Công ty.

- HĐQT đã có sự phân công, phân nhiệm cụ thể đến từng thành viên và duy trì chế độ họp định kỳ để xử lý kịp thời các công việc phát sinh, duy trì hoạt động SXKD ổn định. Đa số các thành viên HĐQT đều quyết tâm và vì lợi ích Công ty trong mọi hoạt động của mình. Nhìn chung, các thành viên HĐQT đã thực hiện tốt các nhiệm vụ theo Bảng phân công nhiệm vụ trong HĐQT.

3.1.1. Các cuộc họp của HĐQT năm 2021

STT	THÀNH VIÊN HĐQT	CHỨC VỤ	NGÀY BẮT ĐẦU LÀ THÀNH VIÊN HĐQT	SỐ BUỔI HỌP THAM DỰ	TỶ LỆ THAM DỰ HỌP (%)	LÝ DO KHÔNG THAM DỰ
Từ 01/01/2021 – 31/12/2021						
1	Ông Phạm Văn Thoại	Chủ tịch	28/4/2012	41/41	100	
2	Ông Lê Văn Bách	Ủy viên	28/11/2018	41/41	100	
3	Bà Trần Thị Phương Khanh	Ủy viên	29/5/2020	41/41	100	
4	Ông Lê Văn Nghĩa	Ủy viên	26/4/2017	41/41	100	
5	Ông Lê Tấn Thương	Ủy viên	26/4/2017	41/41	100	

3.1.2. Các nội dung chính của các cuộc họp HĐQT năm 2021

Năm 2021, Hội đồng Quản trị (HĐQT) Công ty đã tổ chức 41 phiên họp để thông qua các nội dung chính như sau:

SỐ TT	SỐ NGHỊ QUYẾT/ NGÀY	NỘI DUNG
1	01-21/NQ- HĐQT 05/01/2021	<p>1. Thống nhất chọn các ngân hàng để vay vốn theo Tờ trình ngày 28/12/2020 của Tổng Giám đốc Công ty. Mục đích vay: nhằm đảm bảo cung cấp đủ nguồn vốn lưu động cho nhu cầu mua hàng hóa phục vụ hoạt động kinh doanh năm 2021 của Công ty.</p> <p>2. Thông qua toàn bộ nội dung văn bản gửi cho UBND tỉnh Đồng Nai và Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đồng Nai về việc chuyển nhượng quyền sử dụng đất gắn với chuyển nhượng Dự án Tổng kho xăng dầu COMECO tại Nhơn Trạch, Đồng Nai (Đính kèm dự thảo). Ủy quyền cho Chủ tịch HĐQT ký văn bản trên để gửi cho UBND tỉnh Đồng Nai và Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đồng Nai.</p>

2	02-21/NQ- HĐQT 18/01/2021	<p>Thông qua chủ trương cho thuê Tòa nhà COMECO theo Tờ trình ngày 15/01/2021 của TGD Công ty với một số nội dung chủ yếu sau:</p> <p>a) Chấp thuận để Công ty thực hiện việc kinh doanh cho thuê văn phòng Tòa nhà COMECO; trong đó ưu tiên đối tượng khách thuê hoạt động trong lĩnh vực ngân hàng.</p> <p>b) Hình thức thực hiện: đấu giá quyền thuê.</p> <p>- Công ty thuê 03 (ba) đơn vị có chức năng thẩm định giá theo quy định của Bộ Tài Chính để thực hiện thẩm định giá thuê Tòa nhà COMECO và căn cứ vào giá thẩm định cao nhất để làm giá sàn chào thuê (giá sàn – giá khởi điểm).</p> <p>- Công ty thuê tổ chức đấu giá tài sản thực hiện đấu giá cho thuê Tòa nhà COMECO theo quy định của pháp luật.</p> <p>c) Nếu đấu giá thành thì Công ty sẽ ký hợp đồng cho thuê.</p>
3	03-21/NQ- HĐQT 28/01/2021	<p>1. Chấp thuận để TGD Công ty ký gia hạn các hợp đồng hợp tác kinh doanh, cho thuê văn phòng, mặt bằng, kho bãi của Công ty đối với những hợp đồng đã hết hạn ngày 31/12/2020 theo Tờ trình ngày 18/01/2021 của TGD Công ty. Thời hạn gia hạn hiệu lực của hợp đồng đến hết ngày 31/3/2021; các nội dung khác của hợp đồng và phụ lục hợp đồng kèm theo không thay đổi.</p> <p>2. Giao cho TGD chỉ đạo xây dựng phương án cho thuê văn phòng, mặt bằng, kho bãi năm 2021, trình HĐQT phê duyệt để thực hiện.</p>
4	04-21/NQ- HĐQT 29/01/2021	<p>1. Thông qua Báo cáo ước thực hiện SXKD – Tài chính – Đầu tư năm 2020 của Công ty theo các nội dung trong Báo cáo ngày 31/12/2020 của TGD Công ty.</p> <p>2. Tạm thông qua Kế hoạch Tài chính năm 2021 của Công ty với một số chỉ tiêu chính như sau:</p> <p>- Doanh thu : 2.900 tỷ đồng.</p> <p>- Lợi nhuận sau thuế : 35 tỷ đồng.</p> <p>Giao cho TGD triển khai thực hiện các chỉ tiêu trên, sau đó trình ĐHCĐ thường niên năm tài chính 2020 thông qua. Trong quá trình thực hiện nếu có phát sinh thì trình HĐQT để xem xét giải quyết kịp thời.</p>
5	05-21/NQ- HĐQT 02/02/2021	<p>1. Giao TGD dự thảo văn bản để gửi cho tỉnh Đồng Nai tiếp tục xin gia hạn tiến độ sử dụng khu đất dự án Tổng kho xăng dầu COMECO trình HĐQT thông qua. Nếu trước ngày 06/3/2021, Công ty vẫn chưa nhận được văn bản của tỉnh Đồng Nai cho phép COMECO gia hạn tiến độ sử dụng đất thì HĐQT sẽ họp xem xét phương án trả lại quyền sử dụng 20 ha đất dự án Tổng kho xăng dầu COMECO tại Nhơn Trạch, Đồng Nai cho Nhà nước theo Nghị quyết ĐHCĐ bất thường ngày 15/9/2020.</p> <p>2. Thông qua Báo cáo ngày 18/01/2021 của TGD Công ty về kết quả thực hiện Hợp đồng dịch vụ pháp lý với Công ty Việt Kim về thi hành án Hyundai. Đối với nội dung Giấy chứng nhận QSDĐ số AĐ 655670, giao TGD làm việc với Công ty Việt Kim và báo cáo kết quả tư vấn cho HĐQT để xem xét quyết định cách thức giải quyết hiệu quả nhất.</p>
6	06-21/NQ- HĐQT 03/02/2021	<p>Thông qua toàn bộ nội dung văn bản gửi cho UBND tỉnh Đồng Nai và Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đồng Nai về việc xin gia hạn thời gian sử dụng đất Dự án Tổng kho xăng dầu COMECO tại Nhơn Trạch, Đồng Nai (Đính kèm dự thảo văn bản).</p> <p>Ủy quyền cho Chủ tịch HĐQT ký văn bản trên để gửi cho UBND tỉnh Đồng Nai và Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đồng Nai.</p>
7	07-21/NQ- HĐQT 04/02/2021	<p>Đối với các nội dung theo Tờ trình ngày 29/01/2021 của TGD Công ty về việc mua cổ phiếu phát hành thêm của Công ty Cổ phần Thương nghiệp Cà Mau (CMV):</p> <p>- Chấp thuận cho TGD Công ty mua 118.752 cổ phần CMV phát hành thêm (theo tỷ lệ phân bổ quyền mua 2:1), với giá mua 10.000 đồng/ cổ phần theo</p>

		<p>Tờ trình ngày 29/01/2021 của TGD Công ty.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tạm dừng việc thoái vốn tại CMV. Giao TGD tiếp tục xem xét và trình HĐQT việc thoái vốn tại CMV vào thời điểm thích hợp. - Không tham gia quyền mua cổ phần CMV của Tổng Công ty Dầu Việt Nam - PVOIL theo Thư mời quyền mua cổ phiếu ngày 27/01/2021 của Công ty CP chứng khoán Dầu khí vì COMECO có chủ trương thoái vốn tại CMV.
8	08-21/NQ-HĐQT 01/03/2021	<p>1. Thống nhất gửi văn bản xin trả lại quyền sử dụng 20 ha đất Dự án Tổng kho xăng dầu COMECO tại Nhơn Trạch, Đồng Nai cho Nhà nước theo Nghị quyết ĐHĐCĐ bất thường ngày 15/9/2020 (đính kèm Dự thảo văn bản). Uy quyền cho Chủ tịch HĐQT ký văn bản này.</p> <p>2. Giao TGD rà soát lại Quy chế về việc kinh doanh cho thuê mặt bằng, kho bãi, trong đó lưu ý một số nội dung như sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trách nhiệm của HĐQT là phê duyệt phương án cho thuê mặt bằng, kho bãi hàng năm và giao TGD triển khai thực hiện phương án theo Quy chế về việc kinh doanh cho thuê mặt bằng, kho bãi. - Hình thức thực hiện: <ul style="list-style-type: none"> + Những tài sản độc lập, có hồ sơ pháp lý đáp ứng đủ điều kiện cho thuê (Nhà nước giao đất có thu tiền sử dụng đất, cho thuê có thời hạn nhiều năm trả tiền hàng năm), đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất) và có thể cho thuê dài hạn thì Công ty thuê 3 đơn vị có chức năng thẩm định giá theo quy định của Luật giá hiện hành để thẩm định giá thuê và căn cứ vào giá thẩm định cao nhất để làm giá sàn chào thuê (giá sàn – giá khởi điểm); sau đó thuê tổ chức đấu giá cho thuê theo quy định của pháp luật. + Đối với những tài sản còn lại (có thể thuê thẩm định giá được) thì thuê 1 đơn vị thẩm định giá. Hội đồng thẩm định giá cho thuê của Công ty sẽ soát xét kết quả thẩm định giá và trình TGD Công ty phê duyệt để thực hiện niêm yết giá công khai (website Công ty, trụ sở chính của Công ty, nơi có tài sản cho thuê). + Những trường hợp không thể thực hiện thẩm định giá được thì Hội đồng thẩm định giá cho thuê của Công ty chịu trách nhiệm xác định giá niêm yết cho thuê trình TGD phê duyệt. - Hội đồng thẩm định giá cho thuê của Công ty có các nhiệm vụ: <ul style="list-style-type: none"> + Căn cứ vào kết quả thẩm định giá của đơn vị tư vấn để soát xét và trình TGD Công ty phê duyệt giá sàn (để đấu giá) hoặc niêm yết cho thuê. + Nghiên cứu thị trường, xác định giá niêm yết cho thuê, trình TGD phê duyệt đối với những tài sản không thuê tư vấn định giá. + Đề xuất các vấn đề liên quan đến giá thuê, hình thức chào giá cho thuê mặt bằng, kho bãi của Công ty. - Việc phê duyệt giá sàn (để đấu giá) hoặc giá niêm yết cho thuê thuộc thẩm quyền của TGD và thực hiện việc điều chỉnh giá thuê với biên độ theo quy định của pháp luật; HĐQT không phê duyệt đơn giá cho thuê (giá sàn hoặc giá niêm yết cho thuê), chỉ phê duyệt Phương án cho thuê mặt bằng, kho bãi hàng năm. - Những trường hợp đặc biệt khác thì trình HĐQT phê duyệt. <p>Giao cho TGD Công ty chỉ đạo các phòng, ban chức năng có liên quan triển khai thực hiện và trình lại Quy chế này để HĐQT phê duyệt.</p>
		<p>3. Giao TGD rà soát lại phương án cho thuê mặt bằng, kho bãi của Công ty và phân nhóm tài sản cho thuê theo góp ý của các thành viên tại Quy chế về việc kinh doanh cho thuê mặt bằng, kho bãi. Giao cho TGD Công ty chỉ đạo các phòng, ban chức năng có liên quan triển khai thực hiện và trình HĐQT phê duyệt Phương án cho thuê mặt bằng, kho bãi.</p>

4. Thông qua Kế hoạch tổ chức ĐHĐCĐ thường niên năm tài chính 2020 với các nội dung chủ yếu sau:
1. Ngày chốt danh sách cổ đông (ngày đăng ký cuối cùng) là: ngày 23/3/2021.
Mục đích chốt danh sách cổ đông: Để tổ chức ĐHĐCĐ thường niên năm tài chính 2020, dự kiến ngày 23/4/2021.
 2. Thời gian, địa điểm và chương trình ĐHĐCĐ dự kiến:
 - Dự kiến thời gian ĐHĐCĐ thường niên năm tài chính 2020: ngày 23/4/2021.
 - Địa điểm: Tầng 10 Tòa nhà COMECO, số 549 Điện Biên Phủ, P.3, Q.3, Tp.HCM.
 - Chương trình ĐHĐCĐ dự kiến như sau:
 - + Báo cáo tài chính năm 2020 đã được kiểm toán.
 - + Báo cáo của HĐQT đánh giá thực trạng công tác quản lý kinh doanh của Công ty năm 2020.
 - + Phương hướng, kế hoạch SXKD năm 2021.
 - + Báo cáo của Ban Kiểm soát về quản lý Công ty của HĐQT, TGD năm 2020.
 - + Tờ trình về phân phối lợi nhuận.
 - + Tờ trình về thù lao của HĐQT, BKS năm 2021.
 - + Tờ trình lựa chọn đơn vị kiểm toán BCTC năm 2021.
 - + Tờ trình về việc sửa đổi Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty.
 - + Tờ trình về chấp thuận các hợp đồng, giao dịch cung cấp xăng dầu cho Công ty.
 - + Tờ trình về việc sửa đổi Quy chế nội bộ về quản trị Công ty.
 - + Quy chế tổ chức và hoạt động của HĐQT.
 - + Quy chế tổ chức và hoạt động của BKS.
 - + Các vấn đề liên quan khác thuộc thẩm quyền quyết định của ĐHĐCĐ.
5. Đối với phương án tiền lương của COMECO:
- Tạm phê duyệt mức đơn giá tiền lương của Công ty như năm 2020 để TGD Công ty thực hiện chi trả lương cho NLĐ nhằm ổn định hoạt động của Công ty.
 - COMECO không thuộc đối tượng áp dụng Nghị định số 53/2016/NĐ-CP ngày 13/6/2016 của Chính phủ quy định về lao động, tiền lương, thù lao, tiền thưởng đối với công ty có cổ phần, vốn góp chi phối của Nhà nước và Thông tư 28/2016/TT-BLĐTBXH ngày 01/9/2016 của Bộ Lao động Thương binh và Xã hội hướng dẫn thực hiện quy định về lao động, tiền lương, thù lao, tiền thưởng đối với công ty có cổ phần, vốn góp chi phối của nhà nước.
 - Giao TGD chỉ đạo phòng ban chức năng nghiên cứu vận dụng Nghị định số 53/2016/NĐ-CP và Thông tư 28/2016/TT-BLĐTBXH nêu trên để chỉnh sửa lại Quy chế tiền lương cho phù hợp, tiến tiến hơn để tiền lương thực sự là đòn bẩy giúp nâng cao năng suất lao động và ổn định nguồn nhân lực; đồng thời đảm bảo chủ sở hữu Công ty phải chịu trách nhiệm việc chi trả lương cho NLĐ trong mọi điều kiện kinh doanh của Công ty (dù kết quả kinh doanh thuận lợi, khó khăn hay thậm chí không có lợi nhuận) và mức tối thiểu là không thấp hơn mức lương tối thiểu vùng do Nhà nước quy định. Thời hạn hoàn tất việc chỉnh sửa Quy chế tiền lương và trình HĐQT là ngày 29/4/2021.
6. Thông qua một số nội dung sau:
- Thống nhất chuẩn bị các nội dung trên cơ sở văn bản tư vấn của Công ty Luật Nghiêm Chính về hồ sơ tài sản QSDĐ số AD 655670 tại huyện Gia Lâm, TP. Hà Nội để HĐQT làm việc với bà Nguyễn Thị Thanh Thủy – đại diện Công ty TNHH Hyundai Việt Nam nhằm thu được nợ ở mức cao nhất cho Công ty.

		<p>- Thông qua Báo cáo ngày 23/02/2021 của TGD Công ty về tình hình đầu tư tài chính của COMECO tại Công ty CP Vận tải Việt Tín. Giao TGD chỉ đạo người đại diện vốn COMECO tại Việt Tín tiếp tục theo dõi và báo cáo HĐQT kịp thời.</p> <p>- Thông qua báo cáo của TGD về tình hình hoạt động 2 tháng đầu năm 2021 của Công ty.</p>
9	09-21/NQ-HĐQT 23/3/2021	<p>1. Phê duyệt Quy chế về việc kinh doanh cho thuê mặt bằng, kho bãi. Ủy quyền cho Chủ tịch HĐQT ký ban hành Quy chế này.</p> <p>2. Phê duyệt Phương án cho thuê mặt bằng, kho bãi năm 2021 của Công ty theo Tờ trình ngày 16/3/2021 của TGD Công ty. Giao TGD triển khai thực hiện Phương án trên theo Quy chế về việc kinh doanh cho thuê mặt bằng, kho bãi và các quy định của pháp luật có liên quan.</p> <p>3. Chấp thuận để TGD Công ty tiếp tục ký gia hạn các hợp đồng hợp tác kinh doanh, cho thuê văn phòng, mặt bằng, kho bãi của Công ty đối với những hợp đồng đã ký phụ lục gia hạn đến hết ngày 31/3/2021 theo Tờ trình số 06/TTr-HĐQT ngày 18/3/2021 của TGD Công ty. Thời hạn gia hạn hiệu lực của hợp đồng đến hết ngày 31/5/2021; các nội dung khác của hợp đồng và phụ lục hợp đồng đã ký không thay đổi. Lý do: Công ty cần thêm thời gian để triển khai kinh doanh mặt bằng, kho bãi theo Quy chế về việc kinh doanh cho thuê mặt bằng, kho bãi của Công ty và các quy định của pháp luật có liên quan. TGD Công ty có trách nhiệm chỉ đạo, triển khai, tổ chức thực hiện hiệu quả theo quy định của Công ty và các quy định của pháp luật có liên quan.</p> <p>4. Thông qua Tờ trình số 05/TTr-HĐQT ngày 17/3/2021 của TGD Công ty với nội dung chủ yếu như sau: Chấp thuận để TGD Công ty ký hợp đồng mua dầu nhờn với Công ty Cổ phần Dầu nhờn PVOIL theo dự thảo hợp đồng đính kèm.</p>
10	10-21/NQ-HĐQT 25/3/2021	<p>1. Thông qua các văn bản gửi cổ đông mời tham dự ĐHĐCĐ thường niên năm tài chính 2020 và các văn kiện trình ĐHĐCĐ thường niên năm tài chính 2020 như sau:</p> <p>a) Các văn bản gửi cổ đông mời tham dự Đại hội:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chương trình ĐHĐCĐ thường niên năm tài chính 2020. - Thư mời họp ĐHĐCĐ thường niên năm tài chính 2020. - Giấy ủy quyền tham dự ĐHĐCĐ thường niên năm tài chính 2020. - Xác nhận tham dự ĐHĐCĐ thường niên năm tài chính 2020. <p>b) Các văn kiện trình ĐHĐCĐ thường niên năm tài chính 2020:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Báo cáo tài chính đã được kiểm toán năm 2020. - Báo cáo của HĐQT đánh giá thực trạng công tác quản lý kinh doanh của Công ty năm 2020. - Định hướng, kế hoạch SXKD năm 2021. - Báo cáo của Ban kiểm soát về quản lý Công ty của HĐQT, TGD năm 2020. - Tờ trình về phân phối lợi nhuận. - Tờ trình về thù lao của HĐQT, BKS năm 2021. - Tờ trình lựa chọn đơn vị kiểm toán BCTC năm 2021. - Tờ trình về chấp thuận các hợp đồng, giao dịch cung cấp xăng dầu cho Công ty. - Tờ trình về việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty. - Tờ trình về việc sửa đổi, bổ sung Quy chế nội bộ về quản trị Công ty. - Tờ trình về việc phê duyệt Quy chế hoạt động của HĐQT. - Tờ trình về việc phê duyệt Quy chế hoạt động của BKS. <p>Ủy quyền cho Chủ tịch HĐQT ký các văn bản liên quan đến thủ tục tổ chức, các văn kiện trình Đại hội và thư mời cổ đông tham dự ĐHĐCĐ thường niên</p>

		năm tài chính 2020.
		2. Thông qua Báo cáo thường niên năm 2020 (01/01/2020 – 31/12/2020).
11	11-21/NQ-HĐQT 30/3/2021	<p>1. Thông qua phương án Công ty tự thực hiện tháo dỡ, di dời Chi nhánh xăng dầu số 7 để Thành phố thực hiện dự án tuyến tàu điện ngầm số 2 Tp.HCM (Tuyến Bến Thành – Tham Lương) theo Tờ trình số 08/TTr-HĐQT ngày 25/3/2021 của TGD Công ty. Giao TGD thực hiện các công việc sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Gửi công văn cho Ban bồi thường Giải phóng mặt bằng quận Tân Bình về việc thực hiện tháo dỡ, di dời Chi nhánh xăng dầu số 7 theo phương án trên. - Lựa chọn đơn vị thực hiện các nội dung bao gồm: lập hồ sơ tư vấn xác định và thẩm định giá trị tài sản còn lại, chi phí phá dỡ di dời và giá trị vật liệu thu hồi còn lại. <p>2. Thông qua các đề xuất của TGD Công ty theo Tờ trình số 04/TTr-HĐQT ngày 11/3/2021 để thực hiện hồ sơ pháp lý cho một số mặt bằng của Công ty.</p>
12	12-21/NQ-HĐQT 05/4/2021	<p>1. Phê duyệt các nội dung đề Người đại diện vốn của COMECO tại Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Dầu khí Việt Nam (PVOIL Trans) biểu quyết tại ĐHĐCĐ thường niên năm tài chính 2020 của PVOIL Trans theo Tờ trình ngày 02/4/2021 của Người đại diện vốn và TGD Công ty COMECO, gồm các nội dung chủ yếu như sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thông qua Báo cáo tài chính năm 2020 của PVOIL Trans đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Nam Việt. - Thông qua Kế hoạch Sản xuất kinh doanh năm 2021 của PVOIL Trans, gồm các chỉ tiêu chính như sau: + Doanh thu: 104,49 tỷ đồng. + Lợi nhuận sau thuế: 0,45 tỷ đồng. - Thông qua Báo cáo kết quả hoạt động năm 2020 và phương hướng hoạt động năm 2021 của HĐQT PVOIL Trans. - Thông qua Báo cáo kết quả hoạt động của Ban kiểm soát (BKS) năm 2020. - Thông qua phương án phân phối lợi nhuận năm 2020 và kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2021. - Thông qua thù lao Thành viên HĐQT và BKS không chuyên trách năm 2020 và Kế hoạch năm 2021. - Thông qua danh sách đơn vị kiểm toán báo cáo tài chính năm 2021, ủy quyền cho HĐQT triển khai lựa chọn theo đúng quy định hiện hành. - Thông qua Tờ trình sửa đổi Điều lệ công ty. <p>Giao Người đại diện vốn của COMECO tại PVOIL Trans thực hiện biểu quyết “Tán thành” các nội dung trên tại ĐHĐCĐ thường niên năm tài chính 2020 của PVOIL Trans và báo cáo kết quả về Công ty theo quy định.</p> <p>2. Phê duyệt các nội dung đề Người đại diện vốn của COMECO tại Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Sài Gòn (PVOIL Sài Gòn) biểu quyết tại ĐHĐCĐ thường niên năm tài chính 2020 của PVOIL Sài Gòn theo Tờ trình ngày 02/4/2021 của Người đại diện vốn và TGD Công ty COMECO, gồm các nội dung chủ yếu sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thông qua Báo cáo tài chính năm 2020 của PVOIL Sài Gòn đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Phía Nam. - Thông qua báo cáo của HĐQT số 1346/BC-HĐQT ngày 29/3/2021. - Thông qua Báo cáo kết quả hoạt động SXKD năm 2020 và kế hoạch hoạt động SXKD năm 2021 của PVOIL Sài Gòn tại Báo cáo số 1345/TTr-XDSG ngày 29/3/2021, gồm các chỉ tiêu chính như sau: + Doanh thu: 3.231,4 tỷ đồng.

		<p>+ Lợi nhuận trước thuế: 9 tỷ đồng.</p> <p>- Thông qua Báo cáo của Ban kiểm soát (BKS) số 1348/BC-BKS ngày 29/03/2021.</p> <p>- Thông qua phương án phân phối lợi nhuận năm 2020 và kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2021.</p> <p>- Thông qua thù lao HĐQT, BKS.</p> <p>- Thông qua việc lựa chọn đơn vị kiểm toán cho năm tài chính năm 2021.</p> <p>- Thông qua việc chấp thuận cho Công ty thực hiện các hợp đồng, giao dịch mua bán xăng dầu có giá trị lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản Công ty với Tổng công ty Dầu Việt Nam - CTCP (PVOIL) (là cổ đông sở hữu trên 10% tổng số cổ phần phổ thông của Công ty).</p> <p>- Thông qua Điều lệ Công ty cổ phần Xăng dầu Dầu khí Sài Gòn.</p> <p>- Thông qua việc bầu thành viên HĐQT, BKS nhiệm kỳ 2021 – 2026.</p> <p>Giao Người đại diện vốn của COMECO tại PVOIL Sài Gòn thực hiện biểu quyết “Tán thành” các nội dung trên tại ĐHCĐ thường niên năm tài chính 2020 của PVOIL Sài Gòn và báo cáo kết quả về Công ty theo quy định.</p>
13	13-21/NQ-HĐQT 11/5/2021	<p>1. Chấp thuận miễn tiền thuê thêm 30 ngày cho Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Bình Tây Sài Gòn (BIDV Bình Tây Sài Gòn) với số tiền là: $505.270 \text{ đồng/m}^2/\text{tháng} \times 1.394,65\text{m}^2 = 704.674.806$ đồng theo Tờ trình số 20/TTr-HĐQT ngày 07/5/2021 của Ban điều hành Công ty về việc hỗ trợ miễn giảm tiền thuê tầng trệt, 1, 2, 3, 4 và 5 Tòa nhà COMECO. Thời gian miễn tiền thuê từ ngày 09/6/2021 đến 08/7/2021.</p> <p>Lý do:</p> <p>- BIDV Bình Tây Sài Gòn cần thêm thời gian để thực hiện các thủ tục trình phê duyệt thiết kế và hoàn thiện hồ sơ cải tạo, sửa chữa mặt bằng.</p> <p>- Tòa nhà COMECO được đưa vào hoạt động và khai thác cho thuê đến nay đã 10 năm, các hạng mục bên trong diện tích cho thuê đã cũ. Do đặc thù hoạt động trong lĩnh vực ngân hàng nên việc BIDV Bình Tây Sài Gòn phải thiết kế và cải tạo lại mặt bằng theo bản sắc riêng của BIDV. Các hạng mục đầu tư sửa chữa nhiều nên trong tình hình dịch Covid-19 diễn biến phức tạp như hiện nay sẽ mất nhiều thời gian để thực hiện.</p> <p>2. Thông qua Tờ trình số 21/TTr-HĐQT ngày 07/5/2021 về xem xét xử lý các tồn đọng công trình thi công hàng rào Dự án Tổng kho xăng dầu COMECO, tại xã Phú Đông và xã Phước Khánh, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai.</p>
14	14-21/NQ-HĐQT 24/5/2021	<p>1. Thông qua Tờ trình số 22/TTr-HĐQT ngày 18/5/2021 của Ban điều hành v/v đề xuất tăng hạn mức giao dịch cho khách hàng PVOIL Sài Gòn, với nội dung chủ yếu như sau: Chấp thuận tăng hạn mức công nợ cho tất cả các khách hàng của PVOIL Sài Gòn tham gia chương trình PVOIL Easy tối đa không vượt quá 2 tỷ đồng.</p> <p>2. Thông qua đề xuất của Ban điều hành về việc tạm ngưng hoạt động 2 CNXD số 18 và số 32 trong thời gian chờ chỉ đạo của UBND Thành phố theo Báo cáo ngày 20/5/2021 của Ban điều hành Công ty về tình hình hoạt động của CNXD số 18 và số 32.</p> <p>Giao TGD gửi văn bản đến Sở Công Thương xin phép kéo dài thời gian hoạt động của 2 CNXD trên đến ngày 30/6/2021 để Công ty thu xếp các công việc cần xử lý như: giải quyết hàng tồn kho, công nợ với khách hàng, sắp xếp lao động, làm việc với khách hàng để thuyết phục khách hàng sang CNXD khác của Công ty (trường hợp khách hàng không đồng ý thì thông báo để khách hàng tìm nhà cung cấp khác) và thực hiện các thủ tục có liên quan.</p>
15	15-21/NQ-HĐQT 14/6/2021	<p>1. Thống nhất phương án biểu quyết “Tán thành” đối với nội dung liên quan đến thay đổi nhân sự theo Phiếu lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản ngày 04/6/2021 của Tổng Công ty Thương mại Kỹ thuật và Đầu tư - CTCP (PETEC), cụ thể như sau: - Miễn nhiệm chức danh thành viên HĐQT Tổng Công ty Thương mại Kỹ</p>

		<p>thuật và Đầu tư - CTCP (PETEC) đối với ông Đỗ Hoàng Phúc.</p> <p>- Bầu bổ sung ông Nguyễn Tuấn Tú làm thành viên HĐQT Tổng Công ty Thương mại Kỹ thuật và Đầu tư - CTCP (PETEC).</p> <p>2. Thống nhất tạm ngưng hoạt động CNXD số 18 (số 42-44 Võ Thị Sáu, P. Tân Định, Q.1, Tp.HCM) từ ngày 30/6/2021 đến ngày 30/8/2021 và CNXD 32 (209 Lý Thường Kiệt, P.7, Q.11, Tp.HCM) từ ngày 21/6/2021 đến ngày 21/8/2021 trong thời gian chờ ý kiến chỉ đạo của UBND TP.</p>
16	16-21/NQ-HĐQT 22/6/2021	<p>Thống nhất chọn Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán phía Nam (AASCS) thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính 6 tháng và năm 2021 của Công ty.</p> <p>Chi phí dự kiến: không cao hơn 150.000.000 đồng (chưa bao gồm VAT).</p>
17	17-21/NQ-HĐQT 01/7/2021	<p>1. Thông qua Tờ trình số 25/TTr-HĐQT ngày 30/6/2021 của Ban điều hành Công ty về việc hỗ trợ miễn, giảm tiền thuê mặt bằng, kho bãi cho khách hàng do ảnh hưởng dịch Covid-19 với một số nội dung chủ yếu sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đối với các mặt bằng phải tạm ngưng kinh doanh theo Chỉ thị 15, 16 của Thủ tướng Chính phủ và Chỉ thị 10 của UBND TP.HCM để phòng chống dịch Covid-19: miễn 50% tiền thuê cho khách hàng trong tháng 6/2021 và tháng 7/2021 (mỗi tháng giảm 50%). - Đối với mặt bằng Kho Thủ Đức: giảm 15% tiền thuê kho cho khách hàng trong 6 tháng cuối năm 2021 (chỉ xét giảm đối với các khách hàng có văn bản gửi Công ty đề nghị hỗ trợ). - Đối với mặt bằng tầng trệt, 1, 2, 3, 4 và 5 Tòa nhà COMECO (Ngân hàng BIDV thuê, đang trong thời gian cải tạo sửa chữa): miễn tiền thuê thêm 30 ngày (từ ngày 09/7/2021 đến 07/8/2021) để hỗ trợ khách hàng trong thời gian cải tạo sửa chữa bị kéo dài do ảnh hưởng của dịch Covid-19.
18	18-21/NQ-HĐQT 22/7/2021	<p>1. Thống nhất cử bà Trần Thị Hồng Lĩnh, Trợ lý TGD tạm thời làm Thư ký Công ty thay thế cho bà Nguyễn Cát Phương Yên trong thời gian bà Yên cách ly điều trị bệnh do nhiễm virus Covid-19.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thời gian: kể từ ngày 22/7/2021 cho đến khi bà Yên điều trị xong và hoàn thành việc cách ly theo quy định của cơ quan chức năng. - Thù lao cho chức danh Thư ký Công ty: 2.500.000 đồng/tháng.
19	19-21/NQ-HĐQT 21/7/2021	<p>1. Thống nhất việc khoan nợ, cách tính tiền lãi phát sinh, thời hạn trả nợ, tiếp tục bán xăng dầu cho Công ty TNHH Một thành viên Môi trường Đô thị và các nội dung khác theo Tờ trình số: 28/TTr-HĐQT ngày 21/7/2021 của Ban Điều hành Công ty.</p> <p>Việc khoan nợ, tính tiền lãi phát sinh, quy định thời hạn trả nợ và tiếp tục bán xăng dầu cho Công ty TNHH Một thành viên Môi trường Đô thị phải được lập thành Phụ lục hợp đồng, có sự ký kết của hai bên để bổ sung kèm theo Hợp đồng mua bán hàng hóa số 01MTĐT-NL2021 ngày 24 tháng 02 năm 2021 đã ký giữa Công ty COMECO và Công ty TNHH Một thành viên Môi trường đô thị.</p>
20	20-21/NQ-HĐQT 28/7/2021	<p>Thống nhất tăng hạn mức nợ cho Công ty Cổ phần Thương mại XNK Thủ Đức và các nội dung liên quan theo Tờ trình số: 30/TTr-HĐQT ngày 27/7/2021 của Ban Điều hành Công ty.</p>
21	21-21/NQ-HĐQT 30/7/2021	<p>Thống nhất đề người đại diện phần vốn của COMECO tại Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Việt Nam (PVOIL Trans) biểu quyết không tán thành vào Phiếu lấy ý kiến của HĐQT PVOIL Trans về nội dung "Thông qua dự án đầu tư Sà lan dung tích 500 m³ (± 10%) và các nội dung liên quan theo Tờ trình số: 31/TTr-HĐQT ngày 27/7/2021 của Ban Điều hành Công ty.</p>
22	22-21/NQ-HĐQT 11/8/2021	<p>1. Thống nhất tạm ngưng hoạt động Chi nhánh xăng dầu số 32, tại địa chỉ số 209 Lý Thường Kiệt, Phường 7, Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh từ ngày 22/8/2021 đến ngày 30/8/2021 để thực hiện các thủ tục chuẩn bị cho giải thể Chi nhánh.</p>

		<p>2. Thống nhất giải thể hai Chi nhánh xăng dầu sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chi nhánh xăng dầu số 18, tại địa chỉ số 42-44 Võ Thị Sáu, phường Tân Định, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh. Thời gian giải thể kể từ ngày: 31/8/2021. Lý do: Chấm dứt Hợp đồng hợp tác kinh doanh. - Chi nhánh xăng dầu số 32, tại địa chỉ số 209 Lý Thường Kiệt, Phường 7, Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh. Thời gian giải thể kể từ ngày: 31/8/2021. Lý do: Chấm dứt Hợp đồng hợp tác kinh doanh
23	23-21/NQ-HĐQT 19/8/2021	<p>Thống nhất đề người đại diện phần vốn của COMECO tại Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Việt Nam (PVOILTrans) biểu quyết không tán thành vào Phiếu lấy ý kiến của HĐQT PVOILTrans về nội dung “Thông qua Phương án đầu tư Sà lan dung tích 750 m³ (± 5%) và các nội dung liên quan theo Tờ trình số: 33/TTr-HĐQT ngày 17/8/2021 của Ban Điều hành Công ty.</p>
24	24-21/NQ-HĐQT 17/9/2021	<p>1. Thống nhất thông qua nội dung Tờ trình số 34/TTr-HĐQT ngày 15/9/2021 của Ban điều hành Công ty về việc tiếp tục hỗ trợ miễn, giảm tiền thuê mặt bằng, kho bãi cho khách hàng do ảnh hưởng dịch Covid-19 với các nội dung chủ yếu sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đối với các mặt bằng phải tạm ngưng kinh doanh theo Chỉ thị 16 của Thủ tướng Chính phủ để phòng chống dịch Covid-19: miễn giảm 50% tiền thuê theo hợp đồng cho khách hàng trong tháng 8/2021 và tháng 9/2021 (mỗi tháng giảm 50%). - Đối với mặt bằng Kho Thủ Đức đã được hỗ trợ miễn giảm 15% tiền thuê trong 6 tháng cuối năm 2021: miễn giảm thêm 15% tiền thuê kho theo hợp đồng cho khách hàng trong tháng 8/2021 và tháng 9/2021 (chỉ xét giảm đối với các khách hàng có văn bản gửi Công ty đề nghị hỗ trợ). - Đối với mặt bằng tầng trệt, 1, 2, 3, 4 và 5 Tòa nhà COMECO (Ngân hàng BIDV thuê, đang trong thời gian cải tạo sửa chữa): miễn tiền thuê thêm 24 ngày (từ 08/8/2021 đến 31/8/2021) để hỗ trợ khách hàng trong thời gian cải tạo sửa chữa bị kéo dài do ảnh hưởng của dịch Covid-19. - Đối với các mặt bằng còn lại chưa được xem xét hỗ trợ miễn giảm trong tháng 6/2021 và 7/2021 do khách hàng chưa gửi văn bản đề nghị miễn giảm: miễn giảm 50% tiền thuê trong tháng 8/2021 và tháng 9/2021 (chỉ xét giảm đối với các khách hàng có văn bản gửi Công ty đề nghị hỗ trợ).
25	25-21/NQ-HĐQT 06/10/2021	<p>1. Thống nhất thông qua nội dung Tờ trình số 37/TTr-HĐQT ngày 02/10/2021 của Ban điều hành Công ty về việc tiếp tục hỗ trợ miễn, giảm tiền thuê mặt bằng, kho bãi cho khách hàng do ảnh hưởng dịch Covid-19 (lần 3) với các nội dung chủ yếu sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đối với mặt bằng kinh doanh nhà hàng, dịch vụ ăn uống: miễn giảm 30% tiền thuê theo hợp đồng trong 03 tháng cuối năm 2021 (chỉ xét giảm đối với các khách hàng có văn bản gửi Công ty đề nghị hỗ trợ). - Đối với các mặt bằng còn lại: miễn giảm 15% tiền thuê theo hợp đồng trong 03 tháng cuối năm 2021 (chỉ xét giảm đối với các khách hàng có văn bản gửi Công ty đề nghị hỗ trợ). - Riêng đối với Ngân hàng BIDV thuê tầng trệt, 1, 2, 3, 4 và 5 Tòa nhà COMECO: Công ty không tiếp tục hỗ trợ miễn giảm do hiện nay khách hàng đã có thể tiếp tục thực hiện công tác cải tạo sửa chữa mặt bằng để đi vào hoạt động.
26	26-21/NQ-HĐQT 06/10/2021	<p>Thống nhất đề người đại diện phần vốn của COMECO tại Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Việt Nam (PVOIL Trans) biểu quyết tán thành vào Phiếu lấy ý kiến của Hội đồng quản trị PVOIL Trans về nội dung: Thanh lý sà lan PVOIL TRANS 05 và các nội dung liên quan theo Tờ trình số: 36/TTr-HĐQT ngày 01/10/2021 của Ban Điều hành Công ty.</p>

27	27-21/NQ-HĐQT 12/10/2021	<ol style="list-style-type: none"> 1. Thống nhất thông qua Quy chế Quản trị tài chính và Quy chế Người đại diện vốn của Công ty Cổ phần Vật tư – Xăng dầu (COMECO). 2. Thống nhất nội dung Báo cáo của TGD về tình hình SXKD 9 tháng đầu năm 2021 và định hướng hoạt động trong những tháng tiếp theo của năm 2021. 3. Thống nhất tạm dừng việc xem xét và thông qua Quy chế tiền lương, thưởng (sửa đổi, bổ sung); tiếp tục áp dụng Quy chế tiền lương, thưởng hiện hành để thực hiện các chế độ cho người lao động của Công ty. 4. Thống nhất cử bà Trần Thị Hồng Lĩnh, Trợ lý TGD tiếp tục làm Thư ký Công ty thay thế cho bà Nguyễn Cát Phương Yên đến khi có nghị quyết thay thế. 5. Thống nhất thông qua Tờ trình số 38/TTr-HĐQT ngày 11/10/2021 của Ban điều hành Công ty về việc hỗ trợ miễn giảm tiền thuê nhà 85 Nguyễn Cư Trinh, Quận 1 và mặt bằng Tầng 6 Tòa nhà văn phòng COMECO: <ul style="list-style-type: none"> - Đối với mặt bằng 85 Nguyễn Cư Trinh, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh: giảm thêm 27% tiền thuê theo hợp đồng trong 03 tháng cuối năm 2021. Như vậy, tổng mức giảm cho khách hàng trong 03 tháng cuối năm 2021 sẽ là 57% tiền thuê (mỗi tháng giảm 57%). - Đối với mặt bằng tầng 6 Tòa nhà COMECO: giảm 40% tiền thuê theo hợp đồng từ tháng 6/2021 đến tháng 9/2021 (mỗi tháng giảm 40%).
28	28-21/NQ-HĐQT 15/10/2021	<p>Thống nhất giảm thêm tiền thuê cho khách hàng thuê vị trí lắp đặt màn hình LCD và Digital frame tại Tòa nhà COMECO là 35% tiền thuê theo hợp đồng trong 03 (ba) tháng cuối năm 2021; như vậy, tổng mức giảm cho khách hàng trong vòng 03 tháng cuối năm 2021 là 50% tiền thuê/tháng (mỗi tháng giảm 50%) theo nội dung Tờ trình số 39/TTr-HĐQT ngày 14/10/2021 của Ban điều hành Công ty.</p>
29	29-21/NQ-HĐQT 19/10/2021	<p>Thống nhất cho Bà Nguyễn Thị Hoàng Yên, sinh năm 1956, CCCD số 079156002531, địa chỉ thường trú tại 571/9 Cách mạng Tháng 8, Phường 15, Quận 10 thuê mặt bằng tại CNXD số 9 của Công ty để kinh doanh dịch vụ rửa xe theo nội dung Tờ trình số 40/TTr-HĐQT ngày 18/10/2021 của Ban điều hành Công ty. Đồng thời, COMECO hỗ trợ giảm 15% tiền thuê cho khách hàng kể từ ngày ký hợp đồng đến 31/12/2021 để hỗ trợ khách hàng trong giai đoạn đầu hoạt động còn nhiều khó khăn do ảnh hưởng của dịch Covid-19.</p>
30	30-21/NQ-HĐQT 02/11/2021	<p>Thống nhất Nộp lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AP 343148 do Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai cấp cho Công ty Cổ phần Vật tư - Xăng dầu (COMECO) ngày 08/12/2009 và giao cho Ban Điều hành phát hành văn bản gửi UBND, Sở Tài Nguyên và Môi trường, Sở Tài chính tỉnh Đồng Nai đề nghị hướng dẫn thực hiện đối với nội dung trả lại cho COMECO giá trị tài sản gắn liền với đất, các chi phí đã tạo lập trên đất theo nội dung Tờ trình số 43/TTr-HĐQT ngày 30/10/2021 của Ban điều hành và nội dung Dự thảo công văn đính kèm Tờ trình này.</p>
31	31-21/NQ-HĐQT 05/11/2021	<ol style="list-style-type: none"> 1. Thống nhất cho Bà Nguyễn Thị Tuyết Hạnh, sinh năm 1983, CMND số 025959201, địa chỉ thường trú: 48/9H Tân Hóa, P1, Q11 thuê mặt bằng tại CNXD số 15 của Công ty để kinh doanh dịch vụ rửa xe theo nội dung Tờ trình số 44/TTr-HĐQT ngày 04/11/2021 của Ban điều hành. Đồng thời, COMECO hỗ trợ giảm 15% tiền thuê cho khách hàng kể từ ngày ký hợp đồng đến 31/12/2021 để hỗ trợ khách hàng trong giai đoạn đầu hoạt động còn nhiều khó khăn do ảnh hưởng của dịch Covid-19. 2. Thống nhất cho Hợp tác xã Vận tải Du lịch Số 8, Giấy chứng nhận đăng ký Hợp tác xã số: 410807000020 do UBND Quận 8, TP. Hồ Chí Minh cấp ngày 10/10/2017. Địa chỉ trụ sở chính: 43K1/5 Bình Đông, P14, Q8 thuê mặt bằng số 1400 Võ Văn Kiệt, Phường 1, Quận 6 của Công ty để làm Văn phòng điều hành vận chuyển hàng hóa và hành khách theo nội dung Tờ

		trình số 44/TTr-HĐQT ngày 04/11/2021 của Ban điều hành Công ty. Đồng thời, COMECO hỗ trợ giảm 15% tiền thuê cho khách hàng kể từ ngày ký hợp đồng đến 31/12/2021 để hỗ trợ khách hàng trong giai đoạn đầu hoạt động còn nhiều khó khăn do ảnh hưởng của dịch Covid-19.
32	32-21/NQ-HĐQT 22/11/2021	1. Thống nhất thông qua chủ trương thành lập Bộ phận kiểm toán nội bộ của Công ty. 2. Thống nhất thông qua nội dung giải trình, phương án khắc phục việc Công ty chưa thực hiện kiểm toán nội bộ và chưa có Thành viên HĐQT độc lập theo nội dung Tờ trình số 46/TTr-HĐQT ngày 18/11/2021 của Ban điều hành và Văn bản dự thảo gửi Sở Giao dịch chứng khoán TP. Hồ Chí Minh - giải trình về thực hiện quy định quản trị Công ty năm 2021.
33	33-21/NQ-HĐQT 23/11/2021	1. Thống nhất thông qua Quy chế kinh doanh cho thuê văn phòng, kho bãi của Công ty theo nội dung Tờ trình số 45/TTr-HĐQT ngày 16/11/2021 của Ban Điều hành về việc ban hành Quy chế kinh doanh cho thuê văn phòng, kho bãi và nội dung dự thảo Quy chế.
34	34-21/NQ-HĐQT 29/11/2021	1. Thống nhất biểu quyết Tán thành vào Phiếu lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản ngày 17/11/2021 của Tổng Công ty Thương mại, Kỹ thuật và Đầu tư – CTCP (PETEC) về việc Miễn nhiệm chức danh thành viên Hội đồng quản trị Tổng Công ty PETEC đối với ông Nguyễn Kim Sơn, theo nội dung Tờ trình số: 49/TTr-HĐQT ngày 26/11/2021 của Ban Điều hành Công ty. Giao cho Tổng Giám đốc – người đại diện theo pháp luật của Công ty COMECO chỉ đạo triển khai thực hiện và ký xác nhận của cổ đông COMECO vào Phiếu biểu quyết.
35	35-21/NQ-HĐQT 02/12/2021	1. Thống nhất phê duyệt đơn giá tiền lương của Công ty năm 2021 tối đa là 678 đồng/1.000 đồng thu nhập tính lương và các nội dung khác tại Tờ trình số 51/TTr-HĐQT ngày 29/11/2021 của Ban Điều hành Công ty. Thu nhập tính lương = Tổng doanh thu – Tổng chi phí (không bao gồm tiền lương, các khoản thu và chi phí bất thường khác).
36	36-21/NQ-HĐQT 07/12/2021	1. Thống nhất chấm dứt hoạt động kinh doanh, giải thể hai Chi nhánh xăng dầu (CNXD) sau: - Chi nhánh xăng dầu số 18, tại địa chỉ số 42- 44 Võ Thị Sáu, phường Tân Định, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh. + Thời gian giải thể kể từ ngày: 15/12/2021. + Lý do: Chấm dứt Hợp đồng hợp tác kinh doanh. - Chi nhánh xăng dầu số 32, tại địa chỉ số 209 Lý Thường Kiệt, Phường 7, Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh. + Thời gian giải thể kể từ ngày: 15/12/2021. + Lý do: Chấm dứt Hợp đồng hợp tác kinh doanh. Số lao động của hai CNXD trên, được Công ty sắp xếp, điều động và tiếp tục làm việc tại các chi nhánh xăng dầu khác trực thuộc Công ty.
37	37-21/NQ-HĐQT 08/12/2021	1. Thống nhất phê duyệt Phương án cho thuê văn phòng, kho bãi của Công ty năm 2022 theo nội dung Tờ trình số 50/TTr-HĐQT ngày 29/11/2021 của Ban Điều hành và Dự thảo Phương án. Giao cho Tổng Giám đốc Công ty chỉ đạo triển khai thực hiện Phương án trên theo Quy chế về việc kinh doanh cho thuê văn phòng, kho bãi của Công ty và các quy định của pháp luật có liên quan.
38	38-21/NQ-HĐQT 09/12/2021	1. Thống nhất thông qua nội dung Báo cáo số 53/BC-HĐQT ngày 06/12/2021 của Ban Điều hành về việc đánh giá một số chỉ tiêu tài chính của các công ty chưa niêm yết 6 tháng đầu năm 2021 và Báo cáo số 54/BC-HĐQT ngày 06/12/2021 của Ban Điều hành về việc đánh giá một số chỉ tiêu tài chính của các công ty niêm yết 6 tháng đầu năm 2021.
39	39-21/NQ-HĐQT	1. Thống nhất thông qua nội dung Báo cáo số: 57/BC-HĐQT ngày 14/12/2021 của Tổng Giám đốc Công ty về kết quả thẩm định Thiết kế chi tiết và dự

	20/12/2021	2. toán Dự án phần mềm quản lý tổng thể COMECOERP. Phê duyệt Thiết kế chi tiết và dự toán Dự án phần mềm quản lý tổng thể COMECOERP theo nội dung Hồ sơ thiết kế Dự án - lập dự toán (Mã hồ sơ số: HS003/21.BC/COMECOERP.ALG) do đơn vị tư vấn Công ty Cổ phần Anh Lê Gia lập ngày 20/8/2021. trong đó có các nội dung chủ yếu theo Tờ trình số 56/TTr-HĐQT ngày 14/12/2021 của Ban Điều hành.
40	40-21/NQ-HĐQT 21/12/2021	1. Thống nhất chủ trương COMECO tham gia báo giá cạnh tranh để thuê quyền khai thác dịch vụ kinh doanh xăng, dầu tại Trạm nhiên liệu Công 1 Bến xe Miền Đông của Công ty TNHH Một thành viên Bến xe Miền Đông theo nội dung Tờ trình số: 58/TTr-HĐQT ngày 17/12/2021 của Tổng Giám đốc Công ty. Đồng thời, ủy quyền cho TGD Công ty chủ động và quyết định xây dựng Phương án kinh doanh trong điều kiện kinh doanh bình thường, trong đó giá dự thầu phải đảm bảo hiệu quả kinh doanh chung (nếu trúng thầu), không để kinh doanh bị lỗ và thực hiện hồ sơ dự thầu theo các tiêu chí và điều kiện của bên mời thầu.
41	41-21/NQ-HĐQT 29/12/2021	1. Thống nhất chuyển nhượng (bán) theo lô toàn bộ 1.000.000 (một triệu) cổ phần tại Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Dầu Khí Việt Nam (PVOIL Trans) mà Công ty Cổ phần Vật tư – Xăng dầu (COMECO) đang sở hữu theo nội dung Tờ trình số: 59/TTr-HĐQT ngày 23/12/2021 của Ban Điều hành Công ty COMECO. 2. Giao cho Tổng Giám đốc xây dựng Phương án chuyển nhượng số cổ phần trên và xây dựng Quy chế bán đấu giá cổ phần, trình Hội đồng quản trị Công ty phê duyệt. 3. Ủy quyền cho Tổng Giám đốc lựa chọn các đơn vị có chức năng để thuê thẩm định giá, tư vấn đấu giá, thực hiện đấu giá cổ phần theo lô: 1.000.000 cổ phần (một lô) và thực hiện các công việc khác liên quan đến nội dung chuyển nhượng cổ phiếu của COMECO tại Công ty PVOIL Trans đảm bảo nguyên tắc công khai, minh bạch; trình tự, thủ tục chuyển nhượng phải tuân thủ đúng quy định của pháp luật. Đồng thời, chỉ đạo các phòng, ban chức năng có liên quan triển khai thực hiện.

4. Hoạt động của thành viên Hội đồng Quản trị độc lập: Không có

5. Số lượng thành viên HĐQT, BKS, Ban TGD đã có chứng chỉ đào tạo về quản trị Công ty: chưa có

II. BAN KIỂM SOÁT

1. Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát

BKS gồm 3 người đều là thành viên độc lập không điều hành

1.1. Lý lịch BKS

▪ Ông Nguyễn Đức Linh : Trưởng BKS

Năm sinh : 10/10/1975

Trình độ chuyên môn : Thạc sỹ Kinh tế

Thâm niên trong ngành : 23 năm

- Tháng 8/1999 : Chuyên viên Phòng Tài chính – Kế toán tại Tổng Công ty Thương mại Kỹ thuật và Đầu tư Petec.

- Tháng 11/2007 : Phó Phòng Tài chính – Kế toán (Petec)

- Tháng 6/2011 : Trưởng văn phòng HĐQT (Petec)

- Tháng 6/2012 : Trưởng ban kiểm soát nội bộ (Petec)
- Tháng 8/2013 : Phó Trưởng ban kiểm soát nội bộ tại Tổng Công ty Dầu Việt Nam (PVOIL).
- Tháng 4/2017 : Trưởng BKS COMECO cho đến nay.
- Tháng 11/2020 : Trưởng ban kiểm soát nội bộ tại Tổng Công ty Dầu Việt Nam (PVOIL) cho đến nay.

▪ Bà Ngô Phương Hạnh : Ủy viên BKS

Năm sinh : 28/04/1974

Trình độ chuyên môn : Cử nhân Kinh tế

Thâm niên trong ngành : 25 năm

- Tháng 11/1997 : Nhân viên Kế toán tại Công ty TNHH Một thành viên Dầu khí Tp.Hồ Chí Minh (Saigon Petro).
- Tháng 6/2016 : Tổ trưởng Tổ Tổng hợp Phòng Tài chính Kế toán Công ty TNHH Một thành viên Dầu khí Tp.Hồ Chí Minh (Saigon Petro).
- Tháng 11/2018 : Phó phòng Tài chính – Kế toán Saigon Petro cho đến nay.
- Tháng 3/2018 : Thành viên BKS Công ty CP Kinh doanh Tổng hợp Ninh Thuận cho đến nay.
- Tháng 4/2019 : Ủy viên BKS COMECO cho đến nay.

▪ Ông Bùi Huy Thắng : Ủy viên BKS.

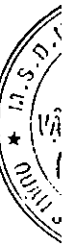
Năm sinh : 14/6/1990

Trình độ chuyên môn : Thạc sỹ Quản trị Kinh doanh

Thâm niên trong ngành : 10 năm

Thời gian gắn bó với Công ty : 10 năm (làm việc tại Công ty từ 8/2012 đến nay)

- Tháng 5/2012 : Nhân viên Phòng Kinh tế - Tài chính tại Công ty Cổ phần Vật tư – Xăng dầu (COMECO)
- Tháng 01/2019 : Nhân viên Phòng Kinh doanh COMECO cho đến nay
- Tháng 5/2016 : Trưởng BKS Công ty Cổ phần Vận tải Việt Tín cho đến nay.
- Tháng 4/2019 : Ủy viên BKS Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Dầu khí Việt Nam (PVOIL Trans) cho đến nay.
- Tháng 4/2019 : Ủy viên BKS COMECO cho đến nay.



1.2. Cơ cấu BKS

ĐVTính: cổ phiếu

SỐ TT	HỌ VÀ TÊN	CHỨC VỤ	CHỨC VỤ TẠI TỔ CHỨC KHÁC	SLCP SỞ HỮU	SLCP ĐẠI DIỆN SỞ HỮU
1	Nguyễn Đức Linh	Trưởng ban	Trưởng Ban KS nội bộ Tổng công ty Dầu Việt Nam (PVOIL)	0	0
2	Ngô Phương Hạnh	Ủy viên	- Phó phòng Tài chính Kế toán Cty TNHH MTV Dầu khí Tp.HCM (Saigon Petro) - Thành viên BKS Công ty CP Kinh doanh Tổng hợp Ninh Thuận	0	0
3	Bùi Huy Thắng	Ủy viên	- Trưởng BKS Công ty Cp Vận tải Việt Tín - Ủy viên BKS PVOIL Trans	0	0
TỔNG CỘNG				0	0

1.3. Thay đổi thành viên BKS: không có

2. Hoạt động của BKS

Năm 2021, BKS đã tiến hành thực hiện các công việc sau:

- Kiểm tra việc thực hiện các Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm tài chính 2020.

- Kiểm tra, giám sát việc Công ty thực hiện các kiến nghị của BKS trong năm tài chính 2021.

- Kiểm tra, giám sát việc tuân thủ các quy định của pháp luật có liên quan đến hoạt động của Công ty; việc chấp hành các quy chế, quy định nội bộ hiện hành do Hội đồng quản trị (HĐQT) và Tổng giám đốc Công ty ban hành.

- Hàng quý, thẩm tra lại báo cáo tài chính của Công ty; đánh giá tình hình thực hiện kế hoạch SXKD năm 2021 đã được ĐHĐCĐ thông qua.

- Thẩm tra báo cáo tài chính bán niên và cả năm tài chính 2021 của Công ty, kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh, cũng như xem xét việc thực hiện các chủ trương ĐHĐCĐ và HĐQT, tình hình thực hiện kế hoạch của Công ty đã được ĐHĐCĐ giao.

- Kiểm tra việc thực hiện và quản lý công nợ bán hàng.

- Thực hiện đầy đủ các cuộc họp BKS (5/5 cuộc họp), thay đổi từ hình thức họp trực tiếp sang trực tuyến do ảnh hưởng của dịch bệnh Covid-19 nhưng vẫn đảm bảo công tác kiểm soát tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của Công ty đúng theo quy định pháp luật.

- Thường xuyên tham gia các cuộc họp định kỳ hoặc bất thường của HĐQT cùng với Ban điều hành, qua đó nắm bắt thông tin về tình hình quản trị điều hành, kịp thời có ý kiến góp ý về phương hướng hoạt động, về chấp hành luật pháp, chấp hành Nghị quyết của ĐHĐCĐ cũng như Nghị quyết, Quyết định của HĐQT.

3. Các ý kiến nhận xét của Ban Kiểm soát

3.1. Về công tác kế toán – tài chính

- Sau khi kiểm tra và thẩm định, BKS đồng ý với Báo cáo kiểm toán số 44/BCKT/TC/2021/AASCS ngày 22/02/2022 của Công ty TNHH Dịch Vụ Tư Vấn Tài Chính Kế Toán và Kiểm Toán Phía Nam (AASCS) về kết quả kiểm toán BCTC năm 2021 của Công ty.

- Công ty đã tổ chức tốt hệ thống thông tin kế toán; tuân thủ đầy đủ các quy định của chế độ kế toán Việt Nam, các chuẩn mực kế toán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Đồng thời, hệ thống thông tin kế toán của Công ty còn đáp ứng yêu cầu cung cấp thông tin phục vụ công tác quản lý, điều hành và kiểm tra, giám sát.

- Công ty thực hiện tốt chế độ công bố thông tin định kỳ và thông tin kịp thời theo quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

3.2. Về hoạt động của HĐQT và TGD

3.2.1 HĐQT

- Trong năm qua, HĐQT Công ty đã hợp triển khai đầy đủ các nội dung Nghị Quyết của ĐHCĐ và nghị quyết/quyết định các vấn đề thuộc thẩm quyền của HĐQT. Thể thức hợp và nghị quyết được tiến hành đúng quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ của Công ty;

- Chỉ đạo kịp thời TGD thực hiện các biện pháp phòng chống dịch Covid-19 hiệu quả để ổn định hoạt động Công ty làm cơ sở phát triển sản xuất kinh doanh, đảm bảo thu nhập và việc làm cho người lao động.

- Lãnh đạo Công ty thực hiện kế hoạch SXKD năm 2021 và các nhiệm vụ trọng tâm mà ĐHCĐ đã giao;

- Tổ chức giám sát TGD và cán bộ quản lý trong việc điều hành, thực thi các nghị quyết, quyết định của ĐHCĐ và HĐQT;

- Quyết định các vấn đề khác liên quan đến cơ cấu tổ chức, hoạt động của Công ty thuộc thẩm quyền của HĐQT.

Qua giám sát, BKS nhận định: Trong năm 2021, HĐQT đã hoàn thành tốt nhiệm vụ được ĐHCĐ giao; thực hiện quyền hạn, nhiệm vụ trong việc quản lý và điều hành Công ty phù hợp với Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty và pháp luật hiện hành.

3.2.2 Ban Điều hành

- Trong năm 2021, Ban điều hành đã triển khai và thực hiện nghiêm túc nội dung các nghị quyết của ĐHCĐ và HĐQT;

- Ban Điều hành đã thực thi quyền hạn, nhiệm vụ được giao trong việc điều hành hoạt động của Công ty một cách cẩn trọng, đúng quy định pháp luật hiện hành, quy chế quản lý và quy định nội bộ của Công ty;

- Về kết quả thực hiện kế hoạch SXKD: Ban Điều hành đã hoàn thành tốt nhiệm vụ được ĐHCĐ và HĐQT giao, trong đó LNST đạt 40,194 tỷ đồng, tương đương 114,8% kế hoạch lợi nhuận sau thuế.

Qua giám sát, BKS nhận định: Trong năm 2021, Ban điều hành đã hoàn thành tốt các nhiệm vụ điều hành đã được ĐHCĐ, HĐQT giao; Chỉ tiêu LNST vượt kế hoạch được giao trong bối cảnh nền kinh tế trong nước nói chung và ngành xăng dầu chịu nhiều tác động bất lợi của dịch bệnh Covid-19; Công tác điều hành tuân thủ các quy định tại Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty và pháp luật có liên quan.

3.3. Phối hợp hoạt động của HĐQT, BKS và Ban TGD

- HĐQT, BKS và Ban TGD Công ty cùng hành động vì mục tiêu chung là sự ổn định và phát triển của Công ty.

- Trong các phiên họp của HĐQT đều có sự tham gia của đầy đủ của các thành viên BKS, TGD và Thư ký Công ty. Các ý kiến thảo luận của BKS, TGD đều được ghi nhận và đánh giá cao tinh thần góp ý cho các hoạt động của Công ty.

- Những nội dung Nghị quyết của HĐQT có liên quan đến hoạt động của BKS và điều hành của Ban TGD được gửi đến BKS và Ban TGD để cùng phối hợp thực hiện.

- Trong quá trình thực hiện nhiệm vụ, BKS và TGD có quyền và có trách nhiệm đề xuất với HĐQT những giải pháp quản lý để nâng cao hiệu quả hoạt động của Công ty.

- TGD thực hiện báo cáo, cung cấp thông tin về hoạt động của Công ty kịp thời, làm cơ sở cho việc quyết định/nghị quyết của HĐQT khi quyết định các mặt hoạt động của Công ty thuộc thẩm quyền của HĐQT, đồng thời chỉ đạo các cán bộ, bộ phận chuyên môn cung cấp đầy đủ thông tin phục vụ cho công tác kiểm soát của BKS.

III. CÁC GIAO DỊCH, THÙ LAO VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH CỦA HĐQT, BAN TGD VÀ BKS NĂM 2021

1. Thù lao của HĐQT và BKS

Năm 2021, đã thực hiện chi thù lao cho HĐQT và BKS theo đúng Nghị quyết của ĐHCĐ đã thông qua ngày 23/4/2021 như sau:

- Thù lao cho HĐQT : 480.000.000 đ (BQ: 8 triệu đồng/người/tháng)

- Thù lao cho BKS : 180.000.000 đ (BQ: 5 triệu đồng/người/tháng)

Tổng cộng năm 2021 : 660.000.000 đ.

(Trong đó theo quy định tại Thông tư 96/2015/TT-BTC ngày 22/6/2015 phần chi cho thành viên HĐQT và BKS không trực tiếp tham gia điều hành hạch toán vào Lợi nhuận sau thuế là 510.000.000 đồng; chi cho thành viên HĐQT và BKS trực tiếp tham gia điều hành hạch toán vào chi phí là 150.000.000 đồng).

2. Thu nhập của HĐQT và Ban TGD năm 2021 cụ thể như sau:

2.1. Thù lao HĐQT:

HỌ TÊN	CHỨC DANH	SỐ TIỀN (Đồng)
Phạm Văn Thoại	Chủ tịch HĐQT	120.000.000
Lê Văn Nghĩa	Ủy viên HĐQT	90.000.000
Lê Văn Bách	Ủy viên HĐQT	90.000.000
Trần Thị Phương Khanh	Ủy viên HĐQT	90.000.000
Lê Tấn Thương	Ủy viên HĐQT	90.000.000

2.2. Tiền lương Ban Tổng Giám đốc:

HỌ TÊN	CHỨC DANH	SỐ TIỀN (Đồng)
Lê Tấn Thương	Tổng Giám đốc	1.293.147.197
Phạm Văn Khoa	Phó Tổng Giám đốc	744.871.241
Nguyễn Chơn Quang	Phó Tổng Giám đốc	660.961.440
Phạm Công Quyền	Kế toán trưởng	770.209.258

3. Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ và người có liên quan

ĐVTính : cổ phần

SỐ TT	HỌ VÀ TÊN	CHỨC DANH	MỐI QUAN HỆ	NGÀY 01/01/2021	PHÁT SINH TRONG KỲ		NGÀY 31/12/2021	TL/VĐL (%)	GHI CHÚ
					TĂNG	GIẢM			
A	B	C	D	1	2	3	4 (1+2+3)	5	6
I	Hội đồng quản trị								
1	Phạm Văn Thoại	CT HĐQT			3.359.254	0	3.359.254	23,79	Đại diện sở hữu
	<i>Cá nhân liên quan</i>								
	Phạm Văn Hoa		Cha ruột						đã mất
	Đoàn Thị Bon		Mẹ ruột						
	Nguyễn Hữu Văn		Cha vợ						
	Hồ Thị Mỹ		Mẹ vợ						đã mất
	Nguyễn Thị Hồng Hạnh		Vợ						
	Phạm Gia Bảo		Con ruột						
	Phạm Văn Thông		Anh ruột						đã mất
	Phạm Văn Thái		Anh ruột						
	Phạm Thị Hồng Thúy		Chị ruột						
	Phạm Văn Thành		Anh ruột						
	Phạm Thị Hồng Thoa		Chị ruột						Đã mất
	Phạm Văn Thắng		Em ruột						
	Phạm Thị Phương Thảo		Em ruột						
	Nguyễn Thị Thúy Dung		Chị dâu						
	Ngô Thị Lam Thanh		Chị dâu						
	Lê Thị Hồng Lan		Chị dâu						
	Hoàng Văn Hoa		Anh rể						
	<i>Tổ chức liên quan</i>								
	Cty TNHH MTV Dầu khí Tp.Hồ Chí Minh (**)	CT.HĐTV		5.598.757	0	0	5.598.757	39,65	
2	Lê Văn Bách	UV HĐQT		2.824.200	0	0	2.824.200	20	Đại diện sở hữu
	<i>Cá nhân liên quan</i>								
	Nguyễn Thị Hồng Tuất		Mẹ ruột						
	Lê Văn Từ		Cha ruột						
	Phạm Văn Hoán		Cha vợ						
	Trịnh Thị Kim Dung		Mẹ vợ						đã mất
	Phạm Thị Hòa Bình		Vợ						
	Lê Bách Thắng		Con ruột						
	Lê Bách Khang		Con ruột						
	Lê Văn Tùng		Anh ruột						
	Lê Thị Quế		Em ruột						
	Nguyễn Thị Nhung		Chị dâu						
	Hà Minh Vĩ		Em rể						
	<i>Tổ chức liên quan</i>								
	Tổng công ty Dầu VN(*)			6.325.016	0	0	6.325.016	44,79	
	Công ty Cp Dầu nhờn PVOIL	Giám đốc							

1
2
3
4
5
6
7
8
9
10
11
12
13
14
15
16
17
18
19
20
21
22
23
24
25
26
27
28
29
30
31
32
33
34
35
36
37
38
39
40
41
42
43
44
45
46
47
48
49
50
51
52
53
54
55
56
57
58
59
60
61
62
63
64
65
66
67
68
69
70
71
72
73
74
75
76
77
78
79
80
81
82
83
84
85
86
87
88
89
90
91
92
93
94
95
96
97
98
99
100

SỐ TT	HỌ VÀ TÊN	CHỨC DANH	MỐI QUAN HỆ	NGÀY 01/01/2021	PHÁT SINH TRONG KỲ		NGÀY 31/12/2021	TL/VDL (%)	GHI CHÚ
					TĂNG	GIẢM			
A	B	C	D	1	2	3	4 (1+2+3)	5	6
3	Trần Thị Phương Khanh	UV HĐQT		0	2.239.503		2.239.503	15,86	Đại diện sở hữu
	<i>Cá nhân liên quan</i>								
	Trần Văn Trọng		Cha ruột						
	Nguyễn Thị Lại		Mẹ ruột						
	Trần Thị Muôn		Mẹ chồng						
	Đoàn Văn Phân		Cha chồng						
	Đoàn Thanh Việt		Chồng						
	Đoàn Khánh Quỳnh		Con ruột						
	Đoàn Hải Đăng		Con ruột						
	Trần Thị Phương Thảo		Chị ruột						
	Trần Thị Phương Dung		Em ruột						
	Nguyễn Văn Tấn		Em rể						
	<i>Tổ chức liên quan</i>								
	Công ty TNHH MTV Dầu khí TP.HCM (**)	KTT		5.598.757	0	0	5.598.757	39,65	
	Ngân hàng TMCP Saigon Công thương	TV HĐQT							
4	Lê Văn Nghĩa	UV HĐQT		10	3.500.816		3.500.826	24,79	SH và đại diện SH
	<i>Cá nhân liên quan</i>								
	Lê Văn Dũng		Cha ruột						đã mất
	Nguyễn Thị Lê		Mẹ ruột						đã mất
	Nguyễn Chức		Cha vợ						
	Nguyễn Thị Ngón		Mẹ vợ						đã mất
	Nguyễn Thị Hà		Vợ						
	Lê Đức Trung		Con ruột						
	Lê Đức Hiệp		Con ruột						
	Lê Thị Liên		Chị ruột						
	Lê Văn Quân		Anh ruột						
	Nguyễn Hoàng Bi		Anh rể						
	Nguyễn Thị Tươi		Chị dâu						
	<i>Tổ chức liên quan</i>								
	Tổng Công ty Dầu VN(*)	TV HĐQT		6.325.016	0	0	6.325.016	44,79	
5	Lê Tấn Thương	UV.HĐQT TGD		151.370	10.000	0	161.370	1,143	Sở hữu
	<i>Cá nhân liên quan</i>								
	Lê Phúng		Cha ruột						
	Nguyễn Thị Miến		Mẹ ruột						
	Dương Văn Hải		Cha vợ						
	Huỳnh Thị Nữ		Mẹ vợ						
	Dương Thị Đài Trang		Vợ	38.910	0	0	38.910	0,28	Sở hữu
	Lê Ngọc Minh Thư		Con ruột						

SỐ TT	HỌ VÀ TÊN	CHỨC DANH	MỐI QUAN HỆ	NGÀY 01/01/2021	PHÁT SINH TRONG KỲ		NGÀY 31/12/2021	TL/VĐL (%)	GHI CHÚ
					TĂNG	GIẢM			
A	B	C	D	1	2	3	4 (1+2+3)	5	6
	Lê Ngọc Minh Tú		Con ruột						
	Lê Thị Văn		Chị ruột						
	Lê Thị Mỹ Lệ		Chị ruột						
	Lê Tấn Hải		Em ruột	100			100	0,001	Sở hữu
	Lê Thị Thu Vân		Em ruột						
	Lê Tấn Tiên		Em ruột						
	Trang Sĩ Nông		Anh rể						
	Phan Văn Tâm		Anh rể						
	Trương Thị Mỹ Phượng		Em dâu						
	Lê Thanh Chương		Em rể						
	Lê Thị Bích Tâm		Em dâu						
II	Ban TGD, Người công bố thông tin								
1	Lê Tấn Thương	UV.HĐQT TGD		151.370	10.000	0	161.370	1,143	Sở hữu
	<i>Cá nhân liên quan</i>								
	Lê Phúng		Cha ruột						
	Nguyễn Thị Miến		Mẹ ruột						
	Dương Văn Hải		Cha vợ						
	Huỳnh Thị Nữ		Mẹ vợ						
	Dương Thị Đài Trang		Vợ	38.910	0	0	38.910	0,28	Sở hữu
	Lê Ngọc Minh Thư		Con ruột						
	Lê Ngọc Minh Tú		Con ruột						
	Lê Thị Văn		Chị ruột						
	Lê Thị Mỹ Lệ		Chị ruột						
	Lê Tấn Hải		Em ruột	100			100	0,001	Sở hữu
	Lê Thị Thu Vân		Em ruột						
	Lê Tấn Tiên		Em ruột						
	Trang Sĩ Nông		Anh rể						
	Phan Văn Tâm		Anh rể						
	Trương Thị Mỹ Phượng		Em dâu						
	Lê Thanh Chương		Em rể						
	Lê Thị Bích Tâm		Em dâu						
2	Phạm Văn Khoa	Phó TGD, người CBTT		600	0	0	600	0,004	Sở hữu
	<i>Cá nhân liên quan</i>								
	Phạm Văn Chánh		Cha ruột						Đã mất
	Thái Ca Siêu		Mẹ ruột						
	Phạm Lê Anh Khôi		Con ruột						
	Phạm Thị Hạnh Khuê		Con ruột						
	Phạm Thị Kim Hồng		Chị ruột						
	Phạm Thị Kim Nhung		Chị ruột						
	Phạm Công Sứ		Anh ruột						
	Phạm Công Sở		Anh ruột						

SỐ TT	HỌ VÀ TÊN	CHỨC DANH	MỐI QUAN HỆ	NGÀY 01/01/2021	PHÁT SINH TRONG KỲ		NGÀY 31/12/2021	TL/VĐL (%)	GHI CHÚ
					TĂNG	GIẢM			
A	B	C	D	1	2	3	4 (1+2+3)	5	6
	Phạm Công Huân		Anh ruột						
	Phạm Thị Kim Thùy		Chị ruột						
	Thái Thị Hồng Lan		Chị ruột						
	Phạm Thị Lan Anh		Chị ruột						
	Phạm Văn Học		Em ruột						
	Lê Tuấn Mỹ		Anh rể						
	Đặng Nguyên Dũng		Anh rể						
	Phan Thị Ni		Chị dâu						
	Nguyễn Thị Hằng		Chị dâu						
	Nguyễn Hoàng Minh		Anh rể						
	Trần Thị Ánh Loan		Em dâu						
3	Nguyễn Chơn Quang	Phó TGD		4.740	0	0	4.740	0,034	Sở hữu
	<i>Cá nhân liên quan</i>								
	Nguyễn Chơn Trung		Cha ruột						
	Đỗ Ngọc Trinh		Mẹ ruột						
	Nguyễn Ngọc Bình		Cha vợ						
	Nguyễn Thị Mỹ Hương		Mẹ vợ						
	Nguyễn Ngọc Thùy Chi		Vợ						
	Nguyễn Chơn Quý Tùng		Con ruột						
	Nguyễn Ngọc Như Tâm		Con ruột						
	Nguyễn Kiên Trung		Em ruột						
III	Kế toán trưởng								
1	Phạm Công Quyền	GĐTC - KTT		100.255	0	30.000	70.255	0,50	Sở hữu
	<i>Cá nhân liên quan</i>								
	Phạm Công Đào		Cha ruột						Đã mất
	Huỳnh Thị Thoa		Mẹ ruột						Đã mất
	Vũ Văn Sâm		Cha vợ						Đã mất
	Trần Mỹ Quyên		Mẹ vợ						Đã mất
	Vũ Bích Ngọc		Vợ						
	Phạm Công Tuấn Kiệt		Con ruột						
	Phạm Ngọc Minh Thư		Con ruột						
	Phạm Công Tuấn Kiên		Con ruột						
	Phạm Chí Thành		Anh ruột						
	Phạm Chí Toại		Anh ruột						Đã mất
	Phạm Thị Phượng		Chị ruột						
	Phạm Thị Hằng Nga		Chị ruột						
	Phạm Công Danh		Anh ruột						
	Phạm Thị Kim Dung		Em ruột						
	Nguyễn Thị Hoa		Chị dâu						
	Bùi Văn Minh		Anh rể						
	Phạm Đức Khánh		Anh rể						
	Phạm Thị Hững		Chị dâu						
	Nguyễn Hữu Đức		Em rể						

SỐ TT	HỌ VÀ TÊN	CHỨC DANH	MỐI QUAN HỆ	NGÀY 01/01/2021	PHÁT SINH TRONG KỶ		NGÀY 31/12/2021	TL/VĐL (%)	GHI CHÚ
					TĂNG	GIẢM			
A	B	C	D	1	2	3	4 (1+2+3)	5	6
	<i>Tổ chức</i>								
	Công ty Cp Vận tải Biển Việt Tin	UV HĐQT							
	Cty Cp Xăng dầu Dầu khí Sài Gòn	UV BKS							
	Cty Cp Vận tải Xăng dầu Dầu khí Việt Nam	UV HĐQT							
IV	Ban Kiểm Soát								
1	Nguyễn Đức Linh	Trưởng BKS		0	0	0	0		
	<i>Cá nhân liên quan</i>								
	Nguyễn Việt Anh		Cha ruột						đã mất
	Nguyễn Thị Thủy Hồng		Mẹ ruột						
	Huỳnh Kim Hoa		Mẹ vợ						
	Bùi Anh Tu		Cha vợ						đã mất
	Bùi Thị Minh Tâm		Vợ						
	Nguyễn Ngọc Như Ý		Con ruột						
	Nguyễn Ngọc Tường Vân		Con ruột						
	Nguyễn Thị Kim Chi		Chị ruột						
	Nguyễn Thị Kim Loan		Chị ruột						
	Nguyễn Đức Tài		Em ruột						
	Nguyễn Thị Kim Phượng		Chị ruột						
	<i>Tổ chức liên quan</i>								
	Tổng Công ty Dầu VN(*)	Trưởng Ban KS nội bộ		6.325.016	0	0	6.325.016	44,79	
2	Ngô Phương Hạnh	UV BKS		0	0	0	0		
	<i>Cá nhân liên quan</i>								
	Lê Thị Ngọc Huy		Mẹ ruột						
	Ngô Hiệp		Cha ruột						
	Quách Thị Kim Hồng		Mẹ chồng						
	Nguyễn Văn Quý		Cha chồng						đã mất
	Nguyễn Tuấn Anh		Chồng						
	Nguyễn Anh Nguyên		Con ruột						
	Nguyễn Tuấn Nguyên		Con ruột						
	Ngô Hùng		Anh ruột						
	Ngô Thị Ngọc Huyền		Chị ruột						
	Ngô Nguyệt Hằng		Chị ruột						
	Ngô Thanh Hà		Chị ruột						
	Ngô Thị Thanh Hương		Chị ruột						
	Từ Dạ Ái		Chị dâu						
	Nguyễn Văn Sơn		Anh rể						
	Nguyễn Văn Quang		Anh rể						

SỐ TT	HỌ VÀ TÊN	CHỨC DANH	MỐI QUAN HỆ	NGÀY 01/01/2021	PHÁT SINH TRONG KỲ		NGÀY 31/12/2021	TL/VDL (%)	GHI CHÚ
					TĂNG	GIẢM			
A	B	C	D	1	2	3	4 (1+2+3)	5	6
	Nguyễn Văn Chính		Anh rể						
	Nguyễn Minh Ứng		Anh rể						
	<i>Tổ chức liên quan</i>								
	Công ty TNHH MTV Dầu khí TP.HCM (**)			5.598.757	0	0	5.598.757	39,65	
	Công ty Cp Kinh doanh Tổng hợp Ninh Thuận	Kiểm soát viên							
3	Bùi Huy Thắng	UV BKS		0	0	0	0		
	<i>Cá nhân liên quan</i>								
	Trần Thị Nguyệt Hằng		Mẹ ruột						đã mất
	Bùi Xuân Ngợi		Cha ruột						
	Lê Quang Hoanh		Cha vợ						
	Lý Thị Kiều Chinh		Mẹ vợ						
	Lê Thị Bích Phượng		Vợ						
	Bùi Lê My An		Con ruột						
	Bùi Huy Hải		Anh ruột						
	Nguyễn Thị Bích Ngọc		Chị dâu						
	<i>Tổ chức liên quan</i>								
	Cty Cp Vận tải Xăng dầu Dầu khí Việt Nam	UV BKS							
	Công ty Cổ phần Vận tải Việt Tín	UV BKS							

Ghi chú :

- (*): Tổng Công ty Dầu Việt Nam (PVOIL) sở hữu tổng số 6.325.016 cp COM, trong đó ủy quyền đại diện sở hữu cho các cá nhân gồm: ông Lê Văn Nghĩa (UV.HĐQT COMECO) 3.500.816 cp, ông Lê Văn Bách (UV.HĐQT COMECO) 2.824.200 cp.

- (**): Công ty TNHH MTV Dầu khí TP.HCM (Saigon Petro) sở hữu tổng cộng 5.598.757 cp COM, trong đó ủy quyền đại diện sở hữu cho các cá nhân gồm: ông Phạm Văn Thoại (CT.HĐQT COMECO) 3.359.254 cp, bà Trần Thị Phương Khanh (UV.HĐQT COMECO) 2.239.503 cp.

Tp.HCM ngày 23 tháng 3 năm 2022

TỔNG GIÁM ĐỐC

CÔNG TY
CỔ PHẦN
VẬT TƯ - XĂNG BẦU
(COMECO)

Lê Tấn Thương

Phần 6
BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM 2021

11/2021

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT TƯ - XĂNG DẦU (COMECO)

Địa chỉ: Tòa nhà Comeco, 549 Điện Biên Phủ, Phường 3, Quận 3, Tp. Hồ Chí Minh.

*Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc và
Báo cáo tài chính đã được kiểm toán*

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT TƯ - XĂNG DẦU

Năm 2021

Được kiểm toán bởi:

**CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ TƯ VẤN TÀI CHÍNH KẾ TOÁN VÀ KIỂM TOÁN PHÍA NAM
(AASCS)
29 Võ Thị Sáu, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh; Điện thoại: (028).38205.944 - 38205.947; Fax:(028). 38205.942**

NỘI DUNG	Trang
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	03 – 04
Báo cáo kiểm toán độc lập	05 – 06
Báo cáo tài chính đã được kiểm toán	
Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2021	07 – 08
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh năm 2021	09
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ năm 2021	10 – 11
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính năm 2021	12 – 34

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ Phần Vật tư – Xăng dầu (COMECO) (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021.

Công ty Cổ Phần Vật tư – Xăng dầu (COMECO) được thành lập theo Quyết định số 94/2000/QĐ-TTg ngày 09 tháng 08 năm 2000 của Thủ Tướng Chính Phủ. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103000236 ngày 13 tháng 12 năm 2000 do Sở Kế Hoạch và Đầu Tư Thành Phố Hồ Chí Minh cấp và giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0300450673 thay đổi lần thứ 20 ngày 15 tháng 11 năm 2021.

Lĩnh vực hoạt động kinh doanh của Công ty là: Xuất nhập khẩu: Xăng, dầu, nhớt, mỡ, gas. Bán buôn xăng, dầu, nhớt, mỡ. Bán lẻ xăng, dầu, dầu nhờn, mỡ bôi trơn và các sản phẩm nhiên liệu khác. Môi giới bất động sản, kinh doanh bất động sản, cho thuê kho bãi. Dịch vụ cung ứng tàu biển, giao nhận hàng hóa trong và ngoài nước. Bán lẻ phân bón, hóa chất (trừ hóa chất có tính độc hại mạnh). Mua bán thiết bị, dụng cụ hệ thống điện (máy biến thế, mô tơ điện, ổn áp, máy phát, dây điện, vật lưu dẫn, bóng đèn, bảng điện, công tắc, cầu chì, aptômát), vật liệu xây dựng, thiết bị máy ngành công nghiệp – khai khoáng – lâm nghiệp và xây dựng, thiết bị vệ sinh. Bán lẻ vải, len, sợi, chỉ khâu và hàng dệt khác trong các cửa hàng chuyên doanh. Mua bán máy vi tính, thiết bị ngoại vi, thiết bị điều hòa nhiệt độ, thiết bị vệ sinh. Lắp đặt hệ thống phòng cháy chữa cháy. Bán buôn phân bón, hóa chất. Đại lý mua bán hàng hóa, tư vấn đầu tư (trừ tư vấn tài chính, kế toán), dịch vụ đại lý bưu chính viễn thông (trừ đại lý truy cập internet). Vận chuyển nhiên liệu, nhớt, mỡ bằng ô tô. Nhà hàng và dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động (không hoạt động tại trụ sở). Quảng cáo thương mại. Cho thuê văn phòng. Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa. Vận tải hành khách đường thủy nội địa. Nhà trọ, phòng trọ và các cơ sở lưu trú tương tự (không hoạt động tại trụ sở). Xây dựng dân dụng và công nghiệp, thiết kế kết cấu công trình dân dụng và công nghiệp, tư vấn xây dựng. Bán lẻ ô tô con (loại 12 chỗ trở xuống). Sửa chữa, tân trang phương tiện, thiết bị giao thông vận tải, dịch vụ rửa xe. Bán mô tô, xe gắn máy. Mua bán vải, hàng may mặc, khẩu trang, quần áo bảo hộ lao động, giày dép. Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da, giả da trong các cửa hàng chuyên doanh. Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt). Kinh doanh bãi đỗ xe. Trồng lúa. Trồng ngô và cây lương thực có hạt khác. Trồng thuốc lá, thuốc lào. Trồng cây lấy sợi. Trồng cây có hạt chứa dầu. Trồng rau, đậu các loại và trồng hoa, cây cảnh. Trồng cây ăn quả. Trồng cây lấy củ có chất bột. Trồng cây mía. Trồng cây hàng năm khác. Trồng cây lấy quả chứa dầu. Trồng cây điều. Trồng cây hồ tiêu. Trồng cây lâu năm khác.

Trụ sở chính tại: Số 549 Điện Biên Phủ, Phường 3, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh.

Các sự kiện sau ngày khóa sổ kế toán lập Báo cáo tài chính.

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày lập Báo cáo tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính.

Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc, Ban kiểm soát

Các thành viên của Hội đồng Quản trị bao gồm:

Ông Phạm Văn Thoại	Chủ tịch
Ông Lê Văn Nghĩa	Ủy viên
Ông Lê Văn Bách	Ủy viên
Bà Trần Thị Phương Khanh	Ủy viên
Ông Lê Tấn Thương	Ủy viên

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc bao gồm:

Ông Lê Tấn Thương	Tổng Giám đốc
Ông Phạm Văn Khoa	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Chơn Quang	Phó Tổng Giám đốc

0117
ÔNG
TNH
VU TU
NH K
KIEM T
PHIA NA
LP H

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT TƯ - XĂNG DẦU (COMECO)

Địa chỉ: Tòa nhà Comeco, 549 Điện Biên Phủ, Phường 3, Quận 3, Tp. Hồ Chí Minh.

Ban kiểm soát

Ông Nguyễn Đức Linh Trưởng ban

Bà Ngô Phương Hạnh Thành viên

Ông Bùi Huy Thắng Thành viên

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Dịch vụ Tư Vấn Tài chính Kế Toán và Kiểm toán Phía Nam (AASCS) bày tỏ nguyện vọng tiếp tục làm công tác kiểm toán cho Công ty.

Công bố trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc đối với Báo cáo tài chính

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Các chuẩn mực kế toán được áp dụng theo quy định hiện hành, không có những sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong báo cáo tài chính;
- Lập và trình bày các báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;
- Lập các báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các số kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2021, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.

TP. HCM, ngày 10 tháng 02 năm 2022

TM. Ban Tổng Giám đốc

Tổng Giám đốc



Lê Tấn Thương

Số: 44./BCKT/TC/2022/AASCS

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP*(Về Báo cáo tài chính năm 2021 kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021
của Công ty Cổ Phần Vật tư - Xăng dầu)*

Kính gửi: Cổ đông, Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ Phần Vật tư - Xăng dầu (COMECO)

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ Phần Vật tư - Xăng dầu (COMECO) được lập ngày 10 tháng 02 năm 2022 từ trang 07 đến trang 34, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

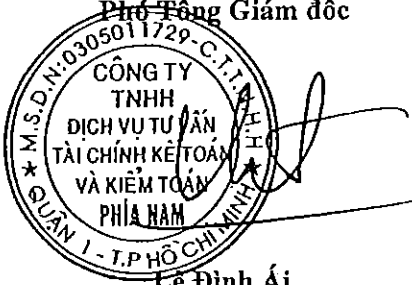
Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ Phần Vật tư - Xăng dầu (COMECO) tại ngày 31/12/2021, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Tp. Hồ Chí Minh, ngày tháng ... năm 2022
Công ty TNHH Dịch Vụ Tư Vấn Tài Chính
Kế Toán và Kiểm Toán Phía Nam (AASCS)

Phó Tổng Giám đốc



Lê Đình Ái

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 3770-2018-142-1

Kiểm toán viên

Chu Thế Bình

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 1858-2018-142-1

SỐ 172
CÔNG TY
TNHH
DỊCH VỤ TƯ
VẤN TÀI CHÍNH
KẾ TOÁN VÀ
KIỂM TOÁN
PHÍA NAM
T.P. HỒ CHÍ MINH

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1	2	3	4	5
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+120+130+140+150)	100		228.016.833.488	181.358.238.723
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	85.187.977.498	58.776.423.619
1. Tiền	111		23.187.977.498	11.776.423.619
2. Các khoản tương đương tiền	112		62.000.000.000	47.000.000.000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		15.647.939.770	13.291.146.100
1. Chứng khoán kinh doanh	121	V.2a	19.346.704.000	18.159.184.000
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		(3.698.764.230)	(4.868.037.900)
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		19.338.939.622	23.396.921.474
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	53.484.977.669	50.139.535.245
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132			
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.4a	1.405.437.953	10.108.862.229
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.5	(35.551.476.000)	(36.851.476.000)
IV. Hàng tồn kho	140		101.014.148.812	79.856.690.021
1. Hàng tồn kho	141	V.6	101.014.148.812	79.856.690.021
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		6.827.827.786	6.037.057.509
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151			
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		6.827.827.786	6.037.057.509
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.13		
B - TÀI SẢN DÀI HẠN (200=210+220+240+250+260)	200		307.081.986.487	317.243.464.407
I- Các khoản phải thu dài hạn	210		1.500.000.000	1.500.000.000
6. Phải thu dài hạn khác	216	V.4b	1.500.000.000	1.500.000.000
II. Tài sản cố định	220		241.226.847.971	251.615.036.765
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.8	122.080.329.549	129.245.338.776
- Nguyên giá	222		217.448.258.000	216.856.919.217
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(95.367.928.451)	(87.611.580.441)
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.9	119.146.518.422	122.369.697.989
- Nguyên giá	228		139.291.025.363	139.291.025.363
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(20.144.506.941)	(16.921.327.374)
III. Bất động sản đầu tư	230		13.394.513.539	12.220.409.365
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		10.713.918.317	10.564.632.853
1. Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang dài hạn	241			
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.7	13.394.513.539	12.220.409.365
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		40.246.706.660	41.343.385.424
1. Đầu tư vào công ty con	251			
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252	V.2b	10.000.000.000	10.000.000.000
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	V.2b	12.000.000.000	12.000.000.000
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(11.286.081.683)	(11.435.367.147)
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255			
VI. Tài sản dài hạn khác	260		38.904.605.127	40.375.249.815
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.10		
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		1.342.101.533	968.135.609
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		535.098.819.975	498.601.703.130

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1	2	3	4	5
C - NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	300		62.844.806.712	55.987.914.622
I. Nợ ngắn hạn	310		48.724.178.712	41.867.286.622
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.11	9.710.437.050	3.206.980.370
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.12	2.229.961.242	4.501.473.373
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.13	3.234.604.099	4.140.097.822
4. Phải trả người lao động	314	V.14	15.864.045.860	15.865.040.565
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315			
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316			
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317			
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	V.16	647.846.193	
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.15	8.058.721.265	6.061.137.106
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320			
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321			
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi, ban điều hành	322	V.18	8.978.563.003	8.092.557.386
II. Nợ dài hạn	330		14.120.628.000	14.120.628.000
7. Phải trả dài hạn khác	337			
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342	V.17	14.120.628.000	14.120.628.000
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343			
D - VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410 + 430)	400		472.254.013.263	442.613.788.508
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.19	472.254.013.263	442.613.788.508
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		141.206.280.000	141.206.280.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		141.206.280.000	141.206.280.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b			
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		135.484.038.434	135.484.038.434
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		21.242.445.149	21.242.445.149
8. Quỹ đầu tư phát triển	418	V.19e	99.685.822.404	99.685.822.404
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		74.635.427.276	44.995.202.521
- Lợi nhuận chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		26.666.648.491	36.710.925.506
- Lợi nhuận chưa phân phối kỳ này	421b		47.968.778.785	8.284.277.015
12. Nguồn vốn đầu tư XDCB	422			
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430			
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		535.098.819.975	498.601.703.130

Lập, ngày 10 tháng 02 năm 2022

Người lập biểu
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Tổng Giám đốc

(Ký, họ tên, đóng dấu)







Nguyễn Hữu Hoàng

Phạm Công Quyền

Trần Thương

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2021

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1	2	3	4	5
1. Doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ	01	VI.1	2.660.299.645.974	2.900.020.881.710
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.2	617.540.956	728.789.697
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10	VI.3	2.659.682.105.018	2.899.292.092.013
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.4	2.482.573.180.287	2.721.440.191.223
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		177.108.924.731	177.851.900.790
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.5	1.511.350.808	1.070.931.480
7. Chi phí tài chính	22	VI.6	(1.277.061.428)	(681.279.966)
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23			53.756.164
8. Chi phí bán hàng	25	VI.9a	119.485.431.602	126.357.433.885
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.9b	13.770.672.295	14.667.615.683
10. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)-(25+26)}	30		46.641.233.070	38.579.062.668
11. Thu nhập khác	31	VI.7	3.283.125.478	7.779.678.001
12. Chi phí khác	32	VI.8	835.480	152.487.635
13. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		3.282.289.998	7.627.190.366
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		49.923.523.068	46.206.253.034
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	VI.11	10.102.987.222	9.544.685.943
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		(373.965.924)	(373.965.924)
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)	60	VI.14	40.194.501.770	37.035.533.015
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.12	2.810	1.911
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71			

Lập, ngày 10 tháng 02 năm 2022 *

Người lập biểu
(Ký, họ tên)



Nguyễn Hữu Hoàng

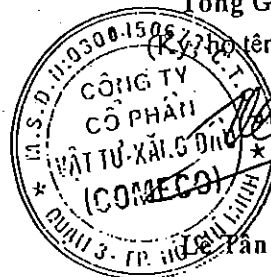
Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)



Phạm Công Quyền

Tổng Giám đốc

(Ký, họ tên, đóng dấu)



Phan Thương

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Năm 2021

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1	2	3	4	5
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		49.923.523.068	46.206.253.034
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao TSCĐ	02		10.979.527.577	11.378.382.151
- Các khoản dự phòng	03		(2.469.273.670)	(737.384.781)
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04			
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(1.511.350.808)	(1.275.779.936)
- Chi phí lãi vay	06			53.756.164
- Các khoản điều chỉnh khác	07			
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		56.922.426.167	55.625.226.652
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		4.567.211.575	28.213.552.411
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(21.157.458.791)	45.197.542.124
- Tăng, giảm các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		6.605.159.222	(15.226.805.622)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		1.470.644.688	(16.446.676.965)
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		(1.187.520.000)	
- Tiền lãi vay đã trả	14			(53.756.164)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(9.873.226.863)	(9.233.385.941)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16			3.401.157.794
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(7.879.821.352)	
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		29.467.414.646	91.476.854.269
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(4.567.211.575)	(2.335.042.958)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22			217.261.472
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23			
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24			
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25			
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26			
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		1.511.350.808	1.070.931.480
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(3.055.860.767)	(1.046.850.006)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Năm 2021

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1	2	3	4	5
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31			
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32			
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33			60.000.000.000
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34			(74.000.000.000)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35			
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36			(28.241.256.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40			(42.241.256.000)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+30+40)	50		26.411.553.879	48.188.748.263
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		58.776.423.619	10.587.675.350
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61			
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)	70	V.1	85.187.977.498	58.776.423.619

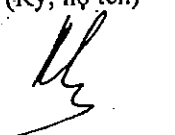
Lập, ngày 10 tháng 02 năm 2022

Người lập biểu
(Ký, họ tên)



Nguyễn Hữu Hoàng

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)



Phạm Công Quyền



Tổng Giám đốc

(Ký, họ tên, đóng dấu)

Le Tấn Thương

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2021

I Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp:

1. Hình thức sở hữu vốn:

Công ty Cổ Phần Vật tư – Xăng dầu (COMECO) được thành lập theo Quyết định số 94/2000/QĐ-TTG ngày 09 tháng 08 năm 2000 của Thủ Tướng Chính Phủ. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103000236 ngày 13 tháng 12 năm 2000 do Sở Kế Hoạch và Đầu Tư Thành Phố Hồ Chí Minh cấp và giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0300450673 thay đổi lần thứ 20 ngày 15 tháng 11 năm 2021.

Vốn điều lệ của Công ty là: 141.206.280.000 đồng (Một trăm bốn mươi một tỷ hai trăm lẻ sáu triệu hai trăm tám mươi nghìn đồng)

2. Lĩnh vực kinh doanh: Sản xuất, thương mại, dịch vụ, xây dựng.

3. **Ngành nghề kinh doanh:** : Xuất nhập khẩu: Xăng, dầu, nhớt, mỡ, gas. Bán buôn xăng, dầu, nhớt, mỡ. Bán lẻ xăng, dầu, dầu nhờn, mỡ bôi trơn và các sản phẩm nhiên liệu khác. Môi giới bất động sản, kinh doanh bất động sản, cho thuê kho bãi. Dịch vụ cung ứng tàu biển, giao nhận hàng hóa trong và ngoài nước. Bán lẻ phân bón, hóa chất (trừ hóa chất có tính độc hại mạnh). Mua bán thiết bị, dụng cụ hệ thống điện (máy biến thế, mô tơ điện, ổn áp, máy phát, dây điện, vật lưu dẫn, bóng đèn, bảng điện, công tắc, cầu chì, aptômát), vật liệu xây dựng, thiết bị máy ngành công nghiệp – khai khoáng – lâm nghiệp và xây dựng, thiết bị vệ sinh. Bán lẻ vải, len, sợi, chỉ khâu và hàng dệt khác trong các cửa hàng chuyên doanh. Mua bán máy vi tính, thiết bị ngoại vi, thiết bị điều hòa nhiệt độ, thiết bị vệ sinh. Lắp đặt hệ thống phòng cháy chữa cháy. Bán buôn phân bón, hóa chất. Đại lý mua bán hàng hóa, tư vấn đầu tư (trừ tư vấn tài chính, kế toán), dịch vụ đại lý bưu chính viễn thông (trừ đại lý truy cập internet). Vận chuyển nhiên liệu, nhớt, mỡ bằng ô tô. Nhà hàng và dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động (không hoạt động tại trụ sở). Quảng cáo thương mại. Cho thuê văn phòng. Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa. Vận tải hành khách đường thủy nội địa. Nhà trọ, phòng trọ và các cơ sở lưu trú tương tự (không hoạt động tại trụ sở). Xây dựng dân dụng và công nghiệp, thiết kế kết cấu công trình dân dụng và công nghiệp, tư vấn xây dựng. Bán lẻ ô tô con (loại 12 chỗ trở xuống). Sửa chữa, tân trang phương tiện, thiết bị giao thông vận tải, dịch vụ rửa xe. Bán mô tô, xe gắn máy. Mua bán vải, hàng may mặc, khẩu trang, quần áo bảo hộ lao động, giày dép. Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da, giả da trong các cửa hàng chuyên doanh. Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt). Kinh doanh bãi đỗ xe. Trồng lúa. Trồng ngô và cây lương thực có hạt khác. Trồng thuốc lá, thuốc lào. Trồng cây lấy sợi. Trồng cây có hạt chứa dầu. Trồng rau, đậu các loại và trồng hoa, cây cảnh. Trồng cây ăn quả. Trồng cây lấy củ có chất bột. Trồng cây mía. Trồng cây hàng năm khác. Trồng cây lấy quả chứa dầu. Trồng cây điều. Trồng cây hồ tiêu. Trồng cây lâu năm khác.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường:

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

5. Đặc điểm hoạt động của Công ty trong năm có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính: Không.

II Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán:

1. **Kỳ kế toán** của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

2. **Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán:** Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

5011
CÔNG
TNI
CH VỤ
CHÍNH
À KIỂM
PHIÁ
T.P.T

III Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng:

- 1. Chế độ kế toán áp dụng:** Công ty áp dụng chế độ kế toán Việt Nam ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014; Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 03 năm 2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp, cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.
- 2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán:** Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014; Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 03 năm 2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp, cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

IV Các chính sách kế toán áp dụng:

1. Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán:

Việc ghi nhận, đánh giá, xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá trong năm được thực hiện theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 03 năm 2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp.

2. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền:

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và có kỳ hạn, tiền đang chuyển, vàng tiền tệ. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành tiền cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

3. Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính:

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn: Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu.

Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua. Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

3.1 Các khoản chi vay: Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản cho vay được lập căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

4. **Nguyên tắc kế toán nợ phải thu:** Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng, phải thu nội bộ và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu ủy thác cho đơn vị khác.

Phải thu nội bộ phản ánh các khoản phải thu các đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc.

Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua - bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:

- 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
- 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
- 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
- 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.

- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

5. **Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho:**

- 5.1 **Nguyên tắc kế toán hàng tồn kho:**

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc của hàng tồn kho mua ngoài bao gồm giá mua, các loại thuế không được hoàn lại, chi phí vận chuyển, bốc xếp, bảo quản trong quá trình mua hàng và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho.

Giá gốc của hàng tồn kho do đơn vị tự sản xuất bao gồm chi phí nguyên liệu vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp, chi phí sản xuất chung cố định và chi phí sản xuất chung biến đổi phát sinh trong quá trình chuyển hoá nguyên liệu vật liệu thành thành phẩm.

- 5.2 **Phương pháp xác định giá trị hàng tồn kho cuối kỳ:** Giá trị hàng tồn kho cuối kỳ được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

- 5.3 **Phương pháp hạch toán hàng tồn kho:** Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên.

- 5.4 **Lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho:**

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Đối với dịch vụ cung cấp dở dang, việc lập dự phòng giảm giá được tính theo từng loại dịch vụ có mức giá riêng biệt. Tăng, giảm số dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

6. **Nguyên tắc kế toán và khấu hao TSCĐ hữu hình, TSCĐ vô hình:**

- 6.1 **Nguyên tắc kế toán TSCĐ hữu hình, TSCĐ vô hình:**

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng và tuân thủ theo tỷ lệ khấu hao được xác định theo quy định tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 và Thông tư 147/2016/TT-BTC ngày 13/10/2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 4 năm 2013 của Bộ tài chính hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định của Bộ Tài chính

7. Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước:

Các loại chi phí trả trước nếu chỉ liên quan đến năm tài chính hiện tại thì được ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý.

8. Nguyên tắc kế toán nợ phải trả và chi phí phải trả:

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả, phải trả nội bộ và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.

Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.

Phải trả nội bộ phản ánh các khoản phải trả giữa đơn vị cấp trên và đơn vị cấp dưới trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc.

Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

9. Nguyên tắc ghi nhận các khoản dự phòng phải trả:

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại (nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới) do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, việc thanh toán nghĩa vụ nợ này có thể sẽ dẫn đến sự giảm sút về những lợi ích kinh tế và giá trị của nghĩa vụ nợ đó có thể được một ước tính đáng tin cậy.

Nếu ảnh hưởng của thời gian là trọng yếu, dự phòng sẽ được xác định bằng cách chiết khấu số tiền phải bỏ ra trong tương lai để thanh toán nghĩa vụ nợ với tỷ lệ chiết khấu trước thuế và phản ánh

030501
CÔNG
TY
DỊCH VỤ
TÀI CHÍNH
VÀ KIỂM
SỐ
PHÍA N.
T.P.H

những đánh giá trên thị trường hiện tại về giá trị thời gian của tiền và những rủi ro cụ thể của khoản nợ đó. Khoản tăng lên của số dự phòng do thời gian trôi qua được ghi nhận là chi phí tài chính.

10. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu:

10.1 Vốn góp của chủ sở hữu:

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông, chủ sở hữu.

10.2 Thặng dư vốn cổ phần:

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

10.3 Vốn khác của chủ sở hữu:

Vốn khác được hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh, đánh giá lại tài sản và giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản được tặng, biếu, tài trợ sau khi trừ các khoản thuế phải nộp (nếu có) liên quan đến các tài sản này.

11. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu:

11.1 Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm:

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

11.2 Doanh thu cung cấp dịch vụ:

Được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

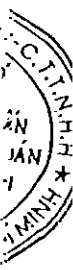
11.3 Doanh thu hoạt động tài chính:

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

12. Nguyên tắc kế toán chi phí tài chính: Chi phí hoạt động tài chính bao gồm các khoản chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính, chi phí cho vay và đi vay vốn, chi phí góp vốn liên doanh, liên kết, lỗ chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng



khoản; Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái...

Không hạch toán vào chi phí tài chính những nội dung chi phí sau đây:

- Chi phí phục vụ cho việc sản xuất sản phẩm, cung cấp dịch vụ;
- Chi phí bán hàng;
- Chi phí quản lý doanh nghiệp;
- Chi phí kinh doanh bất động sản;
- Chi phí đầu tư xây dựng cơ bản;
- Các khoản chi phí được trang trải bằng nguồn kinh phí khác;
- Chi phí khác.

Chi phí phát hành trái phiếu được phân bổ dần phù hợp với kỳ hạn trái phiếu và được ghi nhận vào chi phí tài chính nếu việc phát hành trái phiếu cho mục đích sản xuất, kinh doanh thông thường.

Lãi phải trả của trái phiếu chuyển đổi được tính vào chi phí tài chính trong kỳ được xác định bằng cách lấy giá trị phần nợ gốc đầu kỳ của trái phiếu chuyển đổi nhân (x) với lãi suất của trái phiếu tương tự trên thị trường nhưng không có quyền chuyển đổi thành cổ phiếu hoặc lãi suất đi vay phổ biến trên thị trường tại thời điểm phát hành trái phiếu chuyển đổi

Nếu cổ phiếu ưu đãi được phân loại là nợ phải trả, khoản cổ tức ưu đãi đó về bản chất là khoản lãi vay và phải được ghi nhận vào chi phí tài chính.

13. Nguyên tắc kế toán chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp:

a. Nguyên tắc kế toán chi phí bán hàng:

Các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ, bao gồm các chi phí chào hàng, giới thiệu sản phẩm, quảng cáo sản phẩm, hoa hồng bán hàng, chi phí bảo hành sản phẩm, hàng hoá (trừ hoạt động xây lắp), chi phí bảo quản, đóng gói, vận chuyển,...

Chi phí bán hàng được mở chi tiết theo từng nội dung chi phí như: Chi phí nhân viên, vật liệu, bao bì, dụng cụ, đồ dùng, khấu hao TSCĐ; dịch vụ mua ngoài, chi phí bằng tiền khác.

b. Nguyên tắc kế toán chi phí quản lý doanh nghiệp:

Các chi phí quản lý chung của doanh nghiệp gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp (Tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp,...); Bảo hiểm xã hội, y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý doanh nghiệp; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp; tiền thuê đất, thuê môn bài; khoản lập dự phòng phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài (Điện, nước, điện thoại, fax, bảo hiểm tài sản, cháy nổ,...); chi phí bằng tiền khác (Tiếp khách, hội nghị khách hàng...).

14. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành:

Thuế TNDN hiện hành:

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2021

V- THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

1. TIỀN	Đơn vị tính: VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
* Tiền mặt (VND)	17.916.151	11.189.170
* Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	15.313.227.818	4.401.527.039
- Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam	2.515.861.178	60.831.838
- Ngân hàng TMCP Xuất Nhập Khẩu Việt Nam	1.869.323.759	2.293.324.895
- Ngân hàng Nông Nghiệp và Phát Triển Nông Thôn Việt Nam - CN Quận 10	1.609.984.352	125.802.402
- Chứng khoán Bảo Việt	6.635.617	5.238.719
- Ngân hàng TM TNHH MTV Đại Dương - CN Sài Gòn	56.805.100	56.744.400
- Ngân hàng TM TNHH MTV Đại Dương - PGD Lý Thái Tô	1.163.095	1.161.723
- Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín - CN Quận 10	3.508.915.756	741.631.674
- Ngân hàng TM TNHH MTV Đại Dương - CN Hồ Chí Minh	1.141.404	1.140.100
- Ngân Hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - CN Kỳ Đồng	2.882.394.652	1.115.571.212
- Ngân hàng TMCP Phát Triển TP. HCM	1.002.905	80.000
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát Triển Việt Nam - CN Quận 3	2.860.000.000	
* Tiền đang chuyển	7.856.833.529	7.363.707.410
* Các khoản tương đương tiền (Tiền gửi NH kỳ hạn dưới 3 tháng)	62.000.000.000	47.000.000.000
Cộng	85.187.977.498	58.776.423.619

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT TƯ - XĂNG DẦU (COMECO)

Địa chỉ: Tòa nhà Comeco, 549 Điện Biên Phủ, Phường 3, Quận 3, TP.HCM.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2021

2. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm			Số đầu năm					
	Số lượng Cp (CP)	Tỷ lệ % vốn nắm giữ	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý	Tỷ lệ % vốn nắm giữ	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý
a. Chứng khoán kinh doanh									
- Cổ phiếu									
Công ty CP Cà Phê Petec (PCF) Ư C Q M	43.800		19.346.704.000	3.698.764.230	15.647.939.770	18.159.184.000	4.868.037.900	13.291.146.100	
Công ty CP Bến Xe Miền Tây (WCS) H T M X	5.000		444.000.000	69.203.400	374.796.600	444.000.000	229.818.000	214.182.000	
Công ty CP XNK Thủ Đức (TMC) H T M X	264.752		87.500.000	2.413.334.600	87.500.000	87.500.000		87.500.000	
Công ty CP Cơ Khí Xăng Dầu (PMS) Ư C Q M	176.942		5.775.685.000	3.989.625.000	3.362.350.400	5.775.685.000	1.777.929.800	3.997.755.200	
Công ty CP Thương Nghiệp Cà Mau (CMV) (**)	356.256		3.989.625.000	3.989.625.000	3.989.625.000	3.989.625.000	1.335.495.000	2.654.130.000	
Công ty CP DV Ô tô Hàng Xanh (HAX) Ư C Q M	16.013		4.637.520.000	4.637.520.000	4.637.520.000	4.637.520.000		3.450.000.000	
Công ty CP Xăng Dầu Dầu Khí Sài Gòn (PMS) Ư C Q M	200.000		46.600.000	2.000.000.000	46.600.000	46.600.000		46.600.000	
Công ty CP Xăng Dầu Dầu Khí Nam Định (PND) Ư C Q M	17.640		2.000.000.000	23.116.480	2.000.000.000	2.000.000.000		2.000.000.000	
Tổng Công ty CP Thương Mại Kỹ Thuật Và Đầu Tư PETEC (PEG) Ư C Q M	99.675		272.599.000	1.193.109.750	900.065.250	272.599.000	123.364.600	149.234.400	
b. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác									
- Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết									
Công ty CP Vận Tải Xăng Dầu Dầu Khí Việt Nam (*)	1.000.000	20,00%	22.000.000.000	11.286.081.683	10.713.918.317	22.000.000.000	11.435.367.147	10.564.632.853	
- Đầu tư vào đơn vị khác									
Công ty CP Vạn Tài Việt Tin (*)	200.000	6,01%	10.000.000.000	10.000.000.000	10.000.000.000	10.000.000.000	10.000.000.000	10.000.000.000	
Công ty CP Vạn Tài Việt Tin (*)	1.000.000	14,93%	10.000.000.000	10.000.000.000	10.000.000.000	10.000.000.000	10.000.000.000	10.000.000.000	
Ghi chú:									

(*) Các khoản đầu tư thuộc công ty chưa niêm yết, tới thời điểm phát hành báo cáo kiểm toán này chưa thu thập được báo cáo tài chính cho năm tài chính 2021; Do vậy, mức trích dự phòng này được tạm trích căn cứ vào báo cáo tài chính năm 2020 (mức trích lập dự phòng này có thể thay đổi khi thu thập được báo cáo tài chính của đơn vị và sẽ được điều chỉnh vào kỳ sau "nếu có").

(**) Trong năm Công ty mua thêm 118.752 cổ phiếu Công ty CP Thương Nghiệp Cà Mau (CMV) số tiền 1.187.520.000 đồng



CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT TƯ - XĂNG DẦU (COMECO)

Địa chỉ: Tòa nhà Comeco, 549 Điện Biên Phủ, Phường 3, Quận 3, TP.HCM.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2021

3. PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG

Phải thu của khách hàng ngắn hạn

* Phải thu của khách hàng chiếm từ 10% trở lên trên tổng phải thu khách hàng

- Công ty TNHH Điện Tử Hyundai Việt Nam

- Công ty TNHH MTV Môi Trường Đô Thị

* Các khoản phải thu khách hàng khác

Cộng

4. PHẢI THU KHÁC

a) Ngắn hạn

- Phải thu tạm ứng

- Phải thu khác

- Công ty CP Khu Công Nghiệp Đồng Tâm

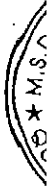
b) Dài hạn

- Tiền đặt cọc thuê mặt bằng

Cộng

Số cuối năm	Số đầu năm	Đơn vị tính: VND
53.484.977.669	50.139.535.245	
40.621.010.631	42.104.974.161	
35.551.476.000	36.851.476.000	
5.069.534.631	5.253.498.161	
12.863.967.038	8.034.561.084	
53.484.977.669	50.139.535.245	

Số cuối năm		Số đầu năm	
Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
1.405.437.953		10.108.862.229	
220.341.000		1.638.456.129	
1.185.096.953		406.100	
1.500.000.000		8.470.000.000	
1.500.000.000		1.500.000.000	
2.905.437.953		11.608.862.229	



CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT TƯ - XĂNG DẦU (COMECO)

Địa chỉ: Tòa nhà Comeco, 549 Điện Biên Phủ, Phường 3, Quận 3, TPHCM.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2021

5. NỢ XẤU

	Số cuối năm		Số đầu năm			
	Thời gian quá hạn	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi được	Thời gian quá hạn	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi được
Phải thu khách hàng						
- Công ty TNHH Điện Tử Hyundai Việt Nam (*)		35.551.476.000				36.851.476.000
Cộng		35.551.476.000				36.851.476.000

Ghi chú (*): Khoản nợ xấu đã trích lập dự phòng phải thu khó đòi 100% trên số dư nợ phải thu phát sinh theo hợp đồng mua bán hàng hóa số 150/HD-VX ngày 09/02/2012 giữa Công ty Cổ Phần Vật tư - Xăng dầu (COMECO) và Công ty TNHH Điện Tử Hyundai Việt Nam, thời hạn thanh toán tiền hàng trong vòng 30 ngày kể từ ngày bên bán (COMECO) phát hành hóa đơn GTGT cho mỗi đợt giao hàng, được đảm bảo thanh toán bằng thư bảo lãnh số 1102/12/BL - HDB013 ngày 11/02/2012 của Ngân hàng Phát Triển Nhà TP.HCM (HD Bank) có giá trị bảo lãnh là 50 tỷ đồng. Sau khi thu được một phần tiền nợ là 6.712.080.000 VND và cân trừ bằng hàng hóa với giá trị là 4.381.982.000 VND, số tiền còn nợ là 38.878.946.000 VND chưa được Ngân hàng thanh toán thay như cam kết trong thư bảo lãnh; Do vậy, ngày 01/9/2012 Công ty đã khởi kiện yêu cầu Ngân Hàng HD Bank thanh toán theo cam kết bảo lãnh, vụ án đã được Tòa án nhân dân cấp cao Tp. Hà Nội xét xử (trong năm 2017, 2018, 2019 và 2021 đã thu hồi thêm số tiền là 3.327.470.000 VND, số dư còn lại là 35.551.476.000 VND đến nay chưa thu hồi được).

6. HÀNG TỒN KHO

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
- Hàng mua đang đi đường	66.368.154.547		59.290.054.545	
- Hàng hóa	34.645.994.265		20.566.635.476	
Cộng	101.014.148.812		79.856.690.021	

7. TÀI SẢN DỜ DANG DÀI HẠN

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang khác	13.394.513.539	12.220.409.365
Cộng	13.394.513.539	12.220.409.365	13.394.513.539	12.220.409.365

21





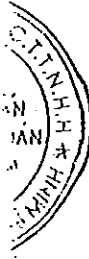

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2021

8. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Dụng cụ quản lý	Tổng Cộng
Nguyên giá					
Số dư đầu năm	164.501.880.286	24.588.230.257	23.811.998.083	3.954.810.591	216.856.919.217
- Mua trong năm					
- Cải tạo sửa chữa	591.338.783				591.338.783
- Đầu tư XDCB hoàn thành					
- Chuyển sang bất động sản đầu tư					
- Thanh lý, nhượng bán					
- Giảm khác					
Số dư cuối năm	165.093.219.069	24.588.230.257	23.811.998.083	3.954.810.591	217.448.258.000
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm	47.419.936.750	18.349.142.637	18.052.246.660	3.790.254.394	87.611.580.441
- Khấu hao trong năm	4.674.286.701	2.048.559.845	962.174.148	71.327.316	7.756.348.010
- Tăng khác					
- Chuyển sang bất động sản đầu tư					
- Thanh lý, nhượng bán					
- Giảm khác					
Số dư cuối năm	52.094.223.451	20.397.702.482	19.014.420.808	3.861.581.710	95.367.928.451
III. Giá trị còn lại					
1. Tại ngày đầu năm	117.081.943.536	6.239.087.620	5.759.751.423	164.556.197	129.245.338.776
2. Tại ngày cuối năm	112.998.995.618	4.190.527.775	4.797.577.275	93.228.881	122.080.329.549

- Giá trị còn lại cuối kỳ của TSCĐ hữu hình đã dùng thẻ chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay: 0 đồng.
 - Nguyên giá TSCĐ hữu hình cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là: 41.854.523.986 đồng.



CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT TƯ - XĂNG DẦU (COMECO)

Địa chỉ: Tòa nhà Comeco, 549 Điện Biên Phủ, Phường 3, Quận 3, TP.HCM.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

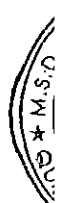
Năm 2021

9. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

Khoản mục	Quyền SD Đất	Bản quyền, bằng sáng chế	Phần mềm máy tính	TSCĐ vô hình khác	Tổng Cộng
Nguyên giá					
Số dư đầu năm	138.636.025.363		655.000.000		139.291.025.363
- Mua trong năm					
- Cải tạo sửa chữa					
- Đầu tư XD/CB hoàn thành					
- Chuyển sang bất động sản đầu tư					
- Thanh lý, nhượng bán					
- Giảm khác					
Số dư cuối năm	138.636.025.363		655.000.000		139.291.025.363
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm	16.356.598.200		564.729.174		16.921.327.374
- Khấu hao trong năm	3.169.429.563		53.750.004		3.223.179.567
- Tăng khác					
- Chuyển sang bất động sản đầu tư					
- Thanh lý, nhượng bán					
- Giảm khác					
Số dư cuối năm	19.526.027.763		618.479.178		20.144.506.941
III. Giá trị còn lại					
1. Tại ngày đầu năm	122.279.427.163		90.270.826		122.369.697.989
2. Tại ngày cuối năm	119.109.997.600		36.520.822		119.146.518.422

- Giá trị còn lại cuối kỳ của TSCĐ vô hình đã dùng thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay: 0 đồng.

- Nguyên giá TSCĐ vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn sử dụng: 300.000.000 đồng



CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT TƯ - XĂNG DẦU (COMECO)

Địa chỉ: Tòa nhà Comeco, 549 Điện Biên Phủ, Phường 3, Quận 3, TPHCM.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2021

10. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

* Dài hạn

- Giá trị quyền sử dụng đất thuê trả tiền thuê đất một lần (*)

- Công cụ, dụng cụ chưa phân bổ

Số cuối năm	Số đầu năm
38.904.605.127	40.375.249.815
38.618.998.772	39.854.962.964
285.606.355	520.286.851
38.904.605.127	40.375.249.815

Đơn vị tính: VND

Ghi chú (*): Đây là giá trị quyền sử dụng đất thuê đã trả tiền thuê cho cả thời gian thuê đất (đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất):

STT	Vị trí đất	Diện tích thuê	Thời gian thuê	Cơ quan cấp giấy CN quyền SD đất	Trị giá	Giá trị còn lại
1	Thửa số 4822 Tờ bản đồ số 2 Địa chỉ Xã Nhị Thành, Huyện Thủ Thừa, Tỉnh Long An	3.314 m ²	Đến 10/9/2058	Sở Tài nguyên và Môi trường Tỉnh Long An	14.950.206.278	14.626.647.965
2	Thửa số 106 Tờ bản đồ số 40 Địa chỉ Xã Hồ Nai 3, Huyện Trảng Bom, Tỉnh Đồng Nai	3.872 m ²	Đến 01/01/2046	Sở Tài nguyên và Môi trường Tỉnh Đồng Nai	9.678.679.000	6.456.466.272
3	Thửa số 378 Tờ bản đồ số 2 Địa chỉ Phường 16, Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh	614 m ²	Đến 04/09/2052	Ủy ban Nhân dân Tp.HCM	2.248.400.000	963.914.835
4	Thửa số 1773 Tờ bản đồ số 3 Địa chỉ Thị trấn Bến Lức, Huyện Bến Lức, Tỉnh Long An	2.500 m ²	Đến 04/4/2053	Sở Tài nguyên và Môi trường Tỉnh Long An	17.500.000.000	16.571.969.700
Tổng					44.377.285.278	38.618.998.772

050117
CÔNG
TNH
CHÍNH K
KIỂM
PHÍA N
- T.P.H

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT TƯ - XĂNG DẦU (COMECO)

Địa chỉ: Tòa nhà Comeco, 549 Điện Biên Phủ, Phường 3, Quận 3, TP.HCM.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2021

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
11. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN				
* Các khoản phải trả người bán ngắn hạn	9.710.437.050	9.710.437.050	3.206.980.370	3.206.980.370
- Công ty TNHH TM DV Nam Giang	752.373.050	752.373.050	1.588.792.370	1.588.792.370
- Công ty CP Hóa Dầu Mekong	822.604.000	822.604.000	1.068.188.000	1.068.188.000
- Công ty CP Dầu Nhot PV OIL	363.000.000	363.000.000	550.000.000	550.000.000
* Phải trả người bán là các bên liên quan	7.772.460.000	7.772.460.000		
- Công ty CP Xăng dầu Dầu khí Sài Gòn	7.772.460.000	7.772.460.000		
Cộng	9.710.437.050	9.710.437.050	3.206.980.370	3.206.980.370

12. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC

	Số cuối năm	Số đầu năm
* Ngắn hạn	2.229.961.242	4.501.473.373
- Công ty TNHH MTV KCN Vĩnh Lộc	5.182.000	2.203.802.000
- Công ty CP Chiếu Sáng Công Cộng	487.449.860	
- Công ty TNHH Kỹ thuật Xây dựng Đồng Phong	250.800.000	294.960.000
- Các đối tượng khác	1.486.529.382	2.002.711.373
Cộng	2.229.961.242	4.501.473.373

13. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU, PHẢI NỢ NHÀ NƯỚC

	Số đầu năm		Số phát sinh trong năm		Số cuối năm	
	Phải thu	Phải nộp	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	Phải thu	Phải nộp
* Thuế						
- Thuế giá trị gia tăng đầu ra	4.140.097.822		28.336.538.002	29.242.031.725		3.234.604.099
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	924.637.910		15.425.328.556	16.349.966.466		2.787.942.864
- Thuế thu nhập cá nhân	2.558.182.505		10.102.987.222	9.873.226.863		132.970.648
- Tiền nhà đất, tiền thuế đất	343.586.820		2.760.222.224	2.970.838.396		313.690.587
- Thuế môn bài	313.690.587		48.000.000			
Cộng	4.140.097.822		28.336.538.002	29.242.031.725		3.234.604.099

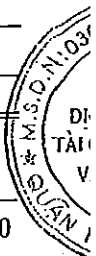
Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế, do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2021

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm	Số đầu năm
14. PHẢI TRẢ NGƯỜI LAO ĐỘNG		
- Lương phải trả công nhân viên	15.864.045.860	15.865.040.565
Cộng	15.864.045.860	15.865.040.565
15. PHẢI TRẢ KHÁC		
* Ngắn hạn	8.058.721.265	6.061.137.106
- Bảo hiểm Thất nghiệp		789.802
- Kinh phí Công đoàn		66.536.312
- Phải trả khác	8.058.721.265	5.993.810.992
Cộng	8.058.721.265	6.061.137.106
16. DOANH THU CHƯA THỰC HIỆN		
- Doanh thu nhận trước	647.846.193	
Cộng	647.846.193	
17. DỰ PHÒNG PHẢI TRẢ		
* Dài hạn	14.120.628.000	14.120.628.000
- Dự phòng rủi ro, bồi thường thiệt hại về môi trường	14.120.628.000	14.120.628.000
Cộng	14.120.628.000	14.120.628.000
18. QUỸ KHEN THƯỞNG PHÚC LỢI, BAN ĐIỀU HÀNH		
- Quỹ khen thưởng	8.436.585.068	7.517.630.076
- Quỹ phúc lợi	541.977.935	574.927.310
Cộng	8.978.563.003	8.092.557.386



CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT TƯ - XĂNG DẦU (COMECO)

Địa chỉ: Tòa nhà Comeco, 549 Điện Biên Phủ, Phường 3, Quận 3, TP.HCM.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2021

19. VỐN CHỦ SỞ HỮU

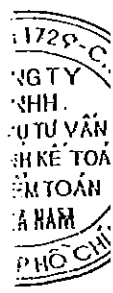
a/ Bảng cân đối biến động của vốn chủ sở hữu

Đơn vị tính: VND

	Các khoản mục thuộc vốn chủ sở hữu					
	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Vốn khác của chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng Cộng
A	1	2	3	4	5	6
Số dư đầu năm trước	141.206.280.000	135.484.038.434	99.685.822.404	21.242.445.149	47.055.611.301	444.674.197.288
- Tăng vốn trong năm trước						
- Lãi trong năm trước					37.035.533.015	37.035.533.015
- Tăng khác						
- Giảm vốn trong năm trước						
- Lỗ trong năm trước						
- Giảm khác						
Số dư đầu năm nay	141.206.280.000	135.484.038.434	99.685.822.404	21.242.445.149	44.995.202.521	39.095.941.795
- Tăng vốn trong năm nay						
- Lãi trong năm nay						
- Tăng khác						
- Giảm vốn trong năm nay						
- Lỗ trong năm nay						
- Giảm khác (*)						
Số dư cuối năm nay	141.206.280.000	135.484.038.434	99.685.822.404	21.242.445.149	74.635.427.276	40.194.501.770
					10.554.277.015	10.554.277.015
					74.635.427.276	472.254.013.263

(*) Giảm khác của lợi nhuận sau thuế chưa phân phối: Theo nghị quyết đại hội đồng cổ đông thường niên năm tài chính 2020, gồm:

- Trích quỹ khen thưởng	7.784.277.015
- Trích quỹ phúc lợi	500.000.000
- Thủ lao HĐQT và Ban Kiểm soát	510.000.000
- Trích thưởng HĐQT Ban điều hành, Ban kiểm soát	1.760.000.000
Cộng	10.554.277.015



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2021

Đơn vị tính: VND

b/ Chi tiết vốn đầu tư chủ sở hữu	Tỷ lệ	Số cuối năm	Số đầu năm
- Công ty TNHH Một Thành Viên Dầu Khí Thành Phố (SAIGON PETRO)	39,65%	55.987.570.000	55.987.570.000
- Tổng Công ty Dầu Việt Nam - Công ty TNHH MTV PVOIL	44,79%	63.250.160.000	63.250.160.000
- Vốn góp của các cổ đông khác	15,56%	21.968.550.000	21.968.550.000
Cộng	100%	141.206.280.000	141.206.280.000

c/ Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

- Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Năm nay	Năm trước
+ Vốn góp đầu năm	141.206.280.000	141.206.280.000
+ Vốn góp tăng trong năm		
+ Vốn góp giảm trong năm		
+ Vốn góp cuối năm	141.206.280.000	141.206.280.000
- Cổ tức lợi nhuận đã chia		28.241.256.000

d/ Cổ phiếu

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	14.120.628	14.120.628
- Số lượng cổ phiếu bán ra công chúng	14.120.628	14.120.628
+ Cổ phiếu phổ thông	14.120.628	14.120.628
+ Cổ phiếu ưu đãi		
- Số lượng cổ phiếu được mua lại		
+ Cổ phiếu phổ thông		
+ Cổ phiếu ưu đãi		
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	14.120.628	14.120.628
+ Cổ phiếu phổ thông	14.120.628	14.120.628
+ Cổ phiếu ưu đãi		

* Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đ/CP

đ/ Cổ tức

- Cổ tức đã công bố sau ngày kết thúc kỳ kế toán	
+ Cổ tức đã công bố trên cổ phiếu phổ thông	
+ Cổ tức đã công bố trên cổ phiếu ưu đãi	
- Cổ tức của cổ phiếu ưu đãi lũy kế chưa được ghi nhận	

e/ Các quỹ của doanh nghiệp

- Quỹ đầu tư và phát triển	99.685.822.404	99.685.822.404
	99.685.822.404	99.685.822.404

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

1. TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm nay	Năm trước
- Doanh thu bán hàng hóa	2.642.868.324.525	2.876.324.759.054
- Doanh thu cung cấp dịch vụ	17.431.321.449	23.696.122.656
Cộng	2.660.299.645.974	2.900.020.881.710

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2021

2. CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ DOANH THU

- Chiết khấu hàng bán

Cộng

Năm nay	Năm trước
617.540.956	728.789.697
617.540.956	728.789.697

3. DOANH THU THUẬN VỀ BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

- Doanh thu bán hàng hóa

- Doanh thu cung cấp dịch vụ

Cộng

Năm nay	Năm trước
2.642.250.783.569	2.875.595.969.357
17.431.321.449	23.696.122.656
2.659.682.105.018	2.899.292.092.013

4. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

- Giá vốn hàng hóa

- Giá vốn dịch vụ đã cung cấp

Cộng

Năm nay	Năm trước
2.470.655.207.428	2.704.716.339.869
11.917.972.859	16.723.851.354
2.482.573.180.287	2.721.440.191.223

5. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

- Lãi tiền gửi, tiền cho vay

- Cổ tức, lợi nhuận được chia

Cộng

Năm nay	Năm trước
232.540.808	318.799.892
1.278.810.000	752.131.588
1.511.350.808	1.070.931.480

6. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

- Lãi tiền vay

- Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính

- Chi phí tài chính khác

Cộng

Năm nay	Năm trước
	53.756.164
(1.318.559.134)	(737.384.781)
41.497.706	2.348.651
(1.277.061.428)	(681.279.966)

7. THU NHẬP KHÁC

- Thu phạt hợp đồng

- Thu từ thanh lý tài sản

- Thu nhập khác

Cộng

Năm nay	Năm trước
1.354.989.270	2.936.400.671
	204.848.456
1.928.136.208	4.638.428.874
3.283.125.478	7.779.678.001

8. CHI PHÍ KHÁC

- Phạt vi phạm hành chính

- Chi phí khác

Cộng

Năm nay	Năm trước
	73.454.953
835.480	79.032.682
835.480	152.487.635

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2021

9. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

a) Các khoản chi phí bán hàng phát sinh trong kỳ

- Chi phí nhân công
- Chi phí khấu hao
- Các khoản chi phí bán hàng khác

Cộng

Năm nay	Năm trước
63.013.646.659	61.444.937.057
10.470.331.132	10.870.050.678
46.001.453.811	54.042.446.150
119.485.431.602	126.357.433.885

b) Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong kỳ

- Chi phí nhân viên quản lý
- Chi phí khấu hao
- Dự phòng phải thu khó đòi
- Các khoản chi phí QLDN khác

Cộng

Năm nay	Năm trước
12.198.990.192	11.575.604.193
171.874.848	171.874.848
(1.300.000.000)	
2.699.807.255	2.920.136.642
13.770.672.295	14.667.615.683

10. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ

- Chi phí nguyên liệu, vật liệu
- Chi phí nhân công
- Chi phí khấu hao TSCĐ
- Chi phí dịch vụ mua ngoài
- Chi phí bằng tiền khác

Cộng

Năm nay	Năm trước
2.417.885.519	446.924.651
86.677.227.485	89.285.321.832
10.979.527.577	11.378.382.151
25.127.026.604	38.427.285.551
30.788.774.686	18.210.986.737
155.990.441.871	157.748.900.922

11. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

- Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế hiện hành
- Điều chỉnh chi phí thuế TNDN của các năm trước vào chi phí thuế TNDN năm nay

Cộng

Năm nay	Năm trước
10.102.987.222	9.479.481.204
	65.204.739
10.102.987.222	9.544.685.943

12. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

- Lợi nhuận kế toán sau thuế TNDN
- Trừ quỹ khen thưởng, phúc lợi
- Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông
- Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm
- Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Ghi chú: Chi tiêu lãi cơ bản trên cổ phiếu số năm trước đã điều chỉnh lại do trích quỹ khen thưởng, phúc lợi ... năm 2020 được trích vào năm 2021, chi tiêu lãi cơ bản trên cổ phiếu năm 2021 đến thời điểm phát hành báo cáo kiểm toán chưa trừ quỹ khen thưởng, phúc lợi ... do chưa có nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông về việc trích lập các quỹ này

Năm nay	Năm trước
40.194.501.770	37.035.533.015
510.000.000	10.044.277.015
39.684.501.770	26.991.256.000
14.120.628	14.120.628
2.810	1.911

13. CHI PHÍ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN KIỂM SOÁT

- Thù lao của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát

Cộng

Năm nay	Năm trước
660.000.000	660.000.000
660.000.000	660.000.000

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2021

14. THUẾ TNDN PHẢI NỘP VÀ LỢI NHUẬN SAU THUẾ TRONG KỲ	Năm nay	Năm trước
+ Tổng lợi nhuận trước thuế	49.923.523.068	46.206.253.034
+ Các khoản điều chỉnh tăng	393.424	73.454.953
+ Các khoản điều chỉnh giảm	1.278.810.000	752.131.588
- Cổ tức lợi nhuận được chia	1.278.810.000	752.131.588
+ Tổng thu nhập chịu thuế	48.645.106.492	45.527.576.399
+ Thuế TNDN phải nộp	10.102.987.222	9.479.481.204
+ Thuế TNDN truy thu		65.204.739
+ Thuế TNDN hoãn lại	(373.965.924)	(373.965.924)
+ Lợi nhuận sau thuế TNDN	40.194.501.770	37.035.533.015

VII. NHỮNG THÔNG TIN BỔ SUNG**1- Giao dịch giữa các bên liên quan:**

a) Trong năm 2021, Công ty phát sinh một số nghiệp vụ với các bên có liên quan. Các nghiệp vụ chủ yếu như sau:

Các bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Giá trị giao dịch (VND)
- Công ty TNHH Một Thành Viên Dầu Khí Thành Phố (SAIGON PETRO)	Cổ đông lớn	Mua xăng dầu Thanh toán tiền mua xăng dầu	1.469.597.275.850 1.469.597.275.850
- Tổng Công ty Dầu Việt Nam - Công ty TNHH MTV PVOIL	Cổ đông lớn	Mua xăng dầu Thanh toán tiền mua xăng dầu	1.238.256.150.000 1.230.483.690.000

b) Tại ngày 31/12/2021 số dư các khoản công nợ phải trả người bán với các bên có liên quan như sau:

Các bên liên quan	Mối quan hệ	Số cuối năm	Số đầu năm
- Công ty CP Dầu Nhớt PV OIL	Cổ đông lớn	7.772.460.000	

Trong năm 2021, ngoài các giao dịch giữa các bên liên quan được trình bày ở mục VII.1.a ở trên, trong năm Công ty phát sinh thêm các giao dịch với các bên liên quan khác như sau:

Các bên liên quan	Mối quan hệ	Giá trị giao dịch (VND)
Thành viên của Hội đồng quản trị		
Thủ lao		
Ông Phạm Văn Thoại	Chủ tịch HĐQT	120.000.000
Ông Lê Văn Nghĩa	Ủy viên HĐQT	90.000.000
Ông Lê Văn Bách	Ủy viên HĐQT	90.000.000
Bà Trần Thị Phương Khanh	Ủy viên HĐQT	90.000.000
Ông Lê Tấn Thương	Ủy viên HĐQT	90.000.000
Thành viên ban Tổng Giám đốc		
Lương		
Ông Lê Tấn Thương	Tổng Giám đốc	1.293.147.197
Ông Phạm Văn Khoa	Phó Tổng Giám đốc	744.871.241
Ông Nguyễn Chơn Quang	Phó Tổng Giám đốc	660.961.440
Ông Phạm Công quyền	Kế toán trưởng	770.209.258

2- Báo cáo bộ phận

- Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý: Toàn lãnh thổ Việt Nam.

- Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh: Hoạt động chủ yếu của Công ty là kinh doanh xăng dầu nên không trình bày báo cáo bộ phận.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT TƯ - XĂNG DẦU (CÓMECO)
 Địa chỉ: Tòa nhà Comeco, 549 Điện Biên Phủ, Phường 3, Quận 3, TPHCM

3- Công cụ tài chính
 a) Tài sản tài chính và Nợ phải trả tài chính

	Giá trị sổ sách		Giá trị dự phòng		Giá trị hợp lý	
	Ngày 31/12/2021	Ngày 31/12/2020	Ngày 31/12/2021	Ngày 31/12/2020	Ngày 31/12/2021	Ngày 31/12/2020
Tài sản tài chính						
- Tiền và các khoản tương đương tiền	85.187.977.498	58.776.423.619			85.187.977.498	58.776.423.619
- Phải thu của khách hàng	53.484.977.669	50.139.535.245	(35.551.476.000)	(36.851.476.000)	17.933.501.669	13.288.059.245
- Phải thu ngắn hạn khác	1.405.437.953	10.108.862.229			1.405.437.953	10.108.862.229
Cộng	140.078.393.120	119.024.821.093	(35.551.476.000)	(36.851.476.000)	104.526.917.120	82.173.345.093
Nợ phải trả tài chính						
- Phải trả người bán	9.710.437.050	3.206.980.370			9.710.437.050	3.206.980.370
- Các khoản phải trả, phải nộp khác ngắn hạn	8.058.721.265	6.061.137.106			8.058.721.265	6.061.137.106
Cộng	17.769.158.315	9.268.117.476			17.769.158.315	9.268.117.476

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính là giá trị mà một tài sản có thể được trao đổi, hoặc một khoản nợ phải trả có thể được thanh toán giữa các bên có đầy đủ hiểu biết, mong muốn giao dịch, trong một giao dịch trao đổi ngang giá.



CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT TƯ - XĂNG DẦU (COMECO)

Địa chỉ: Tòa nhà Comeco, 549 Điện Biên Phủ, Phường 3, Quận 3, TPHCM.

b) Mục đích và chính sách quản lý rủi ro tài chính

Các nhân tố rủi ro tài chính:

Công ty chịu các rủi ro sau khi sử dụng các công cụ tài chính:

- Rủi ro thị trường
- Rủi ro tín dụng
- Rủi ro thanh khoản

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm đối với việc thiết lập và giám sát nguyên tắc quản lý rủi ro tài chính. Ban Giám đốc thiết lập các chính sách nhằm phát hiện và phân tích các rủi ro mà Công ty thiết lập các biện pháp kiểm soát rủi ro và các hạn mức rủi ro thích hợp, giám sát rủi ro và việc thực hiện các hạn mức rủi ro. Hệ thống và chính sách quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của các điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

b.1 Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường gồm 3 loại: rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất, và rủi ro về giá khác.

Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái.

Công ty không có rủi ro ngoại tệ do việc mua và bán hàng hoá, dịch vụ được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ kế toán chủ yếu là đồng Việt Nam.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.

Công ty không có rủi ro lãi suất do các khoản vay theo lãi suất cố định và công ty luôn được các ngân hàng xếp hạng tín dụng tốt nên lãi suất các tổ chức thường áp dụng ở mức lãi suất phù hợp nhất so với thị trường.

Rủi ro về giá khác

Rủi ro về giá khác là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường ngoài thay đổi của lãi suất và tỷ giá hối đoái. Vấn đề này không ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính của Công ty.

b.2 Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty.

Các khách hàng của Công ty chủ yếu là các Công ty, tổ chức của các tỉnh thành trong khu vực phía Nam; có mối quan hệ truyền thống lâu năm trong lĩnh vực xăng dầu, đồng thời các khách hàng này cũng được xem xét và đánh giá khả năng thanh toán định kỳ nên những rủi ro về phải thu khó đòi từ khách hàng rất ít.

Phải thu khách hàng

Công ty giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng cách đưa ra chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình công nợ để đơn đốc thu hồi.

Tiền gửi ngân hàng

Phần lớn tiền gửi ngân hàng của Công ty được gửi tại các ngân hàng lớn, có uy tín ở Việt Nam. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

501172
CÔNG TY
VẬT TƯ
XĂNG DẦU
KIỂM TOÁN
PHÍA NAM
TP.HỒ

1672
TY
KIỂM
TOÁN
PHÍA
NAM
TP.HỒ

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT TƯ - XĂNG DẦU (COMECO)

Địa chỉ: Tòa nhà Comeco, 549 Điện Biên Phủ, Phường 3, Quận 3, TPHCM.

b.3 Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền.

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm cao nhất trong quản lý rủi ro thanh khoản. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty quản lý rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền và các khoản tương đương tiền phù hợp và các khoản vay ở mức mà Ban Tổng Giám đốc cho là đủ để đáp ứng nhu cầu hoạt động của Công ty nhằm giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

	Dưới 1 năm	Trên 1 năm	Tổng cộng
Tại 31/12/2021			
Tiền và các khoản tương đương tiền	85.187.977.498		85.187.977.498
Phải thu khách hàng và phải thu khác	54.890.415.622	1.500.000.000	56.390.415.622
Đầu tư ngắn hạn	15.647.939.770		15.647.939.770
Đầu tư dài hạn		10.713.918.317	10.713.918.317
Tài sản tài chính khác			
Tổng Cộng	155.726.332.890	12.213.918.317	167.940.251.207
Tại 01/01/2021			
Tiền và các khoản tương đương tiền	58.776.423.619		58.776.423.619
Phải thu khách hàng và phải thu khác	60.248.397.474	1.500.000.000	60.248.397.474
Đầu tư ngắn hạn	13.291.146.100		13.291.146.100
Đầu tư dài hạn		10.564.632.853	10.564.632.853
Tài sản tài chính khác			
Tổng Cộng	132.315.967.193	12.064.632.853	142.880.600.046

4. Số liệu so sánh

Số dư đầu năm trên Báo cáo tài chính năm 2021 là số dư cuối năm trên Báo cáo tài chính năm 2020 đã được kiểm toán bởi công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Phía Nam.

Người lập biểu
(Ký, họ tên)

Nguyễn Hữu Hoàng

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Phạm Công Quyền

Lập, ngày 10 tháng 02 năm 2022

Tổng Giám đốc

(Ký, họ tên, đóng dấu)



Lê Tấn Thương

**HỆ THỐNG CHI NHÁNH XĂNG DẦU COMECO
(CỬA HÀNG XĂNG DẦU)**

CN XD	ĐỊA ĐIỂM	ĐIỆN THOẠI	TG BẮT ĐẦU HOẠT ĐỘNG
Số 01	Góc Lý Thái Tổ - Lê Hồng Phong, P.1, Q.10, TP.HCM	38 359 704	*
Số 03	178/9M Điện Biên Phủ, P.21, Q. Bình Thạnh, TP.HCM	38 994 332	*
Số 04	46 Lê Quang Sung, P.2, Q.6, TP.HCM	39 693 884	*
Số 06	710 Hồng Bàng, P.1, Q.11, TP.HCM	39 691 767	*
Số 07	49 Trường Chinh, P.12, Q.Tân Bình, TP.HCM	38 490 097	*
Số 08	917 Đường 3/2, P.7, Q.11, TP.HCM	38 550 466	*
Số 09	79 Lý Thường Kiệt, P. 8, Q.Tân Bình, TP.HCM	38 645 289	*
Số 11	292 Đinh Bộ Lĩnh, P.26, Q.Bình Thạnh, TP.HCM	35 114 907	18/04/2003
Số 12	28 Kinh Dương Vương, P.13, Q.6, TP.HCM	38 756 890	*
Số 14	450 Kinh Dương Vương, P.An Lạc A, Q.Bình Tân, TP.HCM	38 750 029	*
Số 15	526 Kinh Dương Vương, P.An Lạc A, Q.Bình Tân, TP.HCM	38 750 038	*
Số 16	442 Cách Mạng Tháng 8, P.11, Q.3, TP.HCM	39 316 365	*
Số 17	70 Bạch Đằng, P.24, Q.Bình Thạnh, TP.HCM	38 990 983	*
Số 20	667A, Quốc lộ 1A, KP 3, P.Linh Xuân, Tp.Thủ Đức, TP.HCM	37 240 479	21/08/1993
Số 21	12A Quang Trung, P.11, Q.Gò Vấp, TP.HCM	39 968 014	01/09/1999
Số 22	315 Phan Huy Ích, P.14, Q.Gò Vấp, TP.HCM	39 873 006	16/08/2001
Số 24	C2 KCN Đức Hoà 1 Hạnh Phúc, Xã Đức Hòa Đông, H. Đức Hòa, Tỉnh Long An	0272 3779 913	18/02/2003
Số 25	26 Hồ Học Lãm, P.16, Q.8, TP.HCM	37 523 952	10/09/2004
Số 26	17/3 Huỳnh Tấn Phát, Xã Phú Xuân, H.Nhà Bè, TP.HCM	37 828 493	16/03/2004
Số 27	3/40G Dương Công Khi, Ấp Nhị Tân 1, Xã Tân Thới Nhì, H.Hóc Môn, TP.HCM	37 132 961	06/11/2004
Số 29	318 Hương lộ 80, P.Bình Hưng Hòa B, Q. Bình Tân, TP.HCM	37 655 868	27/04/2011
Số 30	22 Hương lộ 2, Xã Phước Vĩnh An, H.Củ Chi, TP.HCM	37 905 836	08/06/2004
Số 33	836 QL 1A, Ấp Ngũ Phúc, Xã Hố Nai 3, H.Trảng Bom, Tỉnh Đồng Nai	0251 2660 919	25/06/2010
Số 34	1135 Quốc lộ 1A, P.Tân Tạo, Q.Bình Tân, TP.HCM	37 505 046	01/02/2010
Số 35	Km 152, QL 20, KP 1, TT Madagui, H.Đạ Huai, Tỉnh Lâm Đồng	0263 3946 239	12/11/2011
Số 36	164A, Đường tỉnh 887, Ấp Mỹ A, Xã Mỹ Thạnh An, Tp Bến Tre, Tỉnh Bến Tre	0275 3545 494	07/12/2011
Số 37	Quốc lộ 60, Ấp Tân Long 2, Xã Tân Thành Bình, H.Mỏ Cày Bắc, Tỉnh Bến Tre	0275 3670 909	07/01/2012
Số 38	Ấp Vĩnh Phước, Xã Phước Lý, H.Cần Giuộc, Tỉnh Long An	0272 3892 959	16/09/2011
Số 39	Quốc lộ 1A, Ấp Voi Lá, Xã Long Hiệp, H.Bến Lức, Tỉnh Long An	0272 3644 674	25/04/2012
Số 40	348A Thạch Lam, P.Phú Thạnh, Q.Tân Phú, TP.HCM	39 761 217	04/12/2012
Số 44	Góc đường số 1 và Đường tỉnh 818, KCN Hòa Bình, Xã Nhị Thành H.Thủ Thừa, Tỉnh Long An	0272 365 5544	07/09/2019
Số 45	Đường số 2, KCN Thuận Đạo, Thị Trấn Bến Lức H. Bến Lức, Tỉnh Long An	0272 363 5565	06/07/2019

TỔNG CỘNG: 32 CHI NHÁNH XĂNG DẦU COMECO

Ghi chú :

- (*) : 12 CNXD được tiếp quản sau ngày Giải phóng Miền Nam 30/4/1975.

C.P. H. H. H.

